

VẤN ĐỀ

SỐ 9 ● THÁNG 12 - 1967

NGUYỄN TRẦN KIỀM	1	Kịch thước cho một chủ nghĩa quốc gia mới.
TÔ THÙY YÊN	17	Lộc Ninh trận đánh mở màn chiến dịch Đông Xuân của Việt Cộng.
UÔNG ĐẠI BẰNG	24	Mọi vài khám phá,
THANH TÂM TUYỀN	30	Màu trời
DU TỬ LÊ	46	Cung thủ
KIỆT TÂN	49	Nào ai biết
TÙY HỒNG	55	Những sợi sắc-không
LÝ PHẬT SƠN	70	Độc và nghĩ về "Quốc Sư Vạn Hạnh"
VŨ KHẮC KHOAN	87	Ngộ nhận
THẾ VŨ	99	Những ngày tháng mười một
TÔ NHUỘC CHÂU	103	Ngày bỏ cuộc
PHÙ VÂN	105	Buổi tối ở Hội An
CHẾ VÂN	106	Thành phố và cơn mưa
LÊ THỊ PHƯƠNG CHÂU	108	Giấc ngủ tình nhân
MẠC ĐỒ	110	Bộ mặt biến đổi của hoàn cảnh quốc gia qua diễn tiến của thời cuộc quốc tế.
TRẦN KỲ HÙNG	117	Kịch tác gia và kịch
KHẮC THIÊN	124	Một vài nét sinh hoạt V.H.

NGUYỄN TRẦN KIỀM

KỊCH-THƯỚC CHO MỘT CHỦ-NGHĨA
QUỐC - GIA MỚI (I)

T Ự bản chất, ý thức quốc gia, — và, từ đó, chủ nghĩa quốc gia, chỉ thành hình rõ rệt và phát triển mạnh mẽ khi một cộng đồng dân tộc bị đặt trước một mối đe dọa từ ngoài đến; nói cách khác, ý thức quốc gia chỉ tự khai triển thành chủ nghĩa khi hoàn cảnh bó buộc một cộng đồng phải đối diện với áp lực phát triển của một cộng đồng khác, và phải tự đổi chiều sinh lực của chính mình với những giá trị và triển vọng của áp lực đó.

Trong thế kỷ này, trên những phần đất cụ thuộc địa của Á châu, chủ nghĩa quốc gia đã phát triển trước hết khi phải đối diện với phong trào thực dân da trắng, và, sau đó, đề gọi là đương đầu với chủ nghĩa quốc tế của cách mạng cộng sản; hai hoàn cảnh phát sinh ra chủ nghĩa quốc gia đó hoàn toàn khác nhau, với những nhu cầu và định luật rất khác biệt, thế nhưng chủ nghĩa «quốc gia» như chúng ta thường nghe nói tới trong 40 năm nay ở Đông-Á thì lại hầu như chỉ là một sản phẩm không biến hóa của giai đoạn chống thực dân da trắng buổi đầu; vì lẽ đó, khi phong trào chiến đấu giải thực với tính cách cục bộ giữa hai quốc gia (quốc gia thực dân và quốc gia thuộc địa) chuyển mình thành cuộc

Chủ nhiệm sáng lập
VŨ - CÔNG - TRỰC

Chủ biên
VŨ - KHẮC - KHOAN

Thư ký tòa soạn
DUY THANH

Tòa soạn
95B, Gia-long, SAIGON

Ngân phiếu
B. BUI-THỊ HÒA-KHANH

Thư từ bản thảo
O. VŨ - KHẮC - KHOAN

tranh chấp giữa hai hệ thống tự do tư bản và cách mạng vô sản, thì cái «chủ nghĩa quốc gia» sơ khai đó đã mất đi gần hết sinh khí và hiệu lực.

Và, bây giờ đây, trong bước chuyển mình *thứ ba* của chính trị thế kỷ 20 với rất nhiều yếu tố tế nhị và phức tạp mới trong cơ cấu của cả hai phần thế giới đang tranh chấp, thì một ý thức quốc gia phù hợp với tình trạng mới cần phải được hiển định, một chủ nghĩa quốc gia mới cần phải được phát hiện—(gọi là «chủ nghĩa» theo ngôn ngữ cũ, nhưng sự thực chỉ là một sự «khôn ngoan quốc gia» — *une sagesse nationale* — để cho dân tộc có thể tồn tại và phát triển giữa những dữ kiện mới của thời đại. Trong nỗi mệt mỏi của đoạn cuối thế kỷ này, còn được bao nhiêu người say mê và tin tưởng vào «chủ nghĩa»?) Mỗi người trong vùng đất chậm tiến và không theo chủ trương cộng sản sẽ phải cố gắng nghiệm duyệt lại nội dung và thực chất của ý thức và chủ nghĩa quốc gia trong quá trình 3 giai đoạn vừa nói trên : giai đoạn chủ nghĩa quốc gia để chống chủ nghĩa thực dân, giai đoạn chủ nghĩa quốc gia chống chủ nghĩa quốc tế cộng sản, và giai đoạn này, đang thành hình, là giai đoạn trong đó quốc tế cộng sản đang tự *quốc gia hóa*, trong lúc về phía những quốc gia khác thì những áp lực và kích thích có tính cách quốc tế ngày càng chi phối sâu xa và mật thiết vào cơ cấu sinh tồn và phát triển ; trong giai đoạn thứ ba này, đã có một sự co giãn thỏa hiệp giữa hai ý niệm quốc gia và quốc tế cực đoan, và chủ nghĩa quốc gia trong giai đoạn này trước nhất nhằm tạo nên được một thể quân bình sinh động giữa một vùng đất cộng sản đang biến cải và một khối tư bản đang trở nên thông minh hơn cũng như đang cần tự vệ.

Trong thời kỳ tranh đấu chống đế quốc thực dân, tất cả cái gọi là chủ nghĩa quốc gia gần như chỉ nằm gọn trong một vài khát khao và cũng là ý niệm căn bản : *độc lập, tự do*. Ngoài ra, độc lập như thế nào, tự do để làm gì, chưa một chủ nghĩa quốc gia nào ở V.N trong giai đoạn 1930-1950 đã đưa ra được một nội dung rõ rệt, dứt khoát ; và lại, trong thời gian đó, ngoại trừ những người Cộng sản, chưa có một phe nhóm quốc gia nào biết quan niệm và điều động những yếu tố, cơ cấu quốc tế lúc đó đã bắt đầu chuyển mình để trở thành tất cả giềng mối của sinh hoạt và đấu tranh chính trị trong hậu bán thế kỷ 20. Như thế cũng có nghĩa là trong lúc phong trào quốc tế cộng sản tự khởi điểm xây dựng quan niệm tranh đấu của họ trên một cơ cấu và viễn tượng *động*, thì tất cả chủ nghĩa quốc gia mà mục đích gần gũi và duy nhất là chống lại đế quốc Pháp chỉ được đặt trên một căn bản hoàn toàn *tĩnh vị*, do đó không thể không nhận thấy rằng chủ nghĩa quốc gia đó bị lâm vào một tình trạng thụ động dĩ nhiên, và không thể nào phát triển nhịp nhàng ăn khớp với diễn biến của những lực lượng quốc tế chung quanh, còn nói chi đến việc khai thác những diễn biến đó cho mục tiêu riêng của mình như những người Cộng sản đã làm ?

Đã đành rằng một số phe nhóm quốc gia thời đó đã lấy hứng khởi — nếu không muốn nói là rập khuôn theo — từ những chủ trương dân sinh của Tôn Văn, nhưng điều đó vẫn không tránh được cho chủ nghĩa quốc gia V.N hai sự khiếm khuyết trầm trọng : thứ nhất là chủ trương của Tôn Văn chỉ có thể thực hiện được, trong những điều kiện tốt đẹp nhất (điều này đã không xảy đến cho Trung hoa), trong một quốc gia lớn như nước Trung hoa ; thứ hai là, với nền tảng chủ trương đó như một khi giới duy nhất, các phe nhóm quốc gia V.N đã lãng quên hẳn, hay nói đúng hơn đã không quan niệm được các tương quan lực lượng cũng như chuyển biến quốc tế hết sức

VĂN ĐỀ

Việt nam. Những ý niệm trọng tâm của phong trào quốc gia cần thiết cho việc thực hiện những ý đồ của một quốc gia nhỏ và lại ở trong một vị thế tế nhị đặc biệt như quốc gia trong giai đoạn này, như ý niệm độc lập, ý niệm tự do... chỉ mới là những sản phẩm hết sức trừu tượng và lý tưởng của một tự ái quốc gia bị tổn thương, mà tầng lớp tiền tư sản có ý thức đã đại diện để nêu lên thành những mục tiêu tranh đấu : những ý niệm trở thành mục tiêu đó, trong khuôn khổ chủ nghĩa quốc gia chống đế quốc thực dân, chưa hề được khai triển trên bình diện ý thức cũng như trên cơ sở tổ chức cụ thể để trở thành những nội dung tích cực và có viễn tượng lịch sử ; trước sau, những ý niệm mục tiêu tranh đấu đó vẫn chỉ nằm trong kích thước tiêu cực và lại bị hạn chế cục bộ trong một tỷ lệ nào đó của giai cấp tiền tư sản của nội bộ Việt nam mà thôi. Chẳng hạn hai tiếng « độc lập » hồi đó chỉ có nghĩa là « độc lập đối với nước Pháp thực dân », và « tự do » cũng chưa được quan niệm xa hơn sự thoát khỏi hệ thống cai trị và bảo hộ của người Pháp. Có thể gọi những ý niệm tiêu cực, với tầm khai triển ngắn hạn như thế là một « chủ nghĩa » được chăng ? Bởi vì khi một chủ nghĩa đúng nghĩa nói đến « độc lập », thì chủ nghĩa đó phải có sẵn một quan niệm rõ rệt về nội dung và kích thước của nền độc lập được nêu xướng, chủ nghĩa đó đôi khi còn phải đồng thời quan niệm được nội dung, hoàn cảnh, và ý nghĩa của ý niệm *liên lập* (interdépendence), tức là một khía cạnh khác của mọi nền độc lập ; khi một chủ nghĩa đích thực nói đến « tự do », thì chủ nghĩa đó phải trả lời được cho câu hỏi : tự do để làm gì, tự do để đi về đâu, ít nữa là trong một nghĩa hết sức tương đối của nhân sinh. Nếu thấy độc lập mà không tìm được thể liên lập, nếu chỉ bị thôi thúc bởi nhu cầu tự do mà chưa quan niệm nổi nội dung và kích thước của bầu trời tự do mong mỏi, thì thực ra mọi cố gắng cũng không khác bao nhiêu với

những vẫy vùng dày vò của một tuổi đời ấu trĩ. Và đó cũng là căn bệnh của chủ nghĩa quốc gia V.N kể như một chủ nghĩa trong thời kỳ tranh đấu dứt bỏ ách thống trị của người Pháp.

Trong 20 năm trước chiến tranh Đông dương, cái gọi là chủ nghĩa quốc gia V.N tựu trung chỉ là một phong trào phản kháng chưa đầy đủ kích thước của một tự ái quốc gia bị chà đạp, được thể hiện qua một thành phần ở một vị thế thuận lợi nhất thời đó để phát khởi cuộc đấu tranh là thành phần tiền tư sản ý thức. Nếu chỉ nhìn lịch sử qua khói hương của bàn thờ tổ quốc, thì những vị tiền bối đã khởi phát và lãnh đạo phong trào đấu tranh này quả là đã xuất hiện đẹp, tan biến đẹp, và cũng đã để lại cho hậu thế những kỷ niệm đẹp.. Nhưng nếu nhìn lịch sử vi tương lai, thì hậu thế không thể không nhìn thấy những khiếm khuyết bất nguồn từ cội rễ của phong trào và, một phần nào, tự bản chất giai cấp tính của phong trào đó. Dấu vết của những tâm hồn trong các cuộc vận động Cần vương, Văn thân, Đông du... vẫn còn rõ rệt và có ảnh hưởng trên phong trào quốc gia về sau ; giữa lúc mà những người cách mạng cộng sản đã dứt khoát với một vài vướng mắc ràng buộc ước lệ của xã hội Khổng-Nho, và đã biết xây dựng quan niệm đấu tranh của họ hoàn toàn trên cơ sở của những định luật thực tại khách quan, đối nội cũng như đối ngoại, thì những nhân vật chủ xướng trong phong trào quốc gia vẫn còn suy nghĩ và hành động trong khuôn khổ lòng ái quốc dựa trên trực giác, dựa trên thuyết nhân bản của thế kỷ 19, dựa trên những quan niệm và đòi hỏi chính trị kiểu J.J.Rousseau và Montesquieu. Xuất phát từ giai cấp tư sản và tiền tư sản, trang bị với một mô lý tưởng

trong sáng nhưng không sắc bén và nhất là không hữu hiệu và không có viễn tượng bởi vì không bám sát nổi thực tại, chủ nghĩa quốc gia V.N. đối diện với đế quốc Pháp đã không bắt rễ được một cách vững chắc và lâu dài trong đại đa số quần chúng vô sản và nông dân; khi giới còn lại chỉ có thể là sự hướng ngoại: hướng về Nhật bản, hay hướng về Trung hoa... với những ngày lãng mạn vô kiếm làm thơ ở Liễu châu và Trùng Khánh... Những liệt sĩ của chủ nghĩa quốc gia trước và trong thế chiến thứ 2, từ Nguyễn Thái Học đến Nguyễn Tường Tam, qua Trương Tử Anh và Lý Đông A, quả thực đã lưu tâm đến việc «thành nhân» hơn là «thành công». Bản chất lý tưởng chủ quan (nghĩa là không đầy đủ cơ sở và lý luận duy thực khách quan), hướng ngoại nhưng lại không nắm vững được cơ cấu chuyển hóa của các tương quan lực lượng trong giềng mối chuyển vận của sinh hoạt chính trị quốc tế, quan niệm ngắn hạn và thụ động (mục tiêu chống đế quốc Pháp chỉ mới là một mục tiêu ngắn hạn và tiêu cực; sau mục tiêu này mới là vấn đề chính: làm gì, làm như thế nào, làm với ai?) tất cả những khiếm khuyết này của phong trào quốc gia sẽ phải đối diện rõ rệt với những hậu quả của chúng khi thế chiến thứ 2 chấm dứt, với những thế cuộc mới trên trường đấu tranh chính trị quốc tế, với sự lộ diện của cách mạng cộng sản V.N vốn đã theo sát và đã chuẩn bị cho tình thế mới. Bởi vì căn bản của tất cả chủ nghĩa chỉ là loại trừ thực dân, cho nên khi V.N hết là thuộc địa của Pháp, khi Pháp trở lại với một chiêu bài mới mà lực lượng kháng chiến lại nằm trong vòng thao túng của những người Việt cộng sản, thì chủ nghĩa cũng như phong trào quốc gia của những năm trước thế chiến bỗng nhiên hết còn diêm tựa, hết còn đất đứng, để dần dần đi vào lũng túng, phân hóa, tan rã; các lãnh tụ còn lại đành trở về Trung hoa, hay cố gắng cứu vãn «một cái gì» bên cạnh Đức Quốc Trưởng, hoặc... lên Đà Lạt chơi hoa phong lan.

Việt Nam

Cũng trong khuôn khổ quan sát của chúng ta về ý thức quốc gia theo nghĩa rộng, còn có thể ghi nhận một chủ trương «quốc gia» trong phương hướng ngược lại với phương hướng chống Pháp, tức là chủ trương hợp tác, với hi vọng cứu vãn, xây dựng một cái gì trong một cảnh ngộ buộc phải chấp nhận. Tiếng nói lớn nhất và cũng là đại diện cho đường hướng này là Phạm Quỳnh với chủ trương «Pháp-Việt đề huề» được cổ súy và khai triển nhiều nhất trong các «Essais franco-annamites». Thực ra, giai đoạn lịch sử và định mệnh của ông Phạm Quỳnh cũng bao hàm nhiều giá trị hàm hồ (ambiguës) và nhiều ẩn nghĩa như nhiều người khác trong những cảnh ngộ tương tự, chẳng hạn thống chế Pétain với chính phủ Vichy; không thiếu gì những nhân vật trong lịch sử, trong những hoàn cảnh khúc mắc nào đó, đã nghĩ rằng họ có thể hi sinh thân thể cho một ý nghĩa không rõ rệt với hi vọng xây dựng được, hay ít nữa à cứu vãn được, một cái gì trong khuôn khổ một cảnh thế đã có sẵn mà họ không muốn chống lại, hay không thể chống lại. Đối với hiện tại, những điều mà ông Thượng thư Phạm Quỳnh đã làm gần như không còn dấu vết gì nữa; chúng đã qua đi cùng với những ngày bảo hộ êm ả giữa Huế và Hà Nội, êm ả và qua đi thực sự như một «Indochine la douce» của Nguyễn Tiến Lãng hay những «Légendes des terres sereines» của Phạm Duy Khiêm... Điều mà chúng ta muốn tìm khi nhắc đến ông Thượng thư Phạm Quỳnh là một ánh sáng nào đó về những định mệnh mâu thuẫn, về những ẩn nghĩa thường có trong những nỗ lực giữa những hoàn cảnh khúc mắc, mập mờ. Lịch sử chứa đựng đầy rẫy những sự tố cáo, kết án nhau giữa những ý thức và ý hướng chính trị cực đoan; và những danh từ lãng mạn cũng hết sức mập mờ đã được tung ra, người ta gọi nhau là «Việt gian», cũng như «Pháp gian», hay «Hán gian»... Nhưng vấn đề thực sự phức tạp và linh động hơn những nhãn hiệu đó rất nhiều, bởi vì nó liên kết với những

mệnh mang của cảnh ngộ, của quan niệm, và nhất là nó ràng buộc với vấn đề giá trị và tiêu chuẩn.

Hơn nữa, nghĩ đến Phạm Quỳnh, trong một viễn tượng nào, tức cũng là suy nghiệm về ý nghĩa, về khả năng, về cơ hội và số phận của một nỗ lực để thỏa hiệp, để tạo thế quân bình hạn chế, để mưu lợi cho quốc gia trong bối cảnh và dưới áp lực nặng nề của những lực lượng đế quốc tất yếu. (Sau tuần lễ hội thảo về « Mục tiêu quốc gia » tại Đà Lạt, tháng 7-67, chúng tôi được nghe một giáo sư thuyết trình viên mạn đàm như sau : « Có lẽ nước V.N chúng ta bây giờ cần có được một thứ « Việt gian » có tài và biết cách yêu nước... »). Tất cả những suy nghĩ, những hoài niệm chung quanh Phạm Quỳnh với « Essais franco-annamites », đối với chúng ta ngày nay, chỉ là một dịp để thăm dò duyệt xét lại một phương thức xử lý chính trị đã cũ và vẫn mới, thường được xử dụng như một bí quyết sinh tồn của kẻ yếu trước kẻ mạnh (hay nhiều kẻ mạnh). Những người lãnh đạo Việt nam trong đoạn cuối thế kỷ này sẽ phải *essayer*, sẽ phải thỏa hiệp, sẽ phải thử tạo quân bình với những ai, với những lực lượng tất yếu nào, và tạo quân bình như thế nào để không bị lịch sử mô tả dưới chân dung u uất của những người « Việt gian »?

Khi nhìn lại những phong trào đấu tranh, cách mạng của giai đoạn Pháp thuộc với hai nguồn vận động song song của những người cộng sản và những người quốc gia, chúng ta cũng không thể không thấy sự khác biệt về kỹ thuật của hai lối vận động đó : trong lúc những người cộng sản biết *xử dụng* mọi yếu tố của tình thế, mọi lực lượng hiện diện trên bàn cờ (dù là những yếu tố và lực lượng đối với họ là

phát sít, đế quốc, thực dân, hay phản động) để phục vụ cho mục tiêu và ý đồ riêng của họ, thì những người quốc gia chỉ biết có *nuơng nhờ*, *trông cậy* hoặc chống đối một cách ngày thò và vô hiệu đối với những yếu tố và lực lượng đó mà chuyển biến của lịch sử đã đẩy đưa vào thời cuộc V.N. Nhận định về sự khác biệt này có một tầm quan trọng lớn, bởi vì nó không phải chỉ là vấn đề am hiểu biện chứng duy thực của những người cộng sản, hay khả năng nắm vững và bám sát thực tại của họ trong khuôn khổ một kế hoạch trường kỳ đã được xây dựng rõ rệt ; đối với chúng ta, sự khác biệt trên có giá trị của một kinh nghiệm lớn ở chỗ nó cho thấy rõ rệt sự cần thiết của một kỹ thuật uyển chuyển và linh động không thể thiếu cho sự thành công của mọi vận động quốc gia nhược tiểu ; một quốc gia nhược tiểu không thể *trông cậy* vào một cường quốc, cũng không thể chống đối một cách trực tiếp và ngày thò ; cả hai đường lối đó, thì hành một cách đơn thuần giản dị, đều đưa đến thất bại và nô lệ. Một kỹ thuật uyển chuyển và linh động đòi hỏi sự phân định rõ rệt mục tiêu và quyền lợi của mình, mục tiêu và quyền lợi của người, và khai thác điều hợp những mục tiêu cùng quyền lợi đó theo những đòi hỏi của giai đoạn. Đây chỉ là một vấn đề lương tri rất thực tiễn, nhưng đem áp dụng được lương tri thực tiễn và hữu hiệu cho sự thành tựu của một vận động quốc gia không phải là câu chuyện giản dị.

Dầu sao, khi chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, mở đầu một kỷ nguyên mới cho các nước Á-Phi cựu thuộc địa, và khi người Pháp trở lại V.N với một chiêu bài mới sản phẩm của một thế cuộc mới trên trường chính trị quốc tế, thì chủ nghĩa quốc gia — với tất cả những khiếm khuyết sẵn có — lại phải tự thích ứng với những dữ kiện và chiêu bài mới, đôi khi lại bị khai thác và lợi dụng bởi những chiêu bài đó, và, trong mọi trường hợp, luôn luôn vẫn không thoát khỏi tình

cảnh nương dựa vào những lực lượng ngoại quốc để có thể đối diện với những người làm cách mạng cộng sản. Và đến đây thì những lực lượng tranh đấu song song chống đế quốc Pháp — lực lượng quốc gia và cộng sản — bắt đầu tách rời trên hai chiến tuyến rõ rệt, trong khuôn khổ tranh chấp giữa hai khối lớn trên thế giới. Những gì xảy đến về sau đã được tiên liệu bởi ông Trần trọng Kim, người lãnh đạo chính phủ « quốc gia » đầu tiên : « ... vì cái vị trí nước Việt nam trong cái phạm vi Anh Mỹ, theo cái hiện tình bây giờ, thế nào người ta cũng không dễ dặt này thành cộng hòa. Chỉ trừ khi nào trống mái rõ rệt, thì thiên hạ hoặc là đều bị cộng hóa cả, hoặc là đều sống ở trong cái chế độ tư bản, lúc ấy dù cho muốn hay không cũng chẳng làm gì được. Trong khi hai cái lý tưởng còn đối lập, thì mình không sao thoát khỏi cái thế lực của Anh-Mỹ. Như vậy mà mình cố chấp muốn cộng hóa, thì tất là chỉ có phần thiệt hại mà thôi chứ khó lòng thành công được (...) Dù hay dở thế nào mặc lòng, đảng Việt Minh đã có cái công lớn tổ chức được cuộc kháng chiến oanh liệt (...) Song trong cái tình thế quốc tế hiện thời, thì đảng Việt Minh chỉ làm được đến đấy thôi, không làm hơn được nữa. Nếu cố chấp muốn làm cho được như ý họ muốn, thì chỉ làm khổ dân hại nước, mà không đạt được cái mục đích của họ. Và cái mục đích ấy định đi đến đâu? (...) Dù có say mê lý tưởng nào, thì cũng nên từ từ để cho thời gian dũa mòn bớt góc cạnh có thể gây ra nhiều sự đau khổ. » (Trần trọng Kim, *Một cơn gió bụi*).

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-49), có thể nói rằng không còn một phong trào quốc gia

nào hiện diện với ít nhiều thực chất, ngoài nỗ lực kháng chiến đã được những người cộng sản lãnh đạo ; đối với toàn dân V.N, chỉ còn có hai phía đối diện : một bên là tổ chức dân tộc kháng chiến, một bên là nỗ lực tái chiếm thuộc địa của người Pháp. Những thành phần thuộc phong trào quốc gia trong giai đoạn trước đã hoàn toàn phân tán, hoặc xuất ngoại và trên thực tế đã ra khỏi cuộc diện mới, hoặc bị thu hút theo phong trào kháng chiến của dân tộc, hoặc rơi rớt lại trong những vùng chiếm đóng và lại lâm vào cái cảnh hướng muốn « cứu vãn một cái gì » rất mơ hồ trong một cuộc diện cũng rất mập mờ và nhiều đối trá. Đó là cảnh huống của các chính phủ « quốc gia » nối tiếp nhau từ khi người Pháp trở lại Đông dương cho đến khi thể chế Quốc Trưởng được thiết lập vào năm 1949. mở đầu cho một giai đoạn mới trong đó người Pháp đã nhân danh được thế giới tự do để « chống cộng » tại V.N, và cũng mở đầu cho giai đoạn trong đó người ta đã cố gắng vay mượn, và vùi đủ điều để nặn ra cho bằng được một « chính nghĩa quốc gia » mà người ta thấy là không thể thiếu được, để đối diện với làn sóng cách mạng của cộng sản nhược tiểu lúc đó đang ngày càng lộ diện và lớn mạnh trong phong trào kháng chiến. Thể chế Quốc Trưởng ra đời, làm khuôn khổ cho lá bài Bảo Đại, đã đồng thời đánh dấu cho sự đụng độ trực tiếp và minh bạch của hai khối lớn trên thế giới trên chiến trường Việt Nam, đánh dấu cho cố gắng xây dựng một ý thức quốc gia, không còn phải đề chống một cường quốc thực dân, mà là đề chống cộng, và từ đây cái chủ nghĩa quốc gia mà người ta muốn xây dựng đó đã nằm hẳn trong chiến tuyến quốc tế của « thế giới tự do » (phải thêm 5 năm sau nữa, khi chiến tranh Đông dương I chấm dứt, khi ông Ngô đình Diệm chấp chính, khi người Mỹ thay thế Pháp lo lắng đến số phận V.N, người ta mới nghe nói đến những chữ như : « tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á », hoặc những thuyết như thuyết *domino* trong quan niệm của một số người Mỹ...,

nhưng mọi chuyện quả đã bắt đầu từ đây).

Nhưng dù có thay đổi danh xưng, thay đổi đối tượng, thì chủ nghĩa quốc gia trong giai đoạn này vẫn không có thêm được một nội dung tích cực hay một kỹ thuật chủ động nào, nghĩa là vẫn nương nhờ, trông cậy vào một thế lực ngoại quốc, vẫn là một bộ phận bé bỏng khiêm tốn trong khuôn khổ một chính sách và chiến lược hoàn toàn vượt khỏi những mục tiêu quốc gia V.N, vẫn đắm chìm trong thế chống đỡ vô hiệu và vô vọng. Nói thực hơn, không hề có một ý thức mạch lạc về lẽ sinh tồn và tiến hóa của quốc gia trong giai đoạn này, với đầy đủ khả năng dò tìm và chế ngự sử tính cũng như những viễn kiến soi sáng tương lai; tất cả những gì đã tạo nên bản chất của «chính nghĩa» quốc gia lúc đó chỉ là một di sản nặng nề của một thực tại đã có sẵn từ nửa thế kỷ, cộng thêm với những chủ đích được ngụy trang của người Pháp, lồng trong cái khuôn khổ rất hợp thời trang là mặt trận chống Cộng của thế giới tự do. Những vấp váu mâu thuẫn nội tại đó (mâu thuẫn như một «Hoàng triều cương thổ» đặt bên cạnh một Bộ Dân chủ hóa, — Ministère de la Démocratisation —, của ông Bộ trưởng Nguyễn đắc Khê vào đầu năm 1954) chỉ có thể làm cho tất cả chủ nghĩa và cơ cấu quốc gia đóng vai trò mong đợi của mình là vai trò một «bề mặt chính trị bản xứ» (*une façade politique indigène*, chữ của Paul Mus) phục vụ cho một chủ đích che dấu nào đó của một chính quốc nào đó.

Kết quả của cái lực lượng và chính nghĩa quốc gia chống Cộng này như thế nào, mọi người V.N đã quá rõ bằng chính những xót xa giao động của mình, khởi đầu từ tháng tư 1954 khi những sự thực đầu tiên của chiến trận Điện Biên phủ vang dội về đến Hà nội và Saigon.

Và Genève... Và nền Cộng hòa đầu tiên tại Nam V.N. Và viện trợ Mỹ, cổ vấn Mỹ.. (Ông Trần trọng Kim đã thấy trước

VẤN ĐỀ 9

được rất nhiều chuyện; và đòi hỏi quan yếu hàng đầu được đặt ra từ đây cho một chủ nghĩa quốc gia V.N muốn trở nên hữu hiệu là phải hiểu được những nhu cầu rất thiết yếu và rất thực tiễn của những quốc gia liên hệ đến cuộc diện V.N, và vị trí hóa được những mục tiêu của chính mình trong khuôn khổ những nhu cầu đã trở nên chính sách và chiến lược của quốc tế).

Một chính nghĩa quốc gia khác, nghĩa là được tu chính, sửa đổi — sửa đổi ngay trong cách sắp xếp lại những dữ kiện trên bàn cờ —, đã được đem ra thử thách với rất nhiều kỳ vọng khi nền Cộng hòa thứ nhất được thiết lập vào năm 1955. Quả thực, với sự kết tinh của một cuộc diện mới, người ta đã cố gắng thay thế hẳn những mâu thuẫn căn bản đã làm cho chủ nghĩa quốc gia tê liệt và vô hiệu trong nhiều năm qua: quân đội Pháp không còn là sức mạnh nòng cốt cho chính phủ quốc gia nương tựa như một loài cây leo, nghĩa là chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa quốc gia chống Cộng không còn được đánh lộn song; không còn một quân đội ngoại quốc viễn chinh nào trên lãnh thổ Nam V.N (người Mỹ hồi đó chỉ đứng ở cương vị cố vấn đề kỹ thuật và giúp đỡ phương tiện; hơn nữa người Mỹ không có một dĩ vãng thực dân tăm tối nào tại Đông Nam Á); lần đầu tiên một chính quyền quốc gia tương đối độc lập, với một cơ cấu mạch lạc và minh thị, với một chủ thuyết được cố gắng xây đắp và khai triển ra như một linh hồn và ý hướng của chế độ, lần đầu tiên một chính quyền quốc gia không bị vướng víu cố gắng làm lại một cuộc khởi hành mới trên những căn bản mới, đề đối diện với một nửa lãnh thổ đã nằm trong chiến tuyến của những quốc gia theo xã hội chủ nghĩa một cách cũng không kém phần minh thị. Như thế, tại V.N, sự chuyển biến của một chủ nghĩa quốc gia chống đế quốc thực dân thành ra một chủ nghĩa quốc gia chống cộng sản, — một chuyển biến đã hiện

diện tiềm tàng từ lâu trong giềng mối diễn tiến của chính trị quốc tế, — đã thực sự trở thành thực tại cụ thể sau hiệp định Genève với hai quốc gia V,N trong hai chế độ đối lập, nằm trong vùng ảnh hưởng của hai khối lớn đang tương tranh trên thế giới, Và tại miền Nam, cuộc di cư lớn đang nuôi dưỡng ý chí chống Cộng, người dân phía Nam vĩ tuyến 17 chưa bị thời cuộc tiềm ẩn căn bệnh hoài nghi và sự chán nản hững hờ; trong một căn bản khởi hành tương đối sáng sủa như thế, chủ nghĩa quốc gia đã có một nội dung biến chuyển như thế nào, đã gặp phải những trở ngại nào, đã quanh quẩn ra sao đề cuối cùng lại tự thấy mình đích thực vẫn chỉ là thứ *chính trị nhược tiểu* theo mô thức đã được J.P.Sartre phác họa trong kịch phẩm « *L'engrenage* »?

Nhiều người vẫn có cảm tưởng rằng lý thuyết Nhân vị đã là căn bản của 8 năm đệ nhất Cộng hòa tại Nam V.N; sự thực, nó chỉ là một niềm gọi hướng thuần túy trí thức làm điểm xuất phát của người lãnh đạo; còn 8 năm đệ nhất Cộng hòa lại là 8 năm chi phối bởi thực tại, 8 năm chính trị quyền biến bởi vì những người lãnh đạo còn phải đối phó với những diễn biến của sự kiện mà những tín điều nhân vị chẳng góp phần thay đổi được bao nhiêu. Trong hoàn cảnh đó, lý tưởng nhân vị chỉ có thể là một loài hoa trái hiếm hoi và lơ lửng ở trên đỉnh cao, một thứ *wishful thinking* vừa là một ám ảnh vừa là một biện chính cho một tâm hồn trí thức đang dần thân vào cảnh giới mê hồn của hành động chính trị thực tiễn là tâm hồn của ông Ngô đình Nhu... Cho nên ngoài những nguyên tắc tổng quát được tuyên xưng trong phần mở đầu Hiến pháp, ngoài một danh hiệu đảng phái mà người lãnh đạo muốn sử dụng cho những mục đích kỹ thuật riêng biệt, ngoài một trung tâm huấn luyện nặng tính chất công chức và nhà thờ, thì sự liên hệ giữa chủ thuyết nhân vị và bản chất thực tế của nền đệ nhất Cộng hòa thực sự rất rời rạc. Và lại không có một thực

tại nào là phản ảnh triết đề và trung thực của một lý thuyết; mọi thực tại vốn dĩ là những kết tinh do đẩy đưa và luân chuyển, và mọi lý thuyết, — trong ý nghĩa hoàn hảo nhất của chúng —, bất quá cũng chỉ là một niềm hưng khởi của ý thức giúp đỡ con người theo đuổi được thực tại, dự phóng thực tại, để rồi tự điều chỉnh theo thực tại (ngay cả những quốc gia theo xã hội chủ nghĩa ngày nay cũng không phải là sản phẩm trung thực của lý thuyết Mác-xít, đúng như triết gia bình dân Mỹ Eric Hoffer đã nghĩ: «Liên bang Xô viết là một nơi mà Karl Marx nếu còn sống đã bị bỏ tù vì tội nguy thuyết» — «the Soviet Union is a place where K.Marx would be jailed for ideological heresy»).

Hơn nữa, lý thuyết nhân vị không phải là một chủ thuyết *de droit* phổ, đề dương đầu với những áp lực ở ngoài quốc gia; bản chất của nó chỉ là một thứ lý tưởng mà người ta mong đợi cho nhân sinh, một đường lối phát triển có tính cách lý tưởng mà nền đức lý thiên chúa giáo muốn vạch ra cho sự tồn tại đời sống trần thế... Nhưng đời sống trần thế như thế nào, thực tại trần thế như thế nào (nhất là thực tại của những vùng đất nhược tiểu chậm tiến!), những tương quan trần thế như thế nào..., tất cả những điều đó đã tạo nên khoảng cách giữa thực tại của V.N với chủ nghĩa nhân vị trong suốt nền Cộng hòa trước đây, một khoảng cách cũng dĩ nhiên và cũng rõ rệt như khoảng cách muôn thuở hằng có giữa lý tưởng và thực tại, giữa đức lý và cuộc đời, giữa lý trí và khát vọng tâm thức máu lệ nghìn đời không dứt... Vì lẽ đó mà chủ nghĩa nhân vị chỉ có thể hiện diện một cách mạch lạc và súc tích ở trong mười mấy số bán nguyệt san «*Xã hội*» của ông Ngô đình Nhu vào những tháng cuối cùng của chiến tranh Đông dương I; và càng về sau, nghĩa là khi đã lao mình vào thực tại của chính trị nhược tiểu, khi đã bị kẹt một cách có trách nhiệm giữa một nông thôn căn cỗi tuyệt vọng và một áp lực ngày càng gia tăng của một chính lực từ bên

ngoài, càng về sau thì lý tưởng nhân vị càng mất liên lạc với thực tại V.N, bởi những người lãnh đạo đệ nhất Cộng hòa V.N lúc đó chỉ còn đủ thời giờ để cố gắng biện chính cho chế độ, để củng cố chế độ, để cứu vãn chế độ, và để đem ra áp dụng những phương thức xử lý của *Machiavel* thay vì lý thuyết nhân vị đã một thời được nuôi dưỡng như một ánh lửa lý tưởng khởi hành.

(Còn 1 kỳ)

NGUYỄN TRẦN KIỀM

ĐI VÀO
THỰC TẾ

Từ lâu **VẤN ĐỀ** mong mỗi sự cộng tác của một cây viết từng tham dự những trận đánh ở chiến trường. Bạn Tô-thủy-Yên, một nhà thơ có tiếng trước đây, hiện phục vụ trong quân ngũ với tư cách phóng viên tiền tuyến sẽ trình bày những nhận xét của bạn về trận đánh Lộc-Ninh, một trong những trận giao phong khùng khiếp nhất giữa quân đội ta và địch trong năm nay.

LỘC NINH TRẬN ĐÁNH MỞ MÀN CHIẾN DỊCH ĐÔNG XUÂN CỦA VIỆT CỘNG

PHÁT HÀNH TRUNG TUẦN THÁNG 12-67

TAY GỖ CỦA ĐỜI

Thơ Du Tử Lê

NGUYỄN BÌNH VƯỢNG xuất bản

TR O N G cuộc hành quân táo thanh hỗn hợp Việt-Mỹ cách đây vài tháng tại Chiến Khu C (Tây-Ninh), ta đã lược được trong một tử thi V.C. một bản tài liệu theo đó, một Tiểu-Đoàn Truyền Tin V.C. phải rời hậu cứ vào ngày 8 tháng 9 mang theo 6.000 thước dây điện có sẵn và khi qua tới Phú-Giáo sẽ nhận thêm 6.000 thước dây điện nữa. Ngày 10 tháng 9, toàn bộ Tiểu Đoàn Truyền Tin sẽ rời Phú-Giáo lên đường. Một

câu hỏi hết sức thông thường được nêu ra: Tiểu Đoàn này đi đâu? Và câu hỏi hết sức thông thường này, tất nhiên, mang một ý nghĩa vô cùng hệ trọng vì lẽ một Tiểu Đoàn Truyền Tin đi là đại quân cũng đi theo.

Rồi những tin tức tình báo thu lượm được sau đó chứng minh có một sự tập trung quân đông đảo của V.C. trong khu vực hai tỉnh Bình-Long và Phước Long. Người ta ghi nhận sự xuất hiện của Trung Đoàn Q. 763 (thuộc Sư Đoàn 9 V.C.) trong lãnh thổ tỉnh Phước-Long, dọc theo sông Bé, sự xuất hiện của Trung Đoàn Q. 165 (thuộc Sư-Đoàn 7 V.C.) được lệnh tăng cường cho Sư Đoàn 9 V.C. ở vùng ranh giới hai tỉnh Bình-Long và Phước-Long, sự xuất hiện của các Trung Đoàn 88, 202, 275 (thuộc Sư Đoàn 5 V.C.) đã từ tỉnh Long-Khánh di chuyển qua tỉnh Phước-Long. Như vậy, trong khu vực hai tỉnh Bình-Long và Phước Long có mặt 3 Sư Đoàn V.C., chưa kể những lực lượng du kích địa phương.

Ngày 21-10, một đơn vị hành quân của ta đã đụng trận với Đại Đội C 58 (Đại Đội tiểu sát) của Trung Đoàn Q. 762 tại vùng 5 cây số Tây Quận lỵ Lộc Ninh. Sau đó bốn năm ngày, hai toán quân tuần chiến nhỏ của Chi Khu Lộc-Ninh lại lọt vào ổ phục kích địch ở hai địa điểm khác nhau cách quận lỵ không đầy 6 cây số. Những sự kiện này được đặc biệt chú trọng phân tách vì lẽ trong vòng một năm nay, tình hình Lộc-Ninh hoàn toàn yên tĩnh, áp lực địch gần như không có.

Ngày 27 tháng 10, Trung Đoàn 88 (mới từ Bắc xâm nhập vào) bất thần mở cuộc tấn công chớp nhoáng vào căn cứ Phước Quả thuộc tỉnh Phước Long. Tiểu Đoàn 3/9 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh V.N., Tiểu Đoàn 36 Biệt Động Quân đã cùng với những đơn vị đồn trú địa phương đẩy lui và truy kích địch quân. Theo những nguồn tin hoàn toàn xác thực thì trong trận này, V.C. bỏ lại trên chiến trường 144 xác chết, và 61 vũ khí (trong đó có 3 súng phun lửa, 6

thương liên, 6 khẩu B.41 và 8 khẩu B-40). Ngoài ra, ta còn bắt được 1 tù binh. Về phía ta, có 12 chết, 51 bị thương, vũ khí bảo toàn. Căn cứ Phước Quả ở cách Lộc Ninh 50 cây số và cách tỉnh lỵ Phước Long 6 cây số đường chim bay. Tình hình Phước Long lắng dịu ngay sau khi trận đánh này kết thúc.

Ngày 29 tháng 10, Tiểu Khu Bình Long phái một sĩ quan tình báo liên lạc lên Lộc Ninh khuyến cáo Bộ Chỉ huy Chi Khu gia tăng phòng bị vì có thể V.C. sẽ đánh lớn vào quận trong nay mai.

Ngay đêm hôm đó, vào khoảng 2 giờ sáng, V.C. dùng Trung Đoàn Q 763 (chuyên đánh công kiên chiến và đã vắng mặt 8 tháng nay trên chiến trường miền Đông) làm nỗ lực chính, với sự hỗ trợ của hai Trung Đoàn Q.761 (chuyên đánh công đồn dã viện) và Q.762 (chuyên đánh tao ngộ chiến) mở cuộc tấn công vào Chi Khu Lộc Ninh.

Quận lỵ Lộc Ninh ở cách Saigon 120 cây số, cách tỉnh lỵ Phước Long 23 cây số và cách biên giới Việt-Miền 12 cây số đường chim bay. Căn cứ Chi Khu Lộc Ninh gồm có 4 vị trí phòng thủ chính thiết lập trên một mẫu đất hình tam giác, ở đầu phi đạo dài 1 cây số có thể tiếp nhận phi cơ vận tải khổng lồ C.130, bên cạnh Quốc lộ 13 (3 lô cốt ở ba góc tam giác và 1 căn hầm truyền tin của Bộ Chỉ Huy ở giữa, với những dãy nhà kiến trúc bằng vật liệu nhẹ và một biệt thự cũ là tư thất của Đại Ủy Quận Trưởng). Cuối phi đạo là Trại Cách Mạng của 4 Đại Đội Dân Sự Chiến Đấu Hoa Kỳ. Chung quanh là những lô cao su bát ngát của đồn điền CEXO. Phố chợ Lộc Ninh đìu hiu nằm dưới trũng sâu cách căn cứ Chi Khu chừng 800 thước về phía Tây Bắc. Quân số cơ hữu Chi Khu Lộc Ninh là 105 người (hai Đại Đội 212 và 214 Địa Phương Quân).

Trong trận đánh đầu tiên (cũng như trong những trận đánh kế tiếp), lực lượng tấn công của V.C. chia ra làm hai

thành phần : thành phần hỏa lực gồm có những khẩu đội súng cối 82 ly, 60 ly, đại bác không giật 75 ly và 57 ly, bố trí trong lô cao su mặt Đông Nam của Chi Khu, pháo kích chừng 4.000 quả đạn vào căn cứ Chi Khu và Trại Cách Mạng; thành phần xung kích từ hướng phố chợ tức mặt Tây Bắc, dùng mìn bengalore phá dây kẽm gai và mìn plastic phá các công sự phòng thủ, tràn vào căn cứ Chi Khu như nước lũ. Ngay sau đợt xung phong thứ nhất của địch, ta chỉ còn có 2 vị trí chiến đấu (căn hầm của Bộ Chỉ Huy và lô cốt phía Nam). V.C. khi đã tràn được vào đồn, liền dùng lựu đạn tấn công tẩy sạch các hầm trú ẩn trong trại gia binh. Lực Lượng Chi Khu lúc đó đã gần hết đạn, mỗi chiến-sĩ đã bắn trên ba cấp số hỏa lực (cấp số hỏa lực của một khẩu súng trường được ấn định là 120 viên). Có một lúc, V.C. chỉ đứng cách miệng hầm không tới 20 thước. Báo chí đã nói nhiều đến căn hầm bí mật của Chi Khu Lộc-Ninh. Thật ra, căn hầm này chẳng có gì là bí mật cho lắm : đó là một căn hầm của quân đội Nhật để lại, ở dưới lòng đất 15 thước, có 5 ngõ thông thương theo hình ngôi sao, hội tụ vào một căn phòng nhỏ hẹp đặt máy truyền tin và được coi như vị trí phòng thủ cuối cùng của căn cứ Chi Khu. Căn hầm do 12 chiến-sĩ cố thủ. Cũng may là 6 cây trụ truyền tin (trong đó có 4 cây trụ giả nghi trang) không bị hư hại. Chi Khu vẫn còn liên lạc được với Tiểu Khu, Trại Cách Mạng và đưa con bên lô-cốt Nam. Cuối cùng Bộ Chỉ Huy Chi Khu quyết định yêu cầu pháo binh và không quân xạ kích ngay trên đầu mình để ngăn chặn địch. Đó là đêm dài nhất trong đời 12 chiến-sĩ. Lúc đó các chiến-sĩ lại giờ tay coi đồng hồ mong trời sáng.

Đến 7 giờ, lực lượng tiếp viện gồm hai Đại Đội thiện chiến của Sư Đoàn 5 Bộ Binh là Đại Đội 5 Trinh Sát và Đại Đội Thám Kịch Xâm Nhập được trực thăng vận đến chiến trường dưới trận mưa đạn tung bùng, chia ra làm 2 hướng tiếp quân

giải tỏa cho căn cứ Chi Khu. Trận giao tranh diễn ra một cách khốc liệt và hào hứng ; lực lượng tiếp viện tiến chiếm từng căn nhà, từng công sự và mãi đến 2 giờ trưa, ta mới hoàn toàn làm chủ tình hình trong căn cứ Chi Khu.

Tổng kết trận tấn công đầu tiên vào Lộc Ninh, V.C. đã để lại chiến trường 285 xác chết, 21 vũ khí cộng đồng và 20 vũ khí cá nhân. Bên ta có 21 tử thương, 28 bị thương, 32 mất tích. Về phía dân chúng, chỉ có 5 người chết, 15 căn nhà và chợ bị cháy.

Sau đó, Tiểu Đoàn 2/9 được chuyển tới để mở những cuộc hành quân giải tỏa áp lực địch trong những vùng phụ cận. Địch quân rời bỏ phố chợ, chém về vào rừng núi ven biên giới. Nhưng ai cũng hiểu rõ rằng trận chiến Lộc-Ninh chưa thể ngừng lại ở giai đoạn này. Ngày hôm sau, ta tăng cường thêm Tiểu Đoàn 36 Biệt Động Quân. Về phía Mỹ, 3 Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh được chuyển tới mặt trận đóng theo thế chân vạc, cách căn cứ Chi Khu trong vòng bán kính 5 cây số.

Đến đêm 31 tháng 10, rồi đêm 2 tháng 11, cả 3 Trung Đoàn Q.761, Q.762 và Q.763 phối hợp nhau liên tiếp đánh thêm hai trận kinh hồn nữa vào căn cứ Chi Khu và các đơn vị Hoa-Kỳ. Mặc dù V.C. giốc hết toàn lực của Sư Đoàn 9 nhưng vẫn không hạ được căn cứ Chi Khu vì hỏa lực yểm trợ hùng hậu của pháo binh, trực thăng võ trang, khu trục cơ và cả phản lực cơ — nhất là trong trận cuối cùng đêm 2 tháng 11, rốc két và bom lửa đã được sử dụng tới mức tối đa ở chung quanh căn cứ Chi Khu, gây nên những đám cháy khổng lồ ở mấy lô cao su gần bên phi đạo.

Tính chung cả ba trận đánh Lộc-Ninh trong năm ngày liền, mức tổn thất của V.C. có thể lên tới 1.500 nhân mạng thương vong (về phía Mỹ, từ ngày 28 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11, có cả thảy 495 V.C. chết tại trận, 17 bị bắt, với 26 súng cộng

đồng và 52 súng cá nhân bỏ lại). Như vậy, Sư Đoàn 9 V.C. có thể thiệt hại trên 40 phần trăm. Trên phương diện tiếp vận, nhất là trên phương diện tinh thần, với một phần số thiệt hại như vậy, một đơn vị coi như đương nhiên bị loại ra ngoài vòng chiến. Các nhà lãnh đạo quân sự Việt-Mỹ ước lượng là ít ra cũng phải sáu tháng nữa, Sư Đoàn 9 V.C. mới có thể xuất hiện trở lại chiến trường.

✓ Nhưng sự thảm bại nặng nề này của V.C. không có nghĩa là tình hình khu vực hai tỉnh Bình-Long và Phước-Long trở lại yên tĩnh dù là yên tĩnh trong vòng nửa năm thôi. Khu 32 Chiến Thuật thật ra vẫn còn mang nặng những mối lo ngại âm ỉ trong tâm can. Áp lực địch vẫn còn tiếp tục đè nặng xuống khu vực hai tỉnh Bình-Long và Phước-Long với những dấu hiệu rành rành báo trước những trận chiến lớn trong nay mai. (Sau đó mấy ngày, V.C. vẫn còn đụng trận lẻ tẻ với những lực lượng Việt-Mỹ.

Trên nguyên tắc, nếu như địch quân không có sẵn lực lượng trừ bị bổ xung nằm sẵn bên kia biên giới Việt-Miên, thì Sư Đoàn 9 V.C. phải dưỡng quân, tu chỉnh hàng ngũ ít nhất là trong 6 tháng).

Nhưng người ta không quên sự có mặt lẫn quất của các Trung Đoàn thuộc hai Sư Đoàn 5 và 7 V.C. trong khu vực hai tỉnh Bình-Long và Phước-Long.

Hơn nữa, tin tức tình báo cho biết là hiện nay V.C. có hai địa điểm tập trung quân quan trọng trên lãnh thổ Cam-Bốt, một ở Mimot và một ở Snoul. Cả hai địa điểm tập trung quân này đều ở không quá 20 cây số cách biên giới. Một hồi chánh viên thuộc Trung Đoàn Q.762 tiết lộ có thấy vào tháng 7-1967 tại Mimot khoảng 70 quân xa Molotova Việt Cộng.

Trong một tương lai gần gũi, có thể tỉnh Phước-Long sẽ hứng chịu những trận xua quân ác chiến của V.C. Mặt khác, người ta cũng lo ngại cho tình trạng an ninh của quận An-Lộc

(tức quận Châu Thành của tỉnh Bình-Long), Nhưng đó chỉ mới là những ước đoán sơ khởi mà thôi. Những ước đoán này có thể sẽ thay đổi từng ngày, từng giờ, tùy theo sự di chuyển của các đơn vị V.C. trong khu vực. Và cho đến nay, ta vẫn chưa thể biết rõ ý định hành quân của V.C. Phải đợi một trận đánh lớn nữa của V.C. ta mới dám quả quyết được.

Tuy nhiên, nếu nhìn chung vào tình hình quân sự ở các Vùng Chiến Thuật, người ta cũng nhận thấy được, dù là nhận thấy lơ mờ, mục tiêu chiến lược của V.C. là giải tỏa biên giới, nỗ lực san bằng các căn cứ biên phòng của ta. (Chúng ta cũng ghi nhận thêm một hoạt động quân sự tương tự của V.C. tại Vùng II Chiến Thuật trong khoảng thời gian này là những trận ác chiến liên tiếp dằng dai vào quận Dakto tỉnh Kontum). Chiến lược giải tỏa biên giới này được V.C. mệnh danh là chiến lược Mao Trạch Đông. Và sở dĩ V.C. đánh mạnh vào vùng biên giới thuộc Khu 32 Chiến Thuật là vì Khu này tiếp cận với Thủ Đô, địch dễ tạo được tiếng vang trong dư luận quần chúng. Hơn nữa, Trung Ương Cục Miền Nam hiện ẩn trú trong mật khu Bù Sinh ở cách Lộc Ninh 10 cây số. Lý do thứ ba khiến V.C. tập trung quân đông đảo tại Khu 32 Chiến Thuật vì một mặt, chúng có thể theo đúng nguyên tắc chỉ đạo du kích chiến là giải quyết núi rừng trước rồi mới giải quyết đồng bằng sau, và mặt khác, có thể phát động mãnh liệt trở lại phong trào du kích địa phương ở miền Tây hầu tiếp vận bổ sung những đơn vị chính quy của chúng ở núi rừng. Công việc tiếp vận bổ sung từ miền Tây lên miền Đông tương đối dễ dàng hơn là từ miền Tây lên Cao Nguyên.

Thành thử, với những ước tính tình hình trên, Sư Đoàn 5 Bộ Binh V.N. vẫn còn ở trong tư thế chờ đợi, vì lẽ trước sau này V.C. cũng sẽ mở thêm những cuộc ác chiến khác nữa vì chiến lược Mao Trạch Đông nhằm giải tỏa biên giới có thể là

một chiến lược mà V.C. hy vọng giải hóa được hàng rào điện tử Namara đang được thiết lập trong vùng phi quân sự. Nếu trận đánh Phước Quả là một đòn đánh như với mục đích thu hút sự chú ý của Sư Đoàn 5 Bộ Binh V.N. và Sư Đoàn 1 Bộ Binh Hoa Kỳ, đề xuất kỳ bất ý, V.C. dồn lực vào ba trận đánh Lộc-Ninh, thì ba trận đánh Lộc-Ninh thật ra cũng chỉ là những trận đánh mở màn chiến dịch Đông Xuân của V.C. mà mục tiêu chính yếu là giải tỏa biên giới, mở rộng các đường xâm nhập từ Bắc vào Nam mà không cần phải băng qua vùng phi quân sự.

TÔ THÙY YÊN

Tiếp tục thực hiện ý chí giới thiệu những dẫn thân của người trẻ, VẤN ĐỀ giới thiệu anh Uống Đại Bằng — một trong nhóm người trẻ phát động Phong trào Xây Đời Mới — với những kinh nghiệm của anh — người cán bộ Xây Đời Mới — rút tỉa sau nhiều ngày đi vào thực tế.

MỘT VAI KHÁM PHÁ CỦA NGƯỜI CÁN BỘ «XÂY ĐỜI MỚI»

SAU nhiều ngày tháng lặn lội trong các xóm ngõ lao động, làm việc, sinh sống và chia sẻ những cực nhọc với đồng bào, người cán bộ tự nguyện «Xây Đời Mới» đã

hấp thụ được một số kinh nghiệm thật xác đáng. Những kinh nghiệm này thật ra ít có giá trị lý thuyết, nhưng có một giá trị tinh thần lớn lao ở chỗ đã củng cố niềm tin của chính họ nơi lý tưởng phục vụ xã hội, điều kiện thiết yếu để tiếp tục làm việc trong hoàn cảnh khó khăn hiện tại. Trong số những kinh nghiệm ấy, người cán bộ «Xây Đời Mới» vẫn thường chú trọng đến hai điều khám phá này :

I. MUỐN THỰC SỰ PHỤC VỤ XÃ HỘI, PHẢI BIẾT LÀM VIỆC VỚI DÂN, Ở CÙNG DÂN, CHƯA KHÔNG PHẢI CHỈ CỨ ĐỪNG Ở NGOÀI RA TAY LÀM PHÚC.

Hơn hai năm cùng sinh hoạt với đồng bào địa phương, Chương Trình Phát Triển các Quận 6, Quận 7 và nhất là Quận 8 Saigon đã hoàn thành được cả ngàn căn nhà, gần năm chục lớp học, chỉnh trang gần 20.000 thước đường hẻm, xây gần 20 cây cầu qua các kinh rạch... Trị giá các công tác cộng đồng này lên tới cả trăm triệu đồng, trong đó phần đóng góp của đồng bào, về nhân công cũng như vật liệu, ước lượng có tới cả 60 triệu. Với tỷ lệ đóng góp 60 phần trăm của dân chúng như trên, không một quan sát viên vô tư nào có thể phủ nhận sự hữu hiệu của phương thức phát triển cộng đồng áp dụng tại đây.

Đối với người trong cuộc — dân địa phương cũng như cán bộ — công trình xây dựng trên là kết quả của hàng ngàn phiên họp với những cuộc thảo luận nhiều khi hết sức gay go, hay những buổi sinh hoạt thân mật đầy tính chất gia đình của những Ủy Ban Chính Trang, những Hội Đồng Phát Triển Khóm, Phường... cũng như của không biết bao nhiêu lần tiếp xúc riêng tư với từng đồng bào, từng gia đình, từng liên gia... Nhờ các buổi sinh hoạt, tiếp xúc thường xuyên như vậy, người cán bộ phát triển mới cảm thông sâu xa được ước vọng thầm kín của quần chúng và do đó mới có thể lôi cuốn họ dẫn thân vào công cuộc cải thiện nếp sống tại địa

phương. Đối với các cậu học trò, sinh viên tuổi 18, 20 cũng như các giáo sư, quận trưởng, bác sĩ... thuộc Kế Hoạch Xây Đời Mới, chuyên chịu trận với những ly rượu để cháy cổ, nhắm nháp với mực khô mắt sống bên bờ rạch, ụ cây hay dưới một mái đình ọp ẹp, giữa hoặc sau những buổi công tác vất vả, chính là cơ hội thuận tiện để được nghe người dân thổ lộ bầu tâm sự bị dồn ép từ lâu bởi đủ thứ áp bức, hoặc bởi những tác phong vô trách nhiệm của những người có quyền thế.

Qua những cuộc tiếp xúc và những buổi sinh hoạt thân mật đó, người dân địa phương đã dần dần quen thuộc với lề lối làm việc cộng đồng, họ đã bớt e ngại, bớt nghi ngờ lẫn nhau để coi nhau như anh em trong một đại gia đình, « Đại Gia Đình Phát Triển » như họ vẫn gọi thế. Cũng chính vì vậy, người cán bộ « Xây Đời Mới » không bao giờ tự mãn vì những công trình xây dựng vật chất đã thực hiện được. Họ thấy rõ rằng thành quả vật chất đó chưa đáp ứng nổi lấy 5 phần trăm đòi hỏi tối thiểu của nửa triệu dân tại khu vực ven đô này. Họ cũng biết rằng thành quả ấy tính ra không có nghĩa gì đối với sự phí phạm tàn phá trong một ngày của chiến tranh tại Việt Nam. Điều làm cho họ phấn khởi để tiếp tục tiến tới chính là vì họ đã đồng hóa được với người dân trong cảm nghĩ đơn giản, trong nếp sống nghèo khổ và trong tình thân yêu của khu xóm. Nhờ đó họ đã được thừa nhận như những người đồng hội đồng thuyền. Đồng bào có thực hiện những ý kiến do người cán bộ gợi ra thì cũng là vì họ đã thấy đó cũng là ý kiến của họ. Sự dần dần hòa bình đó cũng chính là lý do khiến người dân còn chút tin tưởng để tích cực tham gia công tác và sinh hoạt trong khuôn khổ của hàng trăm các ủy ban, các tổ chức nhân dân tại địa phương.

Không phải chỉ cần có thiện chí phục vụ xã hội suông mà có thể hướng dẫn, thúc đẩy người dân tham gia vào công

việc cải thiện cuộc sống. Người cán bộ phải thực sự mang thân phận của người nghèo khổ, phải cảm nghiệm tâm trạng đau khổ của họ và phải có một nếp sống khác khổ như họ thì mới có thể tác động họ được.

II. CHỦ LỰC TRONG CUỘC PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG PHẢI LÀ NGƯỜI GIÀU, NGƯỜI GIỎI, MÀ CHÍNH LÀ NGƯỜI NGHÈO, NGƯỜI DỐT.

Chỉ có những người sống trong các điều kiện dễ thở hơn, có văn hóa cao, mới lo việc tranh đấu cải thiện xã hội, nhiều người đã nghĩ như vậy. Nhưng khi lẫn xả vào thực tế, người cán bộ mới càng ngày càng nhận ra sự khó khăn tế nhị của vấn đề lôi cuốn những người ăn nên làm ra, những người có vai vế trong xã hội, dần thân vào công cuộc cải thiện sinh hoạt chung.

Đa số lớp người khá giả và trí thức ở địa phương lại thường tỏ ra hoài nghi và thờ ơ trước nỗ lực phát triển của đa số đồng bào. Thực ra họ cũng khá bận rộn với công việc làm ăn, nhất là trong hoàn cảnh dễ kiếm tiền bây giờ. Nhưng cũng còn có lý do khác nữa, ấy là họ muốn yên thân, họ không muốn chuốc thêm khó nhọc vất vả, « mua hơi mà thờ » như họ thường bảo thế, vì làm việc công ích bao giờ cũng gặp nhiều khó khăn, dễ va chạm, mất lòng, phiền hà người này kẻ khác. Danh giá của họ được coi quá trọng để có thể bị sứt mẻ vì những chuyện họ cho là nhỏ bé không đâu nhất là không đem lại cho họ một mối lợi vật chất nào.

Rút cuộc người cán bộ chỉ tìm được những người hưởng ứng trong số đông đảo những người nghèo nàn kém cỏi. Những người này tuy rằng làm ăn lam lũ vất vả, đầu tắt mặt tối, chữ nghĩa không được bao nhiêu, nhưng lúc nào cũng cảm nghiệm thấm thía thân phận khổ cực của mình cũng như những thiếu thốn của những người đồng cảnh ngộ với mình. Cảm nghiệm một cách nào nề nhưng không phải dễ buông tay

chịu trận, trải lại lúc nào cũng chờ cơ hội để tự giải thoát mình cũng như để giải thoát những người đồng cảnh ngộ khỏi thân phận hẩm hiu ấy. Từ lâu họ đã không còn tin tưởng những ông to bà lớn, những người giàu có, những người có bằng cấp cao, có thể nâng đỡ hay giải thoát họ. Họ biết rằng nếu không tự thương mình thì chẳng ai thương mình đâu, không tự lo thì chẳng ai lo cho. Họ chỉ chờ đợi có ai đứng ra tổ chức họ, tạo cơ hội thuận lợi để họ cùng nhau bắt tay vào việc giải quyết những vấn đề của đời sống họ.

Điều khích lệ người cán bộ không ít là họ đã làm quen được rất đông người vì chiến cuộc đã phải từ bỏ đồng quê lên đô thị. Những đồng bào này lúc nào cũng thấy bị bỏ rơi, bị lạc lõng giữa một thế giới quá chen đua ích kỷ. Họ chưa xót nhớ lại trật tự xã hội họ bỏ lại đằng sau, họ tiếc nuối bậc thang giá trị tại xã ấp. Do đó việc tổ chức các ủy ban nhân dân để phụ trách công cuộc phát triển địa phương trên mọi lãnh vực là cơ hội duy nhất để cho lớp người này có thể sống lại được phần nào sinh hoạt cộng đồng tại thôn ấp xưa kia. Do đó nhiều khi họ lại đóng vai trò then chốt trong việc vận động bà con lối xóm tham gia các công tác lợi ích chung cũng như các tổ chức có tính cách thân hữu. Họ tỏ ra hăng hái trong các công tác trùng tu các đình miếu và trong việc tổ chức lễ lạc hội hè trong vòng nhỏ hẹp của một hẻm, một xóm và nhiều khi trong phạm vi rộng lớn của cả một phường hay một quận. Điều này khiến người ta hiểu được các Hội Trưng Tế Quận 6 và Quận 8 đã thành hình được dễ dàng.

Trong nhiều năm tháng làm việc và sinh hoạt với quần chúng, người cán bộ « Xây Đời Mới » đã học hỏi được thật nhiều điều quý báu. Nhưng những khám phá vừa kể đã ghi nét sâu đậm nhất trong tâm trí của họ, đến nỗi có thể nói đã thay đổi cả não trạng và nếp sống của họ khiến họ càng ngày càng thực sự hòa mình với quần chúng, không còn những tác

VẤN ĐỀ 9

phong lạc lõng của những kẻ thương võ ngực giúp dân yêu nước. Việc khám phá sống động đó thực ra cũng mới chỉ là bước đầu khiêm tốn trong công cuộc vận động quần đại quần chúng tự đứng lên xây dựng cho mình một đời sống mới, một trật tự xã hội mới. Điều quan trọng hơn là họ phải có đủ trí chí để tiếp tục con đường xây dựng cao đẹp nhưng cũng đầy chông gai thử thách trước mắt.

UÔNG ĐẠI BẰNG

Đã phát hành

CHÂN DUNG TÌNH YÊU

Tiểu thuyết của VIỆT CHƯƠNG

SƠN QUANG XUẤT BẢN

THANH TÂM TUYỀN

Màu trời

I

Tôi như một chất lỏng động vũng ánh lên màu sáng bất hủ. Màu sáng kỳ lạ — lạ quá đối nhạt thêch, nín thình hoàn toàn của trời bên ngoài dần dần xuất hiện tách rời khỏi cảm giác mù lòa bất định. Bóng tối mở rộng, mở rộng mãi vào những lớp bóng tối và trong ấy khuôn cửa sổ mờ ảo lồng lẩy màu trời. Lúc này tôi mới rũ bỏ hết giấc ngủ, thoát khỏi trạng thái lập lờ không mặt mũi, tay chân, thân xác, không một chút ý niệm về nơi chốn, phương hướng. Và tôi nằm im trên giường, không đụng đây, thân thể trần truồng. Tôi biết tôi đang ở trong phòng của tôi.

Tôi không thể biết tôi đã trút bỏ quần áo lúc nào. Trong một giấc tỉnh ngắn hay trong một cơn mộng du? Tôi cố nhớ lại, cố nhớ lại giấc ngủ đã qua bằng cách nghĩ đến những hồi mộng. Tôi không nhớ được gì cả, giấc ngủ kín mít tối bùng như một đường hầm ngọt ngào, cố sức chỉ khiến tôi rớt trở vào cái trạng thái lơ đãng biến rời rã. Tôi quơ tay chân tìm kiếm, trên chiếc giường hẹp không thấy quần áo vứt liệng. Có lẽ chỉ là những hành vi tự động, tôi tự nhủ nếu tôi mắc chứng mộng du, ở một mình thế này thật nguy hiểm; tôi có thể lần mò ra cửa sổ kia leo lên và rơi từ

VẤN ĐỀ 9

tầng gác thứ tư xuống khoảng sân sau của tòa nhà chung cư, một buổi sáng nào thức dậy mọi người sẽ bàn tán về vụ tự tử của một tên nhà văn nhà báo độc thân. Thật là buồn cười. Và tôi vẫn nằm nguyên phôi thân trong bầu không khí im khò.

Đầu đó một con trăng non lơ lửng, mọc hồi nào, như trong quang cảnh một giấc mộng cũ, không biết từ bao giờ, thốt nhiên tôi nhớ rành mạch. Đó là buổi sớm, trăng chưa lặn, ở bên một bìa rừng; đôi môi thật mềm, thật ướt, thật bám dính nhìn rõ những đường chỉ nhỏ trên vành cong thười thoa một lớp son tím mỏng như buổi mai; đôi mắt rối rít như bờ bụi trong cánh rừng bên, đêm vẫn chưa qua hết. Monica. Monica. Anh ấy à, anh gần lắm, anh con nít lắm. Anh có nhớ năm nay anh bao nhiêu tuổi không? Tôi cười, tôi nhìn rõ tôi vẫn thường cười như thế hết sức ngớ ngẩn: Đàn ông thì ngu đối với đàn bà, Monique cười ngặt nghẽo: Ngu, ngu. Non. Tu es mon poète. Tôi lại cười, tôi cười sặc sụa một muốn đứt hơi. Tôi nhớ câu nói của một người bạn: Đối với đàn bà, chỉ có thể giao thiệp trong hai thế: đứng hoặc nằm; đứng ở ngoài phố và nằm ở trong phòng, cấm kỵ là ngồi, ngồi đối mặt là ngu xuẩn. Chúng tôi đang ngồi trên một bờ cỏ, dưới chân dốc, nghe một thứ tiếng rào rào kỳ quặc. Dường như gió hút ở đâu xa và cũng dường như một đoạn chuyện gặp trong bản hòa tấu Monique ra chuộng hay bắt tôi phải cùng nghe. Tôi nói: Em có hiểu không? Hiểu cái gì? Tôi tưởng tôi đang nói tiếp câu nói của người bạn, nhưng không phải. Monique bảo: Anh điên cái đầu. Nàng xòe tay ra ngắm nghĩa, móng nhọn và cũng sơn tím, cười khinh khích rồi chột chia đến trước mặt tôi phur dọa dẫm: Em có thể giết chết anh, nếu anh bỏ em. Tôi buồn rầu: không, không nên nói đùa thế. Người đàn bà lúc lắc mái tóc rũ che phân nửa khuôn mặt, người đàn bà nhỏ thó, bông nhẹ như một bó cây mềm và tôi ôm lẳng thật xa cho chạy nhanh lên dốc. Monica. Moni-

ca, Tôi rượt theo và nửa chừng tôi lẫn vào rừng nằm nghỉ mệt trong bụi cây. Tôi nằm đó trong màu sáng huyền hoặc, màu của con trăng lúc xanh lơ lúc vàng khè hoang tịch, tôi đang sống lại chập chờn trong thân lúc này như một kỷ niệm, nỗi hoan lạc xô đập dữ dội pha lẫn niềm xót xa vắng vắng như nhịp điệu của những câu thơ tôi nghe chưa thành lời.

Tôi ngồi lên. Trời bỗng tối hơn trước, có lẽ con trăng bị mây che khuất, màu bạc phéch có sắc xỉn. Chắc là trời sắp sáng, nửa đêm thức giấc thấy bóng trăng sáng rõ vắng vạc đầu thềm lại tưởng trời đã sáng, tôi hơi rùng mình liên tưởng đến ánh trăng trong bài thơ cổ. Tôi bước xuống giường, đạp chân trên tấm mền bèo nhèo rút dưới sàn, đến góc tường tận cửa ra vào bấm điện. Đèn không cháy. Tôi trực nhớ bóng điện trong phòng hư cả tuần lễ nay và tôi cũng ít về nhà buổi tối nên quên chưa báo cho viên quản lý. Gian phòng tối om chỉ lộ một khoảng nhá nhem nơi cửa sổ, tôi tiến về phía ấy đứng nhìn ra ngoài. Phía dưới là một mảnh sân xi măng hình chữ nhật hẹp của tòa building, cách bức tường là một khuôn sân xi măng khác hình vuông của một ngôi biệt thự, trong sân này có bảy chiếc bàn sắt tròn và những chiếc ghế xung quanh và một cây đu của trẻ con. Ngoài ngôi biệt thự là hàng cây cao của một con phố vắng. Tôi chợt nhận thấy không có ánh đèn đường trong các lùm cây, trạm bán xăng bên kia đường im ỉm trống trải, những ngọn điện yếu ớt thường thấy thấp trong một vài góc nào dưới sân cũng tắt ngóm: cả khu vực bị cúp điện. Bầu trời bỗng dưng cao nhẹ, sáng hơn trên những hình thể đậm đặc xăm sít của khu phố. Tôi đứng áp sát vào tường, làn da trần còn khô khan hơn cả lớp vôi nữa.

Dưới phố xa vắng tiếng máy xe nổ ỉnh, tôi giật mình tự hỏi: sáng rồi chẳng? nhưng nhìn trời tôi lại thấy màu xám nhạt có vẻ đang chuyển xăm, đầu óc tôi choáng vàng khó chịu. Tôi dán mắt vào không trung, định thần muốn thấy rõ hơn. Và tôi tuột rơi lúc nào không hay vào giấc ngủ đứng, hình như

mắt vẫn mở nguyên, không rõ bao nhiêu lâu nữa. Tôi bị đánh thức bởi sự căng thẳng rã rời của thân xác, ngó thấy trời thật tối bất ngờ như đêm và rộn người vì cảnh lặng lẽ tuyệt tích mọi dấu hiệu sinh hoạt. Nhiều tiếng giầy đi qua ngoài hành lang. Để giầy cao gót gõ nghiêng trên mặt gạch hoa có cát. Đám vũ nữ trở về sau đêm. Chú ý theo rồi nhịp bước hấp tấp về phía cầu thang. Nghe tiếng rú kinh hãi lẫn tiếng cười ròn đùa nghịch vang âm, tôi như vừa tỉnh một cơn mộng dữ: đêm chỉ sắp bắt đầu, đám vũ nữ bây giờ mới xuống phố. Để kiểm lại nhận định, tôi mở cửa phòng nhìn ngó bên ngoài: đám vũ nữ đã biến mất. Không một cánh cửa nào mở. Hành lang tối đen nín câm. Có thể đó là buổi tối không còn ai ở lại trong các phòng, có thể đó là nửa đêm về sáng và mọi người chưa ai trở về, nếu có một hai người thì đã ngủ như chết ít nhất phải đến trưa mới ra khỏi phòng. Những tiếng động tôi vừa nghe chỉ là ảo giác.

Tôi quay vào, mở tủ lạnh, kiểm nước uống. Từ trong tủ bốc ra một làn hơi nóng ủ lâu hơi nồng khó chịu. Tôi mò mẫm sờ soạng, bỏ ở trên sàn khắp gian phòng tìm bộ quần áo ngoài đã cởi bỏ lúc trở về. Tôi đã rời chiếu bạc lúc nào? Sáng hôm nay, hôm qua hay sáng hôm nào? Tôi đã ngủ vui trong bao nhiêu lâu? Cuối cùng tôi tìm được quần áo lẫn lộn trong mớ chần nhàu nát, Trong túi quần may mắn còn sót một điều thuốc rơi khỏi bao bẹp dí giữa đồng tiền nhồi nhét vôi vàng nhưng không còn lấy một que diêm. Kệ trên đầu giường nằm có rất nhiều vỏ thuốc lá và quẹt nhưng đều trống rỗng. Tôi vừa cầu giận, vừa mệt nhọc, đành ngồi bó gối ngâm điều thuốc không trên môi, lia ném những vỏ quẹt qua cửa sổ từng chiếc một. Bây giờ tôi chắc chắn được một điều: lúc này vào buổi tối. Tôi chăm chú trông một đốm sao nhấp nháy ở ngoài trời. Có lúc nó thật rõ ràng sáng rõ, có lúc dật dờ bay biến như không hề có ở đó (trong góc mặt sát với đường viền trên của khuôn cửa

sổ). Tôi đã ngủ vùi trong bao nhiêu lâu, kể từ lúc rời khỏi bàn bạc? Mọi cảm giác đều nhạt nhẽo không tỏ lộ một biểu hiện chỉ điểm nào. Tôi không đói, không khát, không ham muốn.

Nhưng thật sự lúc tôi trở về là buổi sáng hay buổi chiều? Tôi không sao nhớ rõ rệt. Tất cả mờ như sau một đêm say mềm. Tôi chỉ nhớ lúc đứng lên, canh bạc còn tiếp tục — không biết với những ai — trong gian buồng chật chội bữa bãi ngọt ngào khói thuốc lá và mùi hơi người. Một người nào nói cho tôi nghe không nên ra về, có một thi lên giường nằm ngủ. Tôi ngả người trên chiếc giường gần chiếu bạc nhưng khuất ánh đèn, tôi vẫn nghe sự im lặng đè nén thỉnh thoảng bật lên những tiếng động câu nói thấp thoáng khi xa khi gần. Mãi lâu sau đó, tôi chợt thấy không biết từ bao giờ có người nằm chung với tôi. Một người đàn bà — có lẽ cũng là một người đã tham dự canh bạc — nằm đầu lưng lại nhưng một chân lại soãi sang gác lên chân tôi. Tôi để yên một hồi sau mới rút mình đứng lên, người đàn bà trở mình trong cơn mê ngủ với tay như muốn níu tôi lại. Mọi người mãi mê với ván bài gay go, không ai chú ý đến cảnh tượng của chúng tôi và tôi mở cửa ra ngoài. Tôi nhớ có những cơn gió mát ướt phủ vào mặt mũi, màu trời nhờ nhòa giống hết như lúc nãy tôi vừa thức dậy (có thể nào tôi chỉ mới ngủ khoảng mười lăm phút thôi không?), con phố hun hút với hai hàng cây xanh khua động rào rào. Màu trời với vẻ trắng thoắt bỗng mở rộng chụp lấy tôi khi tôi giật mình vì bước hụt đứng khựng trên vỉa hè (tôi đã thấy màu ánh sáng ấy ở đâu? Đọc trong thiên Apocalypse? Trong một phim chiếu bóng?). những cử động máy móc trong khoảnh khắc tê liệt hoàn toàn, tôi nghĩ mình sắp ngã khụy giữa con phố không bóng người ngủ dưới, gốc cây như người lính tôi đã gặp đâu trước đó. Một người lính nằm ngoẹo đầu trên bãi cỏ vỉa hè, súng bỏ rơi một bên, trước một công viên, nhắm mắt bình thản trong khi những người

lính khác chạy lảng xằng núp tránh quanh các gốc cây, chữa mũi súng về phía tòa dinh thự (tôi nhìn thấy bao giờ cảnh ấy? Bao giờ? Cũng buổi sáng hôm nay, hôm qua hay chỉ trong một giấc mơ nào nữa?) Tôi vùng dậy hoảng hốt thật sự. Một người lính đã đuổi tôi vào trong một lối hẻm, ở đó tôi tựa lưng vào tường nhìn những cây leo trên rào một ngôi biệt thự, nghe những tràng súng nổ đi đọp ở đầu phố, thấy một chiếc xe du lịch bốc cháy, một người rời chỗ núp sau một gốc cây bên hè băng chạy lại phía chiếc xe cháy cất tiếng la : kêu xe cứu thương, xe cứu thương.

II

ĐÈN vụt bật sáng. Từ dưới phố thấp vẳng tiếng reo hò của bầy trẻ nhỏ. Trong tòa nhà lớn vẫn lặng tờ, ánh sáng vàng đục trần trụi như những mặt tường. Những khuôn cửa gỗ thụt đóng kín. Tôi đứng giữa hành lang, ngơ ngác với cảm tưởng bỏ quên thứ gì. Tiếng sè sè của lồng thang máy bắt đầu di chuyển, rồi im tắt. Một vài giây thang máy lại chuyển động. Sau khi lục lọi hai túi quần bắt gặp chiếc chìa khóa cửa phòng lẫn trong mớ tiền, tôi đi xuống cầu thang. Cái cầu thang bùng bít quanh co đều đặn giữa các bức vách, ngắt quãng ở mỗi tầng với một khung cảnh không thay đổi một chi tiết : ngọn đèn sáng chiếu trên mặt sàn hình chữ nhật gạch hoa vàng xảm một màu, lối đi vào lồng thang máy và một khuôn

trống mớ ra đêm bên ngoài. Ở tầng dưới đất mới thấy đôi khác: khuôn trống bị bít và phía ấy đặt cái quây của người quân lý, phía đối diện dựng một bức tường ngang có cửa vào quán ăn của tòa nhà.

Trong quán bàn ghế bầy không. Bước xuống sân tôi bị một bàn tay nhỏ bé bắt ngờ nứu lấy. Đưa con gái nhỏ đang đi ngược vào, đứng lại bên cạnh, ngược mắt hỏi tôi đi đâu. Sau lưng đứa bé là mẹ nó, người đàn bà ở phòng đối diện với tôi. Bà lên tiếng xin lỗi tôi và mắng con không được quấy. Tôi xoa đầu đứa bé, nói với bà không nên mắng oan nó, tôi vẫn thỉnh thoảng gặp nó khi thì ở dưới sân với chị người làm, khi thì tho thân một mình gần đầu cầu thang và tôi vẫn đùa với nó. Lần thứ nhất tôi gặp người đàn bà. Bà nói vì tắt điện, con bà sợ không dám ở trong phòng, bà dẫn nó xuống sân và bây giờ hai mẹ con trở lên phòng. Người đàn bà nói xong, im lặng chờ cho câu chuyện được nối tiếp. Đứa bé lanh chanh khoe mẹ nó đã mua nến và nó sẽ mang nến đốt sáng ngoài hành lang nếu điện lại tắt nữa, nó hỏi tôi có cần nến thắp trong phòng nó sẽ biếu hai cây. Người đàn bà hỏi tôi: Ông có biết tình hình thế nào không? Tôi bảo không và bà tòm tòm tỏ vẻ hoài nghi. Tôi xin lỗi người đàn bà tiến ra cổng.

Trời không trăng, đen thẫm, khô êm. Đã cuối tháng mười, những trận mưa cuối mùa chắc hết. Những trận mưa tuần lễ trước sôi sả, lê thê đổ xuống vào lúc nhá nhem thường cầm chân tôi trong quán nước, dưới mái hiên hay trong hiên ăn vắng vẻ; bữa ăn bắt buộc phải kéo dài theo mưa, đọc cho hết tờ báo hằng ngày hay chuyện trò tâm phào với anh chàng hầu bàn người Tàu nói tiếng Việt không sõi — không có dấu hiệu nào về một cơn mưa sẽ có thể tới, trời thật trong với bầu không khí tĩnh lặng dịu dàng của mùa hạ, màu xám bệch của trời đêm cùng những cơn gió vẫn đục dấu điểm hơi nước như những kỷ niệm chấp chờn lớn vờn khuấy động những buổi tối

bần thần đã bay mất tích. (Những buổi tối thừa thãi, trống trải, không ý nghĩ, không trí tưởng, thui thủi trong một cơn khùng hoảng ngấm ngấm). Tôi đứng chân mua thuốc lá ở đầu đường, rẽ vào một phố sáng. Cô bán hàng hỏi thăm giờ, mới gần chín giờ. Nhiều cửa hàng còn mở nhưng phố xá như khuya hơn. Có vẻ gì lạ thường trong quang cảnh đường phố tôi cảm thấy rõ nhưng cảm giác ấy tăng thêm sự thống khoái bất chợt của cuộc dạo chơi không định trước. Hai người thanh niên chờ nhau trên xe gắn máy cười nói oang oang, xem phố như nhà, hỏi nhau về cuộc đảo chính vừa xảy ra. Tiếng cười của họ còn nghe vắng khi xe đã rẽ sang phố khác. Tôi cũng cười một mình và ngửa mặt lên trời à một tiếng nhẹ nhõm. Tôi nghĩ ra câu hỏi về tình hình của người đàn bà ở dưới sân là có nghĩa ấy, tôi chẳng biết gì cả. Đêm qua lúc tôi còn đánh bạc, cuộc đảo chính bùng nổ, và tôi đã ngủ suốt cả ngày hôm nay. Tôi thật là mê muội, trên đường về nhà tôi lạc vào trong khu xảy ra chiến trận, may mắn không hề hấn.

Ở hiệu ăn quen, người ta bảo từ buổi chiều có nhiều người tìm tôi. Anh chàng bồi bàn khó nhọc vận dụng trí nhớ, ngôn ngữ, cử chỉ mô tả những người đã đến và đưa cho tôi một mảnh giấy của Hòa gửi lại: bọn này ở nhà D. Tôi không thích ngồi một mình và cũng không muốn đuổi theo bọn Hòa. Tôi không biết đi đâu cả. Cuối cùng tôi nghĩ đến một chỗ thoáng cao, nhìn thấy trời, những mái nhà, đường phố và có ca nhạc. Đứa bé gác thang máy, ăn mặc quần áo lờ lợt đội mũ lưỡi trai, nhe hàm răng sún cười chào hỏi. Cửa lồng thang mở và nó đứng ngoài như có ý chờ sẵn tôi. Trong lồng thang, một người đàn bà đứng thu một góc tò mò nhìn người bước vào, mỉm cười. Tôi nhận ra Thùy, ôm tập sách hát trước ngực, và hỏi Thùy hát ở đây. Thùy bảo khá lâu mới trông thấy tôi, độ này tôi ít xuất hiện, tôi ở đâu. Đứa bé quay mặt chăm chú nhìn vào bảng nút bấm điều khiển thang, Thùy

tựa vào thành lồng với dáng ơ thờ lầy điệu, mặt người ca sĩ trang điểm thật kỹ lưỡng. Tôi khen một câu bằng quơ cho có chuyện. Thùy đáp là nàng đã già, hai mươi tám tuổi. Tôi định không nói gì nữa, bỗng Thùy hỏi tôi Bích rồi ra thế nào? Tôi ngơ không hiểu. Thùy cười ròn nhắc lại Bích ấy, Bích ấy mà. Mãi tôi mới hiểu là Thùy muốn hỏi về nhân vật trong feuilleton tôi đang viết trên báo. Thang máy ngừng ở trạm cuối. Chúng tôi còn phải leo thêm một tầng cầu thang nữa, nhà hàng nằm trên sân thượng. Thùy đứng lại trước tấm gương lớn gắn trên tường ở lối rẽ của cầu thang, ngắm nghía sửa mái tóc và nói mỗi ngày nàng mất hai đồng bạc mua tờ báo để đọc tiểu thuyết của tôi; một ngày nào nàng sẽ phải kể đời nàng cho tôi nghe để tôi viết thành tiểu thuyết. Nhìn trong gương, tôi thấy hình tôi cao lêu đêu đứng sau lưng người đàn bà, mặt mũi lơ lơ u ám. Thùy lại nói tiếp nàng thương Bích lắm, Bích là ai, Bích có thật như thế không, « thế nào anh cũng phải viết cho em một quyển tiểu thuyết, em chắc chắn là sẽ hay. Đời em cũng nhiều nông nổi lắm », mấy bữa nay, tôi đau sao mà không thấy viết. Tôi cười bảo đang bí, hỏi ý kiến Thùy muốn cho Bích như thế nào. Thùy ngạc nhiên hỏi Bích không có thật sao, tôi đáp thật chứ, Bích có thật chứ, rồi Thùy suy nghĩ và bảo nên để cho Bích đi tu. Chúng tôi vừa đặt chân đến cửa đã nghe tiếng vỗ tay lấp ló ở trong. Thùy cười thật tươi với đám thanh niên chào đón nàng, rồi rẽ thẳng lên phía sân khấu. Tôi nghe một người gọi với: Thùy, Thùy, bữa nay hát chào mừng cách mạng — lúc ấy một cô ca sĩ Tàu đang lù lờ hát tiếng Ảng Lê.

Tôi ngồi sát bên bao lơn, gần những chậu kiềng lớn. Đường phố nhìn xuống với những ánh điện rọi không như một cảnh bày sẵn của một nơi xa xôi. Những ánh điện quảng cáo một hiệu máy may nhấp nháy ở đầu góc phố tít tắp theo một chu kỳ đều đặn. Tôi bắt đầu bữa ăn trong không khí chìm lắng giữa trời đêm bắt đầu thấm lạnh. Thùy có một giọng kim sắc mạnh,

lần đầu tiên tôi chú ý nghe Thùy hát, nhưng lúc hạ thấp hay buông lời lại nhòa mờ. Tôi nhớ ngày Thùy mới bước chân vào nghề, có lần rủ Thùy đi chơi, tôi đã hôn nàng ở trước ngõ dưới một gốc đèn sáng như đôi tình nhân chia tay khoảng ba bốn giờ khuya, Thùy run rẩy hãi sợ một cách vừa ngây thơ vừa đa tình. Một vài lần sau khi tình cờ gặp lại Thùy, tôi có nhảy với Thùy nhìn sát rõ tận mặt sự thay đổi của người thiếu nữ đã trở thành ca sĩ các hộp đêm, già dặn tự chủ, tôi không bao giờ hôn Thùy lần thứ hai. Cách đây không lâu người ta đồn Thùy tự vẫn hụt, bây giờ vẫn theo lời đồn Thùy sống bán chính thức với một tên tai to mặt lớn của chế độ. Không khi bỗng nhận hẳn vì sự xuất hiện không biết từ lúc nào của một đám quân nhân ngồi ở bàn sát chỗ đàn nhạc. Một nhạc sĩ đứng trước máy vi âm giới thiệu trình trọng Thùy sẽ hát một bài « đề tặng những thiên thần mũ đỏ, những chiến sĩ của cách mạng ». Đó là một trong những bài hát ít lâu nay bị cấm đoán, người ta hò reo tán thưởng nhiệt liệt. Một anh quân nhân nhảy một bước lên đến chỗ Thùy đứng, làm điệu bộ như muốn ôm lấy Thùy hôn trước sự cổ vũ của đồng bạn. Thùy quay người, chạy lui vào trong, đưa tay bịt miệng cười trong khi anh quân nhân tiến đến trước máy vi âm tuyên bố mình sẽ hát một bài tình cảm. Anh ta lý luận hùng hồn là anh và các đồng bạn chiến đấu cũng vì tình cảm con người, các anh là những chiến sĩ đầy tình cảm, từ bữa nay mọi người sẽ được tự do hát những bài tình cảm. Bài hát nhắc nhở cho người ta những gì? Có lẽ rất nhiều điều ở ngoài nó, những điều đã tan biến từ thuở nào còn vọng lại trong những âm vang vay mượn của bài hát. Thùy được mời xuống bàn, ngồi giữa đám người say sưa với men chiến thắng của mình, họ ép Thùy uống rượu bằng cách hò reo từng nhịp không dứt. Một người nói rất lớn: chốc nữa Thùy sẽ về nhà ngủ sớm hơn thường

lệ vì hôm nay giới nghiêm, bọn này trở về vị trí tấn công, sáng mai Thùy dậy và thấy mọi sự đã thay đổi có phải thú không. Đàn nhạc tấu bài từ biệt rồi nhường bầu không khí cho những náo động của đám khách hàng đặc biệt. Lúc tôi rời chỗ có tiếng chai cốc rơi vỡ lẫn với tiếng cười phá. Viên quản lý và mấy anh bồi lẳng xăng ở quanh bàn đông người. Trên cái ống khuếch đại phát ra khúc nhạc quân — người ta mở đài phát thanh thay thế cho ban nhạc sống — tiếp đến bản thông cáo ngăn yêu cầu dân chúng tôn trọng giờ giới nghiêm.

III

Cốc rượu uống trong bữa ăn đến một lúc làm cho mệt. Tôi đứng trên vỉa hè, tinh thần vẫn tỉnh táo sáng suốt nhưng chân đuối sức bước hết muốn nổi. Những ô-gạch vuông nhỏ trải dài, một vùng lớn lấp lánh vụn kính vỡ, giấy, rác và chuột chạy lục đục vào trong những tủ hàng đóng kín đẹp sát vào bờ tường. Người đi mô hời ớn lạnh. Không còn một bóng người hay bóng xe cộ trên khoảng đường phố quanh. Tôi cố trấn tĩnh, lấy lại dần hơi thở, chờ cơn mệt đi qua. Tôi tiếp tục bước, bắt đầu mới thấy đầu óc choáng váng. Tôi nghe tiếng chân tôi, thấy loáng thoáng những ánh điện đăng xa đây hắt lên cao nền thăm lạnh, càng đi lâu tôi càng thấy gần giấc ngủ đang đón. Một lúc tôi thấy tôi dừng bước và tòa nhà sừng sững ở trước mặt. Trên các tầng nhiều phòng đèn thấp sáng. Chưa khi nào người ta bị bắt buộc phải về sớm như hôm nay, người ta không thể ngủ được vào giờ này. Hàng ăn của tòa nhà sáng trưng như mở hội, rải rác một vài người ngồi ở

các bàn. Mấy vũ nữ hợp nhau ăn uống ở cuối phòng, nói cười âm ỉ nhưng không khuấy động nổi hết về im lìm cố hữu của gian phòng quá dài. Tôi ghé bar hỏi xin một ly đá lạnh. Một người đàn ông, để ria mép, cravate kéo trễ lệch, ngồi trên ghế, một tay chống lên mặt quầy, vỗ vai tôi hỏi giọng lè nhè: thế nào ông bạn? Có vui không? Dù sao mình cũng phải vui chứ, ít nhất là như thế. Chẳng nhẽ mình lại bết đến độ, trừ phi ông bạn làm ở trong phủ không kể. Một vũ nữ gọi tôi, tôi vừa uống nước vừa đưa tay ra hiệu từ khước lời mời: Một, lên ngủ đây. Người đàn ông có ria mép lại hỏi: tình hình ông thấy thế nào, lý ra đêm nay bọn mình phải ở ngoài đường suốt sáng mới phải, ai lại bắt mình đi ngủ thế này. Tôi sẽ thức ngồi đây nghe tin tức, mở máy phát thanh lên xem nào. Hơi thở của người đàn ông nồng nặc hơi rượu. Tôi bảo hẩn uống nữa đi rồi ngủ cho khỏe, mai đâu có đó. Hẩn ba hoa hơn, bỏ tèo, bỏ tèo ơi tôi không ngủ nổi, tôi chờ phút này từ lâu, có ai ra đường biểu tình với tôi không, có ai không giơ tay xem, hèn, hèn toàn một đồ hèn nhất, tởm.

Tôi giật mình, nghe kêu tên, ngay sau lưng. Monique đứng ở đó từ lúc nào, mặt xanh xao mệt mỏi dưới ánh đèn ống. Tôi hỏi Monique cần uống thứ gì, nàng từ chối. Monique bảo đợi tôi suốt buổi tối trong nhà hàng này, nàng chỉ vừa ra ngoài cho thoáng. Ngạc nhiên không? Ngoài hành lang, sắc diện Monique đỏ xanh xao. Vừa vào trong thang máy, Monique ôm lấy tôi hôn. Sự đụng chạm trộn lộn cơn mệt đuối với sự ham muốn một cách khó chịu. Tôi hỏi Monique sao chưa về, Đức đâu. Monique nói đáng lẽ về ngày hôm qua nhưng Đức biệt tích sau buổi ăn sáng ngoài phố, Đức hẹn buổi trưa đón nàng nhưng mất dạng luôn. Monique hỏi tôi có gặp Đức không. Tôi đáp hai ba bữa nay tôi không ló mặt ra phố, Monique hỏi tôi làm gì khô thân vậy tôi nhớ nàng chẳng, tội nghiệp cưng, tôi cười nói đánh bạc, hư, cưng hư lắm nhé. Các thứ thật bải hoải

rời rã, tôi sụp vào trong một nỗi buồn bã đột ngột không đủ trí để cười đùa với Monique nữa. Tôi cầu mong Monique đổi ý, bỏ đi nhưng tôi tự nhủ Monique không còn thể ra đường vào lúc này. Các phòng phần lớn đều kín cửa nhưng trong hành lang vẫn ồn vọng cái không khí kỳ quặc của những người bị giam giữ cuồng chân. Tiếng hát ngẫu nhiên ngao ồm ồm và những tiếng động lũng củng không hiểu nổi. Tôi loay hoay mở khóa trong khi Monique cứ xoay khế gót giày trên mặt gạch. Monique hỏi có chuyện gì khác thường vậy và tôi đáp tôi buồn ngủ quá. Monique tưởng tôi nói bóng, cúi sát tai tôi thì thầm chừng sẽ ngủ ngon. Hơi thở của nàng lay động tôi một chút, nhưng càng khiến tôi bực dọc phải cố sức kiềm chế cho khỏi đồ quạu.

Mở được cửa, tôi như cái máy đi thẳng vào trong nằm lăn trên giường tưởng có thể thiếp ngay tức khắc. Tôi nghe Monique đóng cửa phòng, mở đèn. Một lúc Monique kêu tên tôi thất thanh, hỏi tôi ở đâu, tại sao đèn không sáng. Tôi nói qua giấc ngủ sắp kín mít bóng hù rồi. Làm sao, làm sao bây giờ? Tôi nói tôi biết làm sao, rồi tôi móc túi quần lấy bao quẹt, gượng ngồi lên bật một que cho Monique thấy đường. Monique đến ngồi bên cạnh, thần thờ chưa hết cơn hoảng hốt. Tôi sắp sửa ngủ gật, Monique bảo tôi mở cửa phòng cho đỡ tối và hỏi trong phòng có thằn lằn không. Cửa phòng mở, ánh sáng ngoài hành lang hắt vào lơ mờ. Tôi nói giọng xin lỗi buồn ngủ quá và đến đứng tựa bên cửa sổ cho tỉnh. Đêm im vắng thăm thẳm. Trong óc tôi như loé sáng điều gì bay qua rất mau chưa kịp nhìn rõ. Một ý nghĩa hay một ảo giác? Hay chỉ là một luồng hơi lạnh thổi vào mắt? Monique đã hoàn hồn, đi vào phòng rửa mặt. Tôi tỉnh hẳn ngủ, mắt rảo hoảnh. Trong các phòng khác tiếng động chỉ còn rời rạc, tòa nhà đang im dần, từ các khuôn cửa sổ mở ở các tầng vẫn hắt đều đặn ra ngoài những chùm ánh sáng tan loãng dần vào bóng tối ở ngoài.

Monique ra đứng cùng với tôi bên cửa sổ, hỏi tôi đang nghĩ ngợi gì. Làn da mặt của nàng sạch và mát, cọ khế bên má tôi. Bây giờ tôi mới nhận ra nàng mặc một cái *robe-sac* và bên trong không có quần áo lót. Người đàn bà buông thả và thụ động dưới những vuốt ve ơ thờ theo thói quen, thỉnh thoảng khẽ rung mình da nổi gai, bật những tiếng thở nén. Giây lát, tôi đột ngột nhìn thấy rõ điều muốn tìm, toan nói với Monique. Nhưng nhìn xuống khuôn mặt mờ mờ mắt nhắm khít không muốn biết gì nữa, tôi lại thôi. Monique tỏ ý thúc giục, rời bỏ thể thụ động, lôi cuốn tôi. Tôi xốc nàng vào giường, thân thể của người đàn bà oằn xuống như không còn xương cốt nặng trĩu. Cái giường một người không đủ chỗ xoay trở. Một lúc sau Monique đã kéo tuột tôi xuống sàn và tôi quay cuồng trong một thứ nhíp thúc hối chưa hề gặp. Mồ hôi vã nhòp trên da, người đàn bà rên rỉ nhai cắn khắp hai bên chả vai tôi, cổ nén giữ những gì trong cổ họng, trong lồng ngực, trong thâm sâu sắp muốn thoát tung. Bên ngoài hành lang vang lên tiếng chân chạy và những tiếng cười vang động. Tôi sức nghĩ tới cánh cửa phòng hé mở và nằm im nghe ngóng. Monique hỏi chuyện gì thế, tôi bảo cửa chưa đóng, nàng bảo mặc. Tuy chưa xong, bắp thịt còn trơ cứng sống sượng, tôi vẫn gỡ tay người đàn bà bảo để tôi gài cửa lại đã. Tôi len lén tiến ra và lấy chân tông vào cánh cửa đóng mạnh, cửa khóa tự động. Tôi trở vào, Monique vẫn nằm dài trên sàn chờ đợi. Tôi đặt mình xuống, gối đầu lên tay nàng một cách êm ái. Monique quay sang, ghì chặt lấy tôi nhưng ôm phải sự lạnh nhạt rùng rùng bất thần khó hiểu. Monique hỏi chừng sao thế, tôi đáp không hiểu tự nhiên như thế. Những vuốt ve dịu dàng của người đàn bà đều vô hiệu cũng như những vẩy nghịch tảo bạo. Không chịu nổi, Monique nổi giận, lật mình trèo lên thân tôi, muốn truyền cho tôi cơn ham muốn của nàng. Vô ích. Tôi nằm ngửa, yếu đuối chán nản, bèo nhèo như cái rẻ rách, mặc người đàn bà dẩy

dựa trơ trọi. Có lúc tôi muốn nói với Monique về điều tôi khám phá nhưng thấy thật trái khoáy. Mọi lời lúc này đều giả dối, thừa thãi. Một nhồi, Monique cào vào mặt tôi, nguyên rủa *Brute*. Tôi im lặng, không giận, chỉ buồn bã. Tôi biết là với Monique đã hết. Chúng tôi không còn gì nữa cả. Chẳng như người ngoại, Monique nghe thấu rõ hơn sự u ám thình của tôi trong bóng tối và nàng xấu hổ. Nàng lui dần, ngã lưng xuống sàn thở dài. Tôi nghĩ tôi phải nói một câu gì và tôi bảo Monique lên giường nằm, coi chừng dưới này có thằn lằn.

Tôi nằm một mình dưới sàn, không buồn mặc quần áo, phủ lên người tấm màn mùi khô mốc. Ở trên giường Monique nói xin lỗi, xin lỗi. Tạo nhé. Tôi bảo nàng ngủ đi, có mền dưới chân ấy, ngủ đi mai sẽ mệt lắm. Tôi không nói gì thêm, nhìn ra cửa sổ. Có lẽ các phòng đã tắt đèn. Màu trời có sắc sáng hơn. Ngôi sao gần viền khuôn cửa vẫn lấp lánh như đầu hôm. Thành phố khuất dạng nhưng bập bềnh xung quanh trong một tiếng rì rào khó tả. Tôi kiểm lại những hình ảnh trong trí nhớ, cái trí nhớ hồi này không mấy đáng tin cậy. Chiếc xe du lịch bốc cháy giữa đường buổi sáng (buổi sáng nào?) và người lính chạy băng ngang kêu lớn tiếng, là của Đức. Tôi không nhìn số hiệu nhưng tôi không thể lầm được. Nhưng có thật tôi đã nhìn thấy? Hay trong cơn chập chờn mê tỉnh tôi đã mang trộn lẫn hình ảnh của mơ và thực? Đức chết, hay bị thương đang nằm trong một bệnh viện nào đó. Monique chưa hay biết, nàng đã ngủ. Còn tôi không ngủ được, nằm co quắp trên sàn gạch mỗi lúc thân lạnh hơn. Tôi lắng nghe hết mọi thứ tiếng động trong đêm, cả những tiếng động của thân tôi. Thân thể tôi chừng như khô héo, tóp xẹp, gầy guộc thâm hại. Không biết bao nhiêu lần tôi lập lại trong trí tưởng cái cảnh tượng buổi sáng ở đám bạc trở về, cố gắng nhìn rõ lại, trở ngược trở xuôi trong những giây phút quanh quẩn, mong tìm thêm những chi tiết bỏ sót như thú

cổ gọi lại diễn tiến của một vấn bài lớn quyết định một canh bạc nhưng tôi không rõ thêm được điều gì cả ngoài màu trời di chuyển chậm chạp cho đến lúc giống hệt với cái khe hở thông với ngoại giới của cái trí nhớ mỗi mồn. Suốt đêm không một tiếng súng nổ.

THANH-TÂM-TUYỀN

Đã phát hành

NHỮNG CÁI CHẾT VÔ DANH

Tập truyện của Nguyễn Vũ

CHỌN LỌC XUẤT BẢN. Giá 50\$

DU TỬ LÊ

Cung thủ

1

Đời mở muôn nghìn cửa
nước chảy chia trăm giòng
chân vào đời ta mỗi người mỗi cách
riêng cung tên được trang bị như nhau

đã vào đời em đương nhiên trở thành cung thủ
nhắm mục tiêu theo ý hướng riêng

mỗi loài thú chọn săn mỗi một cách
như mỗi người có một thể giương cung

2

tôi nhắm đích tình yêu
mục tiêu luôn vờn trước mặt
tay hấp tấp buông tên

VẤN ĐỀ 9

nghĩ rằng mộng vàng bốn phía
nhưng tình em chín trên ngọn cùng gió nổi
sức tên dị không đủ thấu đường dài

ta cung thủ nhắm mục tiêu kẻ khác
khi tên bay rụng ngã hồn mình

tôi từ đó đuổi dần ý chí
vì sớm đuổi tương lai
tuổi đã héo nhựa đời
còn trông gì kết trái

3

Địch vọi vọi tên lên cao khó đi đường thẳng
mộng quanh co
ta hồ dễ oản mình

em đừng dối lòng em
bây giờ không thiết sống
bởi lúc em giáp mặt tử thần
chân sẽ lùi
trước khi lưng kịp quay
tôi tham sống nên quẫn cùng vẫn sống
đời không được nhớn nho
đành cam phần lạng lẽ
chưa mãn kiếp đã dễ gì nhắm mắt

KIỆT TẤN

Nào ai biết

buông tay cung nào hạ nỗi đời mình

4

ta hãy nhắm chính mình

khi tên còn một chiếc

vì đó là cơ hội tốt nhất để tự giải quyết đời

nhưng thử hỏi kẻ nào

đã dám nhìn kỹ lại mình lúc ngày vàng đã xé

lúc mưu toan cũng luống uổng công thôi

tên bay vút vượt tầm thân xác

định mệnh buộc ta theo

5

tôi leo đèo vác đời bêu riếu

chân so le không chạy khỏi bóng mình.

12-66

DU TỪ LÊ

Như chiếc động cơ nổ không lời chạy guồng máy

rỗng, tiếng lạch xạch vô duyên loảng tắt dần

trong thành phố rồi beng cơn sốt chiều úp chụp.

Nào ai biết bao nhiêu trẻ thơ đã đi lạc, bao nhiêu

ngôi nhà đã bị cháy, những người không còn gặp

mặt buổi chiều, những con thú kim loại nào đã

húc nhau dữ dội ở ngã ba ngã tư...

Và ở ngoài ô ngoài tầm tiếng động, rất nhiều

người con gái đã đổi tên vận nhỏ ngọn đèn dầu

lững lờ tháo bỏ áo trong lơ đãng đón nhận thân

thẻ lạ trên thân thẻ mình buông xuôi

Giờ khắc của lũ chuột cống lì lợm rời bỏ rãnh

mương, của núi rác bị đục khoét, của bọn chó

vô thừa nhận ngồi gãi ở đầu hè, của lũ mèo

hoang động tình réo nhau thăm thiết trên máng

xối

Vì bởi mỗi chúng ta đều mang theo người một

bộ phận sinh dục, ruột gan dạ dày cùng tứ chi
lĩnh kinh trong tâm nam châm của nhu cầu và
từ trường của bệnh tật nào ai biết
Và thành phố trẻ thơ kim thú giống cái chuột
chó mèo vẫn xỉ xăm như động cơ bỏ chạy không.

Mưa trên cao nguyên nào ai hay biết
Thực tình nào ai nhớ nổi, mọi người đều quên
mình đã nghĩ rằng trong giấc già tất phải có
người chết, mọi người đều quên mình đã thỏa
thuận rằng chết là hết sức tự nhiên, không chết
mới là điều kỳ quặc
Thành phố đã nguội máy lúc giờ giới nghiêm
sắp chấm dứt, nền kỹ thuật cổ lỗ lại ngoan cố
tái hiện theo tiếng lộc cộc nhúc óc của bánh
xe bò, người mỗi mê vẫn tiếp tục mỗi mê, người
trần trọc vẫn tiếp tục trắng mắt
Và người chết thì đã ngủ yên trong quan tài
xuôi tay đón nhận định mệnh đang trương lên
ngay từ hạt nhân nứt vỡ từng mỗi tế bào
ung thối
Phần lão già gát quan tài thì bình tĩnh ho lộ
sự đưa chum gân xanh vượt chiếc đầu trọc nghĩ
tới người chết nghĩ tới mình, nghe tiếng xe bò
lơ dềnh khua lộc cộc trong tai lắng, bắc sắp

lụn mòn chập chờn mùi mở cháy...

Và khi thành phố đã loảng tắt tiếng động cơ nổ
không trong cơn sốt chiều
mỗi người tìm hết cách để gặp gỡ lại mình hay
vẫn tiếp tục trốn tránh mình như cừu địch
mọi người lại quên mình đã nghĩ rằng...
Trong khi mưa trên cao nguyên hay đèn tắt
ngoài ngoại ô nào ai có biết

TRONG MẠCH MÁU

Đêm mắt khép
phả ra chỗ che quen thuộc hơi thở tỉnh
âm thanh chóng mặt lời dục thúc
là đời đời kiếp kiếp
động vật xúc giác mê sốt ngất ngư đời vè nữ
choáng váng chột bứt xa rời vùi vập theo nhạc
cuộn nóng hấp úp mặt trên đồng cỏ tênh thang
cỏ mượt nhưng
êm đêm
Ô! cỏ xanh quăn quít

lột hết da mình không lấp nổi cơn dục tình
 hiền thơm sệt tươi mát ngọt
 hô hấp từng mỗi lỗ chân lông không hết đồng
 bằng
 chỉ còn biết nằm lặn lộn trên mền cỏ dầy
 bứt rứt châu thân dưới vòm mây đen trùng gỏi
 kín cơn giông sắp về rã điên cuồng nộ

Rực rỡ như cơn mưa dội trên mình mây mở
 toang
 những chùm tay đồng loạt đòi bùng nổ
 bông hoa chín múp ánh tình
 là cơn thác cuồng trút điên xuống bầy đá mừng
 không phương níu giữ
 hãy cào cào khóc nói kêu la những lời bất tỉnh
 hãy mở đón ân sủng rừng mưa đổ xuống cơn
 sốt lòng xù
 buộc chặt vào cổ tảng thép đỏ bỏng ngu si hồn
 nhiên dữ dội
 cứng như đá
 lao xuống dòng lũ xiết đột ngọt
 còn mê mẩn mơ hồ cơn thác xa đang vọng réo
 âm âm lời thầm chú

Cổ uống mưa
 mưa xuống cổ
 dục tình hồn nhiên dầm ắm
 ôi không thể nào là lời nói !
 hãy để xé tan từng mạch máu trong người...

PARIS

Định cư trong trí nhớ tiếng accordéon mù lòa
 dưới đường hầm xe điện
 Một điệu nhịp ba cũ rất Paris
 Là vội vã giờ phút khuya khoắt
 Đuôi cho kịp chuyển métro muộn cuối cùng
 Chia tay buổi ấp yêu còn hơi ắm
 Để đến một lần hò hẹn ở ngày mai
 Trong vườn hoa nơi hiệu café
 (Quartier Latin có bao nhiêu café-tabac ?)
 Bên bờ sông cạnh gầm cầu
 (bao nhiêu cầu sông Seine sao nhớ nổi !)
 Ngủ gật trong toa xe sáng trưng trống trải
 Mộng寐 dầm ắm
 Níu bắt nạt cười sau bàn tay muốn dấu che
 Đòi môi ngọt một lời nói
 « T'es pas fou, toi ? »

Vâng! hãy điên và leo lên Tour Eiffel lao đầu
xuống
Hãy điên và kéo dài nỗi mất tri cho người con
tinh

Đồn lữ trong trí nhớ từ lúc nào nào hay biết
Thoảng có đêm tiếng accordéon quyến luyến
Sous les Ponts de Paris mang đến chiếc chia
khóa cường toan
Và nụ cười và những giọt lệ đã mất trôi về...

KIỆT TẤN

Đã phát hành

Một chỗ nào khác
VIÊN LINH

Nhà xuất bản Trình Bày ấn hành

TÚY HỒNG

Những sợi sắc không

(TRUYỆN DÀI)

3

T R Ầ M dập tòn thuốc, gài lại màn rồi lăn vào giường úp mặt ngửi mùi da thịt của mình đồn lại trên gối. Một xâu bong bóng hình ảnh êm dịu bỗng bành quang qua tâm trí thao thức, một kỷ niệm nổi khoan thai diu dặt chỗ Trầm về mái nhà xưa nằm đu võng dưới gốc khế già mơ mộng nhìn mấy đứa em gái lăn xả rồi rít đi lui đi tới trong vườn. Trang gội đầu xong hong tóc dưới nắng chiều. Liên gặm móng tay mài dũa trông mắt trên những trang sách. Vân tỉ mỉ ngồi giặt áo lụa bên cạnh những thau nước giếng mức sẵn, hần xát xà bong thơm rồi vò se sẽ nâng niu bằng cả tâm hồn. Vân nói áo lụa phải giặt bằng xà bong con gái rửa mặt cũng như cá thu thì nên kho với nước chè tàu, Vân cầm tấm áo soi trong nắng chiều rồi rũ đi rũ lại mấy lần bằng nước lạnh cho đến một điểm tối đa tinh sạch, Vân đưa tấm áo lên mũi ngửi rồi cầm ba múi chanh vắt vào thau nước trong để dầm áo độ năm phút. Xong, hần mức một thau nước khác, bỏ chạy vào nhà đem ra một viên thuốc ký ninh vàng, hần bẻ viên thuốc làm bốn rồi lấy một phần tư cho vào thau nước lã hòa tan. Đợi mảnh thuốc nhỏ tan biến hết trong nước, Vân mới cầm áo lụa

nhúng xuống ngâm một lát rồi lấy ra xả lại với nước pha giết chanh đem phơi lên giấy thép trong nắng chiều. Nhờ giết bằng kỹ ninh vàng và hong nắng chiều nên áo lụa mờ gà trông lúc nào cũng như mới may. Vân nói một hình ảnh dễ thương cũng là một hình ảnh ngôi giặt lụa. Trầm bảo:

— Áo lụa là hoa-hậu của loài áo, mùa nào mặc cũng đẹp và tiện, mùa hè chương nhiệt, mùa đông ngự hàn.

Trầm cảm nghe buổi chiều ấm ngọt như mật ong, mấy chị em ra cả bên bờ giếng tíu tít bận rộn lòng trong trẻo không qua một ý nghĩ xam nhạt buồn phiền, trong trẻo như tấm áo lụa Vân phơi trên dây thép đang rỉ từng giọt nước xuống mặt đất khô. Niềm vui thương mến dấy lên từ không gian và không gian là mặt lụa mờ gà óng ả dịu dàng. Ở góc vườn buồng chuối ba lùn trĩu nặng như muốn trụt xuống đất kéo ghi thân cây nghiêng tà tà. Lời nói tỉ mỉ của cha già ví bầy con là buồng chuối, buồng chuối nào cũng có nải đẹt ồm ồm như bàn tay xoè rộng của đứa con út. Và cha mẹ Trầm có 9 đứa con và đứa con gái chót vừa mới biết đi xe đạp từ sân ra đến vườn. Không gian hồ hấp điều hòa lay nhẹ lá khế ve vẩy bằng bành trong khói chiều bay lên từ nhà bếp. Một con bướm nhan sắc chao đôi cánh kiêu sa ngồi lắc lư trên hoa cải mà gửi những cái hôn. Cây ớt hiểm trái tím thắm chĩa mũi nhọn lên trời vơ vẩn. Trái dưa xiêm chui ra khỏi bẹ treo cô đơn dưới tàng dù êm ả. Buổi chiều hoàng kim có nắng êm dịu, có gió hiền thực thu vào hồn Trầm khung ảnh thân yêu triu mến.

Trầm tình cờ đi vào giấc ngủ để quên nụ cười trên miệng.

Trầm đưa bàn tay vuốt mặt, khi cảm thấy đôi mắt

cay sè mới sực nhớ bàn tay dính đầy xà phòng. Hai con người xốn xang như nhối, Trầm vội mở máy cho nước chảy từ đầu xuống mặt, vai, cổ. Dòng nước dội chan hòa, hai con mắt Trầm mở trừng trừng và cái nhìn mờ đi lệch lạc qua sự luân lưu mát rượi chảy dài. Nàng cảm tưởng nước từ vòi máy chảy xối xả xuống đầu, xuống mặt đi qua một hành trình trong suốt rất xa, xa tít ngoài khơi lay động biển và hồ. Nước hân hoan đổ ra tương lai bát ngát rồi nước trở về với thời quá vãng nhỏ nhoi có những con búp bê bằng vải ngũ sắc ngồi công kênh vai nhau giữa một bầy thú rừng cộp beo voi thỏ khỉ vượn bằng bông gòn chắt ngồn ngang bên cạnh những cái ví da, áo len, áo thun, áo đầm đầy rẫy trong gian phòng chợ phiên triển lãm vật dụng tiêu xảo của học sinh liên trường. Chiếc bàn dài bóng láng bình chữ nhật trải lớp sa tanh màu huyết dụ rực rỡ dưới bức màn tím sẫm bông la đà sóng sánh gương nhưng và bình hoa thực được đồ ối hong nóng cái nhìn. Trên chiếc bàn đó cầm chín bàn tay còn gái, đó là gian hàng «những bàn tay ngọc» của một trường nữ. Áo nhung vén cao đến cùi chỏ, những nắm tay ngọc thạch được trang điểm từ ngón cả móng láng hồng tươi đến ngón út thon chảy yếu điệu nghênh lên cong cong, những búp tay bầu bĩnh in lúm đồng tiền lót kem đánh phấn trắng muốt thiên nga suông sẵn đợt chề huyền hoặc như một huyền thoại cất dấu nhiều chuyện cổ tích kỳ diệu. Quan khách tíu tít mua những chiếc vòng quăng ném lia lịa, bay lạt sạt không đáp trúng đích, không trông được một bàn tay xinh nào cả va vào màn rơi trên bàn. Hoán cảm một xâu vòng hăm hở, tri chỉ ném mãi vào bàn tay thứ tám, bàn tay mỡ đòng dính chiếc nhẫn màu nước Bích cầu, ngúng nguẩy tinh nghịch như chiếc đầu con ngỗng trắng. Chàng nuôi bàn tay đó từ chiều, tri chỉ hăm hở ném mãi, quệt tóc chảy xuống trán và mặt mượt mồ hôi. Trầm

ngồi trên chiếc ghế đầu một góc phòng mặt sa sầm im lặng như một đồ vật nặng. Cái bàn tay thứ tám Hoán đang theo đuôi, bàn tay của con Hương Lan xinh xắn vẫn thường đi học qua trước nhà nàng. Ông Tây trông được chiếc vòng vào bàn tay thứ bốn vội mang phần thưởng là con cạp bằng vải đến khoe với Trầm.

Trầm và Hoán ra về trong bóng tối bí hiểm của hàng cây già cả rậm rịt. Màu đen của đêm nở ra, trời lên và động thành từng vũng lớn dưới mỗi gốc cây. Trầm đưa trán nhận một chiếc hôn nữa của Hoán rồi bước nặng trĩu lên phòng trọ trong dáng điệu yên tĩnh đùn cao nỗi buồn lẻ một,

— Trầm.

Ánh đèn bật lên cùng tiếng kêu, Trầm quay lại chong tròn mắt :

— Hoán chưa về à ?

— Lên đây nói chuyện cho em vui.

Hoán hát se sẽ bài Quand tu dors près de moi. Tu murmures parfois ce nom mal oublié de cet homme que tu... chàng đưa tay đung đầu gối ngồi phịch xuống. Hai chiếc kim đồng hồ nằm lên nhau trên con số mười hai. Cánh quạt trần trời khúc đều đặn quay tròn boài hoài không hề chóng mặt. Trầm róc rếch sức lực hút thở khi trời đêm cho bộ ngực lộng gió. Càng hồ hấp nàng càng cảm thấy mệt, hai con mắt cá sụn càng đói khát giấc ngủ. Nàng nằm xuống tay đỡ đầu ngửa mặt nhìn trần nhà. Hoán kéo đuôi hai ống chân nàng ra để nằm gối đầu lên đùi rồi đưa tay búng vào bụng nàng tróc tróc như thử quả mít. Hơi chua ở bụng trời lên khiến Trầm nhăn mặt và nuốt ực nước bọt. Hoán chum miệng hút gió, anh đẩy bàn tay trượt đi trên chiếc quần satin may trùng với thê lịch đôi chân dài cong cong của người con gái. Đầu tóc rũ rượi, da mặt láng mượt mồ hôi, Trầm biết chắc nàng đang xấu hơn bao giờ hết. Hoán đốt một điếu thuốc gắn lên môi. Hoán đôi thế nằm nghiêng xây mặt

vào bụng Trầm rồi anh kéo áo nàng ra dấu cái mặt vào trong. Nàng mệt nhọc ngồi dậy chống hai cánh tay ra đằng sau ngửa mặt lên trần nhà ngáp. Hai mắt nổi hoa Trầm nói em chóng mặt quá. Hoán làm tỉnh, Trầm tiếp em dạo này xuống dốc quá, em xuống dốc quá. Hoán gấp điếu thuốc lá lên hai ngón tay, nhường mắt hỏi em xuống hồi nào sao anh không gặp em dưới đó. Trầm cười anh gặp con Hương Lan đang trên đường đi lên. Trầm ngồi yên thở mạnh. Hoán hỏi em mệt lắm hả ? Trầm cầm cái đầu Hoán quăng xuống giường rồi ôm lấy đầu mình lòng nôn nao hồi hộp như mặt nước chòng chành. Cơ thể điên đảo, đầu não lắc lư, Trầm nằm lăn xuống dụi mắt vào gối. Nằm một lát nàng mở mắt hỏi Hoán này, em nghe thiên hạ đồn rằng Hoán có nhiều «bồ» lắm phải không ? Người đàn ông so vai vuốt tóc đưa hai bàn tay làm điệu : Ngày xưa Tạ Linh Vận nói về Tào Thực rằng : Thiên hạ có 10 đầu chữ, Tào Thực chiếm 8 đầu, ông ấy một đầu, còn dư một đầu là của chung cho tất cả sĩ phu tài hoa trong nước. Cao Bá Quát nhà ta nhại theo là nước nhà hiện có 4 bồ chữ, Quát ta lấy hai bồ, ông Đạm và ông Siêu một bồ, còn một bồ chia đều cho người đời đó... Ngày hôm nay thì thiên hạ có bao nhiêu con gái tờ được bấy nhiêu bồ... con gái người ta là em gái mình mà. Hơ hơ Trầm... Trầm có phục anh không ? người đàn ông vừa nói vừa làm điệu như kếp cải lương. Lời nói nhảm về nôm sao vô duyên khiến Trầm nhăn nhu méch lòng. Để ghét là thứ ngôn ngữ ốm ờ chải chuốt bóng bẩy thật giả khó phân. Trầm lăn hai vòng vào dựa lưng bức tường nói mệt quá, em mệt hoài vậy anh ? Hoán lia điếu thuốc lá xuống đất xoắn xit để anh đầm lưng cho. Trầm né tránh ngồi xồm dậy cười rất nhạt em đã gửi được sự phản bội của anh từ lâu rồi, em đã đánh hơi khuôn mặt tình yêu nguy trang và em đã yêu anh toàn diện và anh đã yêu em từng

phần và... có một người con gái khác mà anh đặt ngồi chung chiếu với em để anh chăm chọn để anh khuyên điếm. Em cứ ngỡ đâu bị vướng chân vào một cuộc thi mà giám khảo là anh mà trọng tài là anh, Anh yêu em không phải là sự lựa chọn cuối đời, anh không quyết định, không chủ chốt, anh không rập tâm chỉ yêu một mình em mà thôi, anh đẩy em vào hoàn cảnh, vào tình thế phải cạnh tranh, phải thi đua với một người đàn bà khác... Anh Hoán ơi trên mặt phẳng tình yêu của mọi người chỉ có một người... Anh Hoán ơi, nếu trong tâm ôm của anh có đến hai cô gái mà anh cần chọn một thì em xin lui, em xin lui ngay, xin nhường anh cho đối thủ của em. Em đã bước cả hai chân vào, em sẽ bước cả hai chân ra. Tôi xin trả lại cho thiên hạ một người đàn ông mà bấy lâu tôi chiêm cứ. Tình yêu, hẹn hò, tuyên thệ, kỷ niệm... em xin bước, vâng, đằng sau em bước... Em Trầm, em đừng nói đại, đừng nói mê, anh đã yêu em và sẽ lấy em làm vợ, anh sẽ lấy em, anh thề. Trầm cười gần thôi đi đừng tình nguyện lấy em làm vợ nữa sau khi đã mặc cả giữa hai người con gái, thôi đi đừng sẵn sàng làm phen làm đậu cho em dựa kê nữa, thôi đi đừng xung phong làm hiệp sĩ cứu vớt em làm vợ nữa. Trầm hào hển thở dốc ôm chiếc gối vào ngực. Người đàn ông lúng túng như con rùa lật ngửa quay đầu tránh cái nhìn nhọn hoắt của cô gái. Trầm Trầm em bốc nóng quá rồi, em chồm dậy tự ái quá rồi... bớt nóng, bớt tự ái đi, nguội lại đi em, dịu lại đi em cho anh nói góp vài lời, Anh không hề có gì với Hương Lan hết, Hương Lan đối với anh lạ hoắc mà, dính dáng gì đâu. Anh yêu em tận tình tận lực mà, anh thương em, thương đành thương đập. Tin anh, nếu không tin thì hãy tập tin. Ra trường rồi anh sẽ lấy em làm vợ, anh sẽ lấy em làm vợ. Ừ đi em, ừ đi em cho anh yên bụng. Trầm ngoe nguẩy bĩu môi dài ra cho chiếc miệng có quai, nàng nguyệt Hoán rồi nói ừ chi mà ừ..

ừ khỏi ừ mắc, đây chẳng cần ừ với ai và chẳng cần ai ừ với. Tôi biết bụng của anh rồi. Anh thương tôi bây giờ bớt bấy còn ba... chỉ còn ba phần... nhưng anh vẫn không nỡ bỏ tôi, không nỡ, bỏ thì thương, thương thì nặng, gánh em về làm vợ thì quá nặng. Không Trầm, Trầm cố ý hiểu lầm anh, em hãy tôn trọng tình yêu, thờ phụng tình yêu của hai đứa. Thôi đi, thôi thôi, tình yêu.., hừ... tình yêu của ai chứ của anh thì lật sấp lật ngửa, ba chim bảy nòi trời trụt như kinh nguyệt con gái. Trầm ngửa mặt hếch mũi cười hất ra. Anh Hoán... thôi.. bắt đầu từ ngày mai đừng gặp nhau nữa.

(Trầm làm réceptrice ở gia đình ông Phan, kèm dạy đứa con gái út học võ lòng. Con bé xinh, ngoan được đời mừng tuổi cho đồng tiền trên má và được cả nhà xúm lại cưng yêu quý báu. Mỗi lần Trầm dạy nó học là cả gia đình ngồi vây quanh ngắm nghía tán thưởng khích lệ vỗ tay khen ngợi và bàn bạc xôn xao nhất là bà cụ nội quá nuông chiều, bà cứ bám sát lấy cháu khi thì nhét vào tay một món đồ chơi, khi thì củ khoai luộc và luôn luôn mời Trầm ăn quà vặt. Trầm phải kiên nhẫn lắm lắm, tìm hết lời lẽ mô phạm mới khuyên được đám đông giải tán cho bé Hải học. Cô lập bé Hải xong Trầm vẫn còn cảm thấy vương vịu, mất an ninh vì qua đôi vai tí hon của bé Hải có hai lỗ mắt đang nhòm mình, chú Hoán của bé Hải. Những gặp gỡ cố tình trên lối đi lát sỏi, những cời mở chuyện trò bên này bên kia bàn học... sau đó tình yêu đến và kéo dài hết cuốn sách tập đọc của bé Hải. Những buổi mai rất xanh, trưa rất trắng, chiều rất vàng hai người chịu khó đi bộ qua bao nhiêu con đường. Vòng trán trái tim của Trầm ngược lên nhận nhiều chiếc hôn, toàn thể chiếc miệng Trầm rung rung mấp máy như đang chứa đựng một giọng hát đa tình. Sải tay người tình đàn ông là sợi thung co duỗi hiền hòa, tảng ngực cứng là chiếc lồng gương âu yếm cứng đường Trầm. Nàng đứt quai guốc có người đóng, nàng mỗi lưng có người

đấm, nàng nghĩ học có người đưa đơn. Mùa thi đến có người lo chạy bài cho Trầm học, có người làm hồ sơ dự thi giúp họ. Hoán đi sao tờ trích lục thế vì khai sinh, đi đánh máy cái đơn, đi làm tờ cam đoan, tờ tư pháp lý lịch, chứng chỉ sức khỏe... một xấp giấy má thủ tục đưa ra quận, đưa vào các cơ quan hành chánh. Đấng anh hùng lao động làm Trầm biết ơn là làm Trầm yêu đến ngọt lịm lòng dạ, tươi mát hồn phách. Một phương pháp ve gái hoàn hảo, một tư tưởng cao trong một nước đi thấp).

Trầm thôi làm réceptionnaire vào Nha trang kiểm việc nuôi mình ăn học trong ý muốn độc lập không sống vịn sống dính vào cha mẹ. Hoán đã nép sát bên lẽ cuộc đời lửa đỏ của Trầm. Thế là huyền hoặc, thế là hư không, không bóng không hình không sắc không vị Trầm vẫn còn nguyên, Trầm chẳng mất, chẳng hao gì nàng còn nguyên là nàng khi mới tinh đầu chào nàng ra đi, cuộc sống lại trôi qua dễ dàng như tháo chỉ như đan len. Trầm đọc sách nhiều hơn đi chơi, đọc ngẫu nhiên, đọc nhai nuốt bất cứ sách gì mà cặp mắt thoáng thấy, mà bàn tay với được, sau lưng trước mặt, bên tả, bên hữu. Tiền thuyết, giáo khoa, kiểm hiệp, đặc nhân tâm và ngay đến cả những cuốn sách ái tình sinh lý amour sans peur, l'amour et la vie, technique de l'amour, l'accouplement... tác giả họ dùng thứ tiếng Pháp phổ thông dễ hiểu, hành văn hấp dẫn, táo bạo sống động tự nhiên, mẹo luật cởi mở giản dị với mỗi câu là một mệnh đề gồm chủ từ, động từ, túc từ hẳn hoi đủ bộ. Tiếng một nào không hiểu thì mở cuốn Tự điển Pháp Việt ra tra. Trầm muốn kéo dài một cuộc sống thảo nhiên không động không tĩnh; ngay cả cái tin Hoán đi Pháp nàng cũng không đem vào trí nhớ. Một hôm, nàng cảm thấy rằng mình không thích hợp với thủy thổ Nha trang. Nàng nghe trong người có sự đổ xuống dần dà của cơ thể, sự tiêu hao lần lửa của sinh lực, sự buồn nôn vừa sinh lý vừa

tinh thần, sự no sinh đắng nghét chua lè khiến lưỡi dài ra nước bọt rỉ ứa và đi nhỏ. Bộ tiêu hóa hình như bị đè ép uế chế khiến cơm và đồ ăn trôi lên cổ và chán ngấy tuyệt vọng dâng mờ mắt ù tai. Cuộc sống giờ đây như sự nhai lại của loài bò, gặm hết vạt cỏ rồi mửa ra, nhai lại và nuốt vô là nữa, ối mửa lờ mờ mặt xanh. Loáng thoáng, Trầm nghe những lời xi xào hàng xóm: có mang con so trông biết ngay. . ui ! ba bữa cơm bỏ hết, chỉ còn những lần ăn quà vặt.. Trầm bủn rủn nhão người, nổi bàng hoàng kinh sợ cơ hồ quăng nàng lên mái nhà rồi thả xuống cơ hồ nhận chìm nàng xuống nước rồi vớt lên, cơ hồ gấp đôi thân thể nàng lại rồi kéo ra. Trầm co quắp uất nghẹn run rẩy sững sờ. Trầm tối tăm một mũi cảm thấy túi mật trong người rỉ rả ứa chảy từng giọt và ruột gan lá lách cùng buồng trứng xáo trộn thất bốp đồm đau tột cùng. Ồi quả đất tròn thì chu kỳ kinh nguyệt con gái cũng tròn. Đã ba tháng nay Trầm không hề thấy lại chu kỳ đỏ đỏ, vòng tròn đỏ đỏ. Vòng tròn đã đứt mất rồi ! Trầm đấm ngực phản kháng, Trầm rứt tóc uất ức. Trầm nghiêng răng trèo trẹo nằm bò dưới đất ôm chân giường thở dốc. Trời ơi, Trầm đã không ngờ, đã không tưởng, đã quên khuấy, đã không lo xa thấy trước đề phòng : nàng thuộc vào loại con gái có đường kinh bất an, mỗi năm thấy tháng bốn lần là nhiều. Bởi đó Trầm đã không kiểm soát được những triệu chứng. Mũi tên tự ái bắn đi đã bật lại ghim vào mình, ngọn lửa nóng này hùng hổ liếm nóc nhà thiêu rụi đời con gái rồi, Trầm bốt hoảng ôm lấy đầu, đầu to mà dại, đầu to mà ngu, cái đầu bị cơn nóng và lòng tự ái đánh bạt đi để quyết định dứt bỏ người yêu một giờ như gió. Trầm đã bỏ Hoán một giờ như gió để phá giá, để phá sản cuộc đời mình... Sôi nổi, bốc đồng, nóng như lửa ; tự ái ngùn ngụt, ngu như bò. Trầm nằm rú liệt tay chân ba ngày khóc ngất ngư, khóc thoi thóp tả tơi, nhàu nát, đôi mem như con mèo ướt trong nỗi đau khổ như

từ cuộc đời bầm dập đường cùng cũng không có mà lạch bỏ lên nữa.

Trầm ngồi bật dậy trong một cử động thể thao lờ đờ nhìn 4 bức tường hốc hác trắng bệch bao quanh như chiếc hộp. Nền nhà rịn nước báo hiệu thời tiết thay đổi. Trầm ôm đầu gối ngửa mặt nhắm mắt định thần. Thôi cái gì cũng nên coi như hết, coi như bỏ. Ta hãy ngưng kêu trời, cô lỗ và tiền sử lắm! ta hãy cầu cứu, hãy viện binh, hãy động viên tinh thần ta lòng can đảm, sự im lặng thần nhiên chịu đựng. Phải tạo ra can đảm, nghiêng răng ken kết mà bơi mót tìm kiếm cho ra vô số can đảm, tối đa can đảm để hứng nhận sự bất hạnh, lời nguyện rũa. Để coi thường, để thần nhiên. Đừng ăn gian dấu điểm thiên hạ bằng cách đi một nơi xa mà để, phải công khai mang một chiếc ba lô trước bụng chín tháng mười ngày, phải coi mình như một thiếu phụ, một góa phụ, ít nhất hay nhiều nhất chỉ mình cũng trải qua một đời chồng rồi. Cuối cùng của khoái lạc, cuối cùng của đau khổ... cái đuôi của sự sống là cái đầu của sự chết. Dù có chết đi nữa thì ta cũng phải bắt chước cái chết của con lạc đà đi qua sa mạc : đang đi ngã ùng ra chết. Không có phút hấp hối không có dấu hiệu đau đớn thể xác cũng như tinh thần. Giữa sống và chết không có bệnh tật bất cầu. Ta đã mười tám tuổi rồi... hai lần chín là mười tám... ta đã lớn. Tương lai còn nằm trong sương mù.

Trầm viết thư cho bà nội bé Hải, mẹ Hoán, đặt điều kiện xin một số tiền lớn đủ sinh sống từ đây cho đến ngày đẻ. Trầm đi thăm thai, đi thử máu, đi chụp hình vòng xương chậu và hành trang lâm bồn của nàng vốn vẹn hai tấm áo len, mười hai chiếc tã và mũi kim đâm vào tay và nước mắt rơi xuống chiếu. Người nữ sinh khoác áo bầu đến trường, đám bạn gái hốt nép vào nhau như bầy vịt bị đuổi, bà Hiệu trưởng ra thông cáo trực xuất. Trầm xin học các lớp luyện thi và

Trầm phải uống thuốc bổ luôn luôn để dưỡng thai.

Mẹ Hoán vào Nha trang thăm Trầm một tháng trước ngày sinh cùng với một người làm khiến Trầm rất mừng rỡ. Bà bảo đăng lễ vào từ lâu nhưng bận thuê người giúp việc nên phải chờ. Bà khuyên Trầm sinh xong hãy mang con về bên nội chờ ngày Hoán hồi hương. Trầm lắc đầu trả lời con không được một cái thư nào của anh Hoán cả, thiếu tư cách để quay lại. Xin bà hãy giúp đỡ cho con qua lọt thời kỳ sinh nở đầu tiên rồi mặc con với cuộc đời sa mù của con.

Trầm cười khúc khích khi bà cụ bảo con không được với cao bước dài, không được bước qua sợi dây và bước qua đòn gánh, không được ăn chuối tiêu, không được nằm, có thai kiêng nhất là nằm, nằm rồi ai để khó cho... bao nhiêu công việc nặng, bao nhiêu cực khổ mẹ có thể gánh đỡ cho con nhưng để khó thì mẹ không thể vào đó mà để thể cho con được. Trầm cười ha hả con bị bắt nạt quá, nhưng là một sự bắt nạt dễ chịu, những kèm toả khoan hồng. Mẹ Hoán nói tiếp ở nhà quê đàn bà có thai tuyệt đối cấm nằm, nâng đầu vừa chớm ngã lưng xuống giường là bà mẹ chồng la hoảng lên rồi bốc một nắm gạo vãi ra sân bắt buộc ngồi dậy nhặt cho kỹ hết... vừa nhặt vừa cầm thù nhưng mà cái mệt tiêu đi, quên đi... thấy gạo đồ mà không lượm là tội thời trời hành khó... Trầm đưa tay xoa bụng đứa con của con mót máy dễ thương quá, máy êm quá.

Con lọt xác quần quai, đứa bé gái bóc xé thịt da mẹ xông ra đời, Trầm ngất lịm sau cuộc đổ máu nhẹ của mình. Ngày thứ nhất Trầm ngủ vui, ngày thứ hai Trầm ngồi dậy ăn cơm và ngày thứ ba Trầm đứng lên rửa mặt sửa soạn áo quần đi thi. Thi tú tài phần hai. Mẹ Hoán và người làm hốt hoảng cản ngăn nắm áo kéo tay. Mắt khóc miệng cười Trầm gạt ra, cần răng đi lấy giấy căn cước, phiếu báo danh cho vào chiếc vi nhỏ. Màu lá xanh in lên nền da thịt non ngày non tháng

mà bất cứ lỗ chân lông nào cũng run run sợ lạnh, Trầm đưa lưỡi liếm hai hàm răng thiếu chất vôi của mình rồi loạng choạng ra đi trong cơn sốt mê hoang tàn đập. Ngồi trên xích lô, Trầm co rúm quắp quẹo như trong cơn động kinh run giật bệnh phong đòn gánh. Hai tay nàng bưng lấy màng tang, nước mắt ràn rụa như cần phải miếng ớt quá cay. Thân nhiệt trong người hâm hấp lên độ, Trầm cầu rằng nhắm nghiền đôi mắt ngập nước, ngã lưng vào nệm xe thêm thiếp. Trong một phút hôn mê, Trầm mơ thấy mẹ Hoán ngồi vót dừa tre bên cối xay lúa. Bà chẽ cái phần ruột mềm bỏ đi, còn lại chỗ tre cứng bên ngoài da, màu xanh gọi là cật tre. Lưỡi dao chuốt dài trên phiến tre xanh, âm thanh cào xước đau thắt nghe như những tiếng rên sắc nhọn khiến Trầm cảm thấy chua cả hai hàm răng. Hai hàm răng thời kỳ mang thai bị con lấy chất vôi để cấu tạo nên hình hài. Âm thanh lưỡi dao bào buốt phiến tre xanh... tai càng nghe, những chiếc răng Trầm càng ê ẩm, càng tê dại, càng giá buốt, và khi nước mắt ứa ra thì cả ba mươi hai chiếc răng đều cong lạnh rét run lập cập. Đầu Trầm nóng như, bốn chiếc răng cửa và hai chiếc răng nanh chịu khổ hình đau buốt nhất, Trầm nghiêng rít chúng lại, cái hàn lạnh chui vào tim phổi... Rồi mẹ Hoán vớt cái dao, vớt thỏi tre để cầm hai trái ngô tươi chà xát vào nhau liên hồi. Trầm kêu trời ơi... tiếng vỏ ngô bào buốt, tiếng lá bắp cào cọ... Trầm không chịu được nữa... kiên nhẫn quá, tê cóng, chết lạnh cả hai hàm răng rồi cả đến những chiếc răng cấm nằm sâu trong cùng cũng nhồm dấy run rẩy lật hạt cào rút thần kinh, Nước mắt nàng chan hòa. Ôi! nghe tiếng đại bác là nổi sợ hãi cái chết. Ôi nghe những lời nguyện rủa từ những mồm nhọn thành phố là nổi tự ti thân phận eo óc thâm sâu. Ôi nghe những tiếng này... nổi đau siêu hình?... không, không đau không khổ mà chịu không được, chịu không thấu. Âm thanh lá ngô, lời nguyện rủa, tiếng đại bác..., Con sốt mê đi

chuyển thời tiết thân thể lừ lờn lạnh qua nóng như một bất chợt ngao ngán. Đôi mắt khép ơ hồ, Trầm lững lững bước xuống xe trên đôi chân lúu rúu chực vấp ngã, nàng vào cổng trường đi dưới hàng lớp thông già ngơ ngẩn bóng im. Mắt Trầm thấy có gió và xa kia là biển mờ mịt. Rừng lá kim bật rung tiếng thông ca vì vút chờn vờn trên màu nước sắc không xanh biếc, hóa thân thành luồng gió nhọn đâm xoáy vào trong lòng biển nơi loài rong rêu thường múa hát và những cục đá đen kín đáo thở dài. Ôi! con chim se sẽ có tiếng bạo dạn nhưng không lần nào đứng trên ngực tôi mổ cùc hai hạt đậu đỏ còn bàn tay anh Hoán, bàn tay anh Hoán... thì lần đi hết trên thân thể tôi, đi trên hai đỉnh ngực còn cào, đi dưới lồm eo heo hút nhưng bàn tay đó, bàn tay anh Hoán vẫn không bao giờ rời tôi nổi đam mê cuồng si của tôi. Tôi có đam mê, tôi có người yêu... nhưng hai thứ đó tách biệt, hai chủ thể, hai đơn vị... và người yêu của tôi chẳng hiểu tôi lấy một đồng một chữ. Trái ổi đam mê cứng sừng trơn nhầy mượt ung thư nổi lợn cợn trong chất nước sệt sệt óc não cựa quậy (dưới mắt người tỉnh). Làn hỏa bốc lên từ miền nhiệt đới tình cảm cho cơ thể nóng như cơn sốt mê hoang tàn đập. Con dơi tình ái đi mù vật vờ bay mãi trong vùng sa mạc tối đen. Tôi trườn mình trên cuộc đời cầm chông và dao nhọn đau buốt xé rách tận cùng thâm cung và buồng trứng con gái. Và mình mây của tôi và trình tiết của tôi... ôi... tấm thân đã vấy muối độc. Không gian tím bầm, da trời, da biển và bầu dương khí chúng sanh đều vấy muối độc. Tôi nhiễm độc rồi. Biển chồm lên cuốn hút nổi đam mê hỏa diệm sôi bỏng trôi theo làn sóng nghịch thần Thái sơn đồ rồi, trời long đất lở rồi, tôi lặn xuống vực thăm rồi. Tôi ơi tôi ơi tôi đâu rồi Trầm đâu rồi. Tôi nhìn đám nam nữ thí sinh đang kia mà thù hận. Tôi rút xuống chót bệt cuộc đời, thấp hơn ai hết. Ôi! Con cuồng nộ dấy loạn cơn cáo như vó câu thúc dồn trên ý thức mê man cụt ngủn. Ngựa chạy rần

VĂN ĐỀ 9

rất trong huyết quản, mạch máu tôi đứt rồi. Ngựa phi nước lớn trên cõn ngực và ngựa dẫm nát mặt mày tôi rồi. Tôi muốn thét lên lạnh lạnh xé gió, tôi muốn dậm chân giựt tay lia lịa anh Hoán anh Hoán ơi cười em cười em, em sắp ngất xỉu đây. Anh Hoán ơi em muốn có anh, con em, con chúng ta muốn có anh. Trầm thấy Hoán cười lên reo reo như tiếng đồng hồ báo thức xoáy vào lá nhĩ nàng rồi tan rã thành những mảnh âm thanh vụn rớt bình bình trên hai rãnh thính giác.

Trầm vịn quai nón ngược nhìn cây thông, ôm ngực lão đảo. Con khủng hoảng, con cuồng nộ thần trí sốt lên vài độ nữa, tim đập lên nhanh gấp rưỡi, phản ứng như tiết ra chất độc rỉ rả chảy giọt khắp châu thân tắt nghẽn hành trình của những cơ quan và tế bào. Hào quang chớp lóe, đom đóm long lanh, cơn sốt lại đột ngột khai hỏa bùng cao, nàng nóng hầm như một trái bắp đang nướng. Trầm lơ mơ thấy trên đầu mình như ngưng tụ một làn khói trắng bốc thẳng lên như chiếc lông trĩ. Hai vành tay xoắn tít bùng bùng, lá nhĩ dường như rách thủng nghe muôn ngàn oanh tạc cơ từ các hàng không mẫu hạm và phi trường cùng bay lên bầu trời như một bầy ruồi đen kín vũ trụ. Tim đập kịch liệt hung dữ loạn cuồng. Không ai can ngăn cơn sốt, không anh Hoán can ngăn cơn sốt đừng hà hiếp tôi, không anh Hoán can ngăn sốt đừng hành hạ tôi. Ôi! quả tim đánh tôi, mạch máu thắt bóp tôi, khí quản trâm hơi thở tôi và cơn sốt cầu xé cào xè từng mảng hồng huyết cầu đỏ ối. Nước... nước.. khát nước đến bốc cháy cả người. Tôi thêm uống cả dòng sông Cửu Long. Trầm thêm uống rượu cầm, uống sâm banh, uống rượu chát, ba mươi ba... đàn bà để cần những thứ đó. Tôi bốc cháy rồi... nóng nóng quá... Tôi há miệng phun ra trái cầu hồng ngọc, viên ngọc đam mê của tôi... ánh sáng tỏa lan trên một vùng cỏ. Trái đam mê lúc đầu

màu huyết lưu, chợt đổi sang vàng, rồi sang tím, sang xanh, rồi da cam, rồi nguyệt bạch, rồi sắc sắc không không. Màu sắc huyền nhiệm biến ảo theo từng cái chớp mắt và một lát tất cả bảy màu cùng xuất hiện một lúc trên trái ngọc. Trái ngọc bảy màu óng ánh long lanh tuyệt đẹp bỗng tắt biến đi mất không còn gì nữa. Vạt cỏ hoảng hồn trở trời, không gian tối sầm bời đen báo hiệu cơn mưa giông nồng nực. Rồi trái cầu long lanh sáng lại đủ bảy màu rồi trái cầu dập tắt đi âm u. Ánh sáng huy hoàng chợt có chợt không và vạt cỏ cây lá sông rạch cùng những hòn đá đen dưới biển cũng chập chờn khi ẩn khi hiện theo nỗi đam mê sắc sắc không không huyền ảo.

— Trầm... Trầm cô Trầm cô...

.....

— Cô... Cô Trầm.

Người đàn ông trẻ đứng trước mặt Trầm cất tiếng gọi dồn dập. Trầm rơi bấn từ cơn mê bàng hoàng bừng tỉnh mở mắt thao láo chưa hoàn hồn.

— Cô Trầm... Tôi có nghe một vài huyền thoại về cô... Hôm nay ngày thi, tôi cũng làm thi sinh, cô cũng làm thi sinh.. Tôi thấy cô đẹp, cô đội nón Huế in bài thơ, tóc cô dài rủ xuống, da mặt cô xanh quá xanh như lá chuối... đẹp, đôi mắt cũng đẹp và những huyền thoại về cô cũng đẹp... cô đứng dưới gốc thông đẹp quá...

Trầm lau mồ hôi đáp hờn hờn :

— Tôi vừa sinh cháu gái mới hơn hai ngày. Tôi mới đẻ đây có hơn hai ngày, chưa qua ngày thứ ba. Tôi đang sốt và đang mê, đang thiếp ông ạ! đang trong cơn mơ.

(còn nữa)
TÚY HỒNG

PHÊ BÌNH

ĐỌC VÀ NGHĨ VỀ «QUỐC SƯ VẠN HẠNH» TRUYỆN KỊCH CỦA LÊ VĂN SIÊU

◆ QUỐC SƯ VẠN HẠNH,
truyện kịch của LÊ VĂN SIÊU dày
ngót 300 trang, bìa do họa sĩ Văn
Thanh trình bày, là một tác phẩm
mới, do LÁ BỐI ấn hành mùa thu
năm 1967.

I- LƯỢC TRUYỆN VÀ CHÍNH DANH

N HỮNG ngày cuối cùng của nhà Tiền Lê. Vua Long
Đĩnh ốm liệt giường và các vị Đại Vương—anh em và con nuôi
của Long Đĩnh—đều lâm le tranh đoạt ngai vàng. Đáng kể nhất là
Minh Đề, em út của Long Đĩnh, dường như được sự ủng hộ của
Thiên Triều (Trung Hoa) trong cuộc tranh đoạt này. Trong khi
ấy, trong dân gian có nhiều nguồn tin được đồn đại về lý lịch
của ông vua tương lai. Đó là một người họ Lý (Thập bát tử) và
tuổi Tuất (chó Trắng có chữ Thiên Tử trên lưng). Những tin

VẤN ĐỀ 9

đồn này có ít nhiều liên hệ đến nhà sư Vạn Hạnh — nếu sư
Vạn Hạnh không chính là tác giả của chúng. Trong cuộc tranh
đoạt ngai vàng như thế là có thêm cả Lý Công Uẩn — đang làm
Điện tiền Chỉ huy sứ — được sự ủng hộ của Đào Cam Mộc và
sự vận động tích cực của sư Vạn Hạnh.

Tình thế sáng sủa dần với thế chủ động của họ Lý. Cuối
cùng, chính Hoàng Hậu (vợ vua Long Đĩnh) cũng ngỏ ý kiến
thuận lợi và triều đình họp lại, đưa Lý Công Uẩn lên ngai vàng.

★ Nghĩ cho kỹ thì thấy rằng đây không phải là truyện về
Quốc Sư Vạn Hạnh, như tên sách trình bày. Động tác truyện là
cuộc tranh đoạt ngai vàng giữa các ông hoàng, bà chúa trong
hoàng cung mà sư Vạn Hạnh chỉ là yếu tố tích cực của MỘT
PHE PHÁI. Đặt tên truyện là QUỐC SƯ VẠN HẠNH thật là
không ổn.

★ Điều không ổn thứ hai là lối xác định thể loại tác phẩm
của Lê Văn Siêu. Gọi tác phẩm của mình là TRUYỆN KỊCH,
nhà văn đã gây một thắc mắc kỳ quái cho người đọc. Người ta
không biết phải hiểu truyện kịch là MỘT TRUYỆN ĐỐI THOẠI
theo lối TẢN ĐÀ trong *Giấc Mơng Con* hay là một CỐT TRUYỆN
CỦA KỊCH.

★ Điều không ổn thứ ba nữa là chúng ta không thể xác
định truyện QUỐC SƯ VẠN HẠNH hoàn toàn chính xác về sử
tích đề gọi QUỐC SƯ VẠN HẠNH là *truyện lịch sử*.

Sự phân biệt giữa lịch sử và các truyện dã sử thật rõ
ràng. Một bên ghi chép những sự kiện đúng như chúng đã
diễn ra, một bên chủ trọng đến con người đã tham dự vào và
tác động đến các biến cố ấy. Công việc trước đòi hỏi sự xác
thực khách quan, công việc sau đòi hỏi sự suy diễn chủ quan
của người chấp nối. Lê Văn Siêu đã làm công việc của người
chấp nối các dữ kiện lịch sử được ghi chép, theo sự suy diễn
chủ quan của mình, cũng như Bernard Shaw trong kịch SAINT
JOAN, MAXWELL ANDERSON trong kịch ELIZABETH THE
QUEEN và TRẦN THANH MẠI trong truyện TIẾNG SÁM ĐÊM

ĐỒNG. Truyện QUỐC SỰ VẠN HẠNH đã diễn ra như là *ông suy diễn*, căn cứ vào các mảnh tham chứng ; nó là dã sử, không phải là lịch sử.

II. CẤU TẠO TÁC PHẨM.

A— Xét « QUỐC SỰ VẠN HẠNH » như là một truyện dã sử, một truyện đối thoại (nouvelle dialoguée), chúng ta phải nhìn nhận rằng tác giả đã có công đi tìm sử liệu về các nhân vật trong truyện của ông — từ nhà sử đã đi vào huyền thoại là VẠN HẠNH cho đến những nhân vật ít được nhắc đến như các vị ĐẠI VƯƠNG — con vua Lê Đại Hành, HOÀNG KHÁNH TẬP, người nổi loạn ở cảng Đa Cát và Ắ ĐÀO, người ca nữ đã trở thành biểu tượng của một lối hát thuần túy Việt Nam (hát Ắ ĐÀO). Trên những mảnh sử liệu (và một phần ngoại sử) đó Lê Văn Siêu đã suy diễn ra động tác truyện, chắp các mảnh vụn thành MỘT toàn thể, phối hiệp các nhân vật vào một môi trường sinh hoạt, với những tương quan qua lại. Phần công việc sau đương nhiên quan trọng hơn phần trước vì chính nó xác định QUỐC SỰ VẠN HẠNH có là một truyện, một tác phẩm văn nghệ hoàn chỉnh hay không. Ở phần công việc này — buồn thay — Lê văn Siêu chưa làm được tác phẩm của ông thành tác phẩm.

★ Trước hết nói về ĐỀ TÀI, Như lược truyện cho thấy, truyện QUỐC SỰ VẠN HẠNH không phải là một truyện nói về QUỐC SỰ VẠN HẠNH. Câu truyện chỉ miêu tả những cuộc vận động tranh đoạt ngai vàng diễn ra trong những ngày hấp hối của vua Long Đĩnh. Xác định như thế, mặc dầu rằng tác giả (như trong LỜI NÓI ĐẦU) muốn đề cao đặc biệt nhân vật đã đưa Lý Công Uẩn lên ngai vàng, bằng ảnh hưởng chính trị to lớn của mình ở triều đình cũng như trong dân gian.

★ Sự đề cao một nhân vật truyện đề tài làm cho nhân

vật trở nên cao lớn, bao trùm toàn tác phẩm, là sự việc thường thấy trong sáng tạo văn nghệ, điển hình là Goethe với nhân vật Faust, Lermontoff với MỘT ANH HÙNG THỜI ĐẠI, Puchkin với Pougatcheff và CON GÁI ÔNG ĐẠI ÚY (La fille du capitaine). Nhưng ở đây, Lê văn Siêu không thành công.

Lê văn Siêu muốn sử dụng kỹ thuật LÀM CHO NGƯỜI VẮNG MẶT HIỆN DIỆN, theo kiểu Vũ Khắc Khoan đã thể hiện nhân vật Cồ già Trường trong kịch THÀNH CÁT TỰ HẸN. Lối thể hiện này rất táo bạo và khó, vì nó là một thể hiện gián tiếp, một thể hiện qua những hiện diện khác. Nó đòi hỏi những tiểu xảo bén nhọn để kích thích tình cảm và xúc động người đọc, làm nổi bật nhận thức rằng sự VẮNG MẶT của nhân vật bóng ma chính là cái quyết định số phận các nhân vật hiện diện, cái sẽ làm biến chuyển động tác và nó đang chấp chờn đầu đó như một tai họa, hay là một lối rẽ chưa biết ra sao, sắp sửa thành hình. Lê văn Siêu chưa làm nổi bật được tính cách cần thiết của nhân vật bóng ma của ông, chưa làm được sự vắng mặt của sự Vạn Hạnh có tác dụng kinesthetic, tác dụng gây bàng hoàng, ngộp thở.

Mặt khác, dù cho có thể hiện được nhân vật bóng ma VẠN HẠNH THIỀN SỰ một cách toàn vẹn, Lê Văn Siêu vẫn chưa đủ lý do để đặt nhân vật tượng trưng toàn truyện của ông. Chúng ta hãy nhìn lại phần lược truyện. Đặt thí dụ cụ thể cho dễ hiểu : VŨ KHẮC KHOAN đã làm cho nhân vật bóng ma Cồ già trường hiện diện hơn cả một số nhân vật hiện diện khác nhưng vở kịch vẫn mang tên là THÀNH CÁT TỰ HẸN ; Tennessee Williams cũng đã làm cho một người chết đứng sững giữa đôi vợ chồng trẻ gần suốt tấn kịch CON MÈO TRÊN MÁI TÒN NÓNG (A cat on a hot tin roof) nhưng không gắn tên người chết cho tác phẩm. Nhân vật quan trọng và đề tài là hai thứ khác nhau và chỉ khi nào toàn thể động tác đều hướng tới nhân vật như là cái đích cuối cùng, (như trong kịch Faust của

Goethe) chừng đó nhân vật chính yếu và đề tài mới là *MỘT*.

★ Động tác của truyện QUỐC SƯ VẠN HẠNH có hướng tới nhân vật Quốc Sư VẠN HẠNH hay không? Ta thấy rằng không. Cái được hướng tới — có lẽ tác giả không ngờ — chính là cái ngai vàng của Lê Long Đĩnh. Mọi xung đột, thanh toán lẫn nhau trong tấn kịch đều nhắm tranh đoạt ngai vàng. Và, nếu như Lê Văn Siêu nắm vững kỹ thuật thể hiện, ông có thể đã viết được một truyện sôi động, một vở kịch nảy lửa, như *DOUZE HOMMES EN COLÈRE* hay như *QUI A PEUR DE VIRGINIA WOLF*. Nhưng nhà văn chưa giới hạn được mình, ông không giữ được động tác thống nhất từ đầu đến cuối. Thí dụ như phần I của truyện (Màn 1 của truyện kịch) ôm đầy những sự việc rườm rà, chỉ nhằm làm nổi bật sự tàn bạo, vô tư cách của các Đại Vương — anh em của vua Long Đĩnh; phần này có là cần thiết hay không, và có ôm gấn hay không vào chủ đề? Nếu chủ tâm của tác giả là trình bày thực trạng vấn đề khi động tác phát triển thì tại sao lại biểu diễn sự tàn bạo, vô tư cách của các Đại Vương bằng động tác và phần còn lại không bằng động tác? Sự vụng về này làm cho phần trình bày cảnh ngộ đứt lìa với sự phát triển động tác bắt đầu ở màn II (hay phần II) và nó dường như tố cáo rằng tác giả không nắm vững nguyên tắc kiến trúc động tác của tác phẩm văn nghệ, nguyên tắc đã thành hình từ thời đại Aristote. Nguyên tắc đó là động tác phải duy nhất và gồm có một khởi đầu, một khúc giữa và một khúc cuối. Thoạt nghe thì có vẻ giản dị đến gần như khô hời nhưng áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật thì không dễ lắm. Nó đòi hỏi nhà văn một ý thức rõ-rệt về động tác, một khiếu thẩm mỹ bén nhọn để biết lựa chọn những sự kiện cần và đủ để kích thích và ôm gấn vào động tác theo một hướng nhất định, nhằm cuốn hút tình cảm và tưởng tượng của người đọc từ thấp lên cao, càng ngày càng kịch liệt, trước khi đi tới một giải quyết thỏa đáng — nghĩa là hợp lý về mặt thẩm mỹ, đối với

người đọc. Hiên nhiên, thực hiện được như thế không dễ. Kiến trúc động tác của một số tác phẩm văn nghệ hiện đại chứng tỏ điều đó. Kiến trúc động tác của QUỐC SƯ VẠN HẠNH cũng chứng tỏ điều đó. Ngay cả trong phần II là phần mà ta nghĩ rằng động tác chuyển bánh, khởi sự phát triển từ thấp lên cao, từ phẳng lặng đến kịch liệt, động tác truyện vẫn không là duy nhất. Các sự kiện nhỏ xảy ra như là động tác trong khi sự to lớn của QUỐC SƯ VẠN HẠNH không sao « cảm thấy » được. Lối tiến triển này tiếp tục cho đến hết truyện QUỐC SƯ VẠN HẠNH. Các sự kiện nhỏ, cuối cùng, chiếm chỗ trong đầu óc chúng ta, biến thành động tác chính với những đoạn gãy góc như rồng rắn lên mây. Ta không thể nào nghĩ rằng chủ đề có thể ở ngoài chúng, ở ngoài những vụ mưu mô, thanh toán lẫn nhau. Ta không có cách nghĩ nào khác. Phần còn lại, kể cả sự to lớn của nhà sư Vạn Hạnh, chỉ là phụ thuộc.

★ Nói rằng nhà văn Lê văn Siêu đã làm « nổi bật » một chủ đề mà chính mình không ngờ có vẻ là một điều mỉa mai hơi quá đáng. Sự «hiên lẫn» — nếu có thể gọi là «hiên lẫn» — này phát sinh từ sự mất chủ động của tác giả trước các sự kiện được trình bày. Hiên tượng nhà văn mất quyền chủ động ngay trong tác phẩm có vẻ là một điều kỳ quái nhưng mà có thực — không riêng trong trường hợp nhà văn Lê Văn Siêu. Bởi các sự kiện từ khi được nhà văn trình bày trong tác phẩm văn nghệ đã có đời sống riêng của nó, trong môi trường của nó, tách lìa hẳn chủ quan sáng tạo của nhà văn. Chính môi trường của nó, nói rõ hơn là các quan hệ qua lại của nó với cảnh ngộ và với các sự kiện có thể có một ý nghĩa mà người sáng tạo đôi khi không ngờ được. Chính ở trường hợp này, sự kiện văn nghệ đã được ví như con ngựa bất kham, đối với ông chủ bất lực là chủ quan sáng tạo.

Các sự kiện trong phần I do sự phối hợp cường độ ánh sáng, âm thanh, màu sắc, đã nói lên thái độ đạo tặc, bất chấp

luật vua, phép nước của đám quân đi thu thuế cho các ĐẠI VƯƠNG. Và bên cạnh đó một vài vấn đề mờ nhạt, rời lẻ khác : ông thầy địa lý đi tìm đất, Lâm Khuru tìm sư Vạn Hạnh, chủ tiêu Tuệ nói chuyện Sư Đàm Hiên bị bắt. Tất cả các sự kiện đó, không được thống nhất vào một « ý hướng » rõ rệt. Chúng giống như một đám đông mạnh ai nấy nói, sự khác nhau chỉ là có tiếng lớn hơn, có tiếng nhỏ hơn — dường như không ai hiểu ai.

Các sự kiện trong phần II, mặc dầu ý nghĩa đứt lia khỏi phần I, cũng vẫn không hòa thuận với nhau hơn. Nếu rút lấy những sự kiện quan trọng nhất thì ta có hai mảnh : một là mưu mô gạt nhau ra ngoài vòng tranh chấp ngai vàng của HÁN và SỞ ĐẠI VƯƠNG, hai là cuộc thanh toán cả HÁN và SỞ ĐẠI VƯƠNG của chân tay nhà Sư VẠN HẠNH. Các sự kiện khác : Sự xuất hiện của Lâm Khuru, của người đem thư của ĐỖ NGÂN, của TỪ MỤC và thầy địa lý, của LÝ PHẬT MÃ và MAI PHƯƠNG đều thiếu giá trị xúc động của những động tác thực sự và chỉ làm cho tác phẩm rườm rà một cách *không thẩm mỹ*.

Sự duyệt lại sự kiện trong các phần III và IV cũng đưa đến những nhận thức tương tự.

Nếu các sự kiện có thể nói với nhà văn Lê văn Siêu — theo kiểu J. P. Sartre : « *Từ khi Thượng đế sinh ra tôi thì tôi đã không thuộc về ngài* » — thì ắt là chúng sẽ nói rằng *Từ khi tôi thoát ra ở đầu ngòi bút của ông, tôi đã không đồng ý với ông về mọi chuyện*.

* Theo dõi động tác phức tạp và gầy khúe của QUỐC SƯ VẠN HẠNH, xuyên qua những sự kiện nhiều khi rườm rà một cách vô ích, chúng ta không thấy cao điểm của động tác. Trong tiếng cao điểm chúng ta muốn nói đến cái cảnh hay là sự kiện gây ra sự căng thẳng kịch liệt, gây ra những xúc động và tình cảm mạnh nhất. Nó bắt nguồn từ cảnh ngộ được trình bày và hiện ra như là đỉnh cao nhất của diễn trình phát triển

VẤN ĐỀ 9

(khởi từ phần II). Nhưng trong truyện, cao điểm không có ở phần II, không có ở phần III, không có cả ở phần IV. Nếu có miễn cưỡng cho rằng cuộc cãi vã giữa TỪ MỤC và NGŨ BẮC VƯƠNG ở phần IV là một cảnh xung đột gay gắt thì cũng không ổn. Vì nó không nằm trong phát triển của động tác chính, nó không là cao điểm của phát triển động tác, không đưa động tác đến một lối ngoặt.

Sự thiếu cao điểm làm cho câu truyện phẳng bệt, buồn chán. Nhà văn dường như quên đi rằng ông phải chinh phục người đọc và ông sẽ thất bại nếu không làm cho họ hứng thú đi theo ông — dù cho những điều ông nói là bổ ích. Thiết tưởng rằng chúng ta nên nhắc lại một câu thơ của thi sĩ HORACE, trong NGHỆ THUẬT THI CA.

Aut prodesse volunt aut delectare poetae,

Aut simul et iucunda et idonea dicere vitae.

(Thi nhân lợi ích hay vui sướng, hoặc pha lẫn dịu dàng với dữ dội, dạy cho đời điều phải).

Hai tiếng LỢI ÍCH và VUI SƯỚNG được quan niệm là mục tiêu của nghệ thuật từ đó, không riêng đối với nghệ sĩ mà đối với cả quần chúng thưởng ngoạn.

QUỐC SƯ VẠN HẠNH có dư chất liệu để là bổ ích (kiến thức về sử học, tinh thần ái quốc sôi nổi hay chín chắn của các nhân vật) nhưng nó chưa gây được hứng thú mạnh mẽ. Điều này có nghĩa là đáng lẽ nó phải nuôi dưỡng và kích thích xúc động, tình cảm của người đọc đến cao độ, nó lại buông rơi cho đi lang thang, lúc ở đẳng đồng, lúc sang đẳng tây, xanh xao, vất vưởng. Về nhận thức học ta thấy rằng xúc động và tình cảm nếu được kích thích liên tiếp—theo chiều hướng nhất định — sẽ biến thành nhận thức. Sự thiếu cao điểm của QUỐC SƯ VẠN HẠNH, về mặt này, đồng nghĩa với sự không thành hình của nhận thức nơi người đọc. Yếu tố VUI SƯỚNG đã ảnh hưởng tai hại trở lại yếu tố BỔ ÍCH. Người đọc không tiếp nhận

được sự hỗ ích vì không được hứng thú lôi cuốn.

★ Nói chung, xét QUỐC SƯ VẠN HẠNH như một truyện dã sử, một truyện đối thoại, tác phẩm chưa được hoàn chỉnh về nhiều mặt: chủ đề sai lệch, bố cục xiêu vẹo, phương tiện rườm rà tác hại vào động tác, thể hiện nhân vật không rõ. Đó là chưa nói đến ngôn ngữ truyện có dáng chau chuốt như là ngôn ngữ đời Lê, đời Trần đúng hơn là ngôn ngữ dưới triều vua Long Đĩnh. Đó cũng là chưa nói đến giả thiết về mối tương quan giữa triều đình Đại Cồ Việt và tòa An phủ Sứ có vẻ quá giống những tương quan hiện đại giữa các nước nhược tiểu với các tòa đại sứ Tây phương. Ở điểm này, chúng ta có thể hỏi rằng căn cứ vào đâu mà nhà văn Lê văn Siêu cho rằng sinh hoạt chính trị của quốc gia Đại Cồ Việt bị áp lực chi phối nặng nề của An phủ Sứ Thiệu Việt? Chúng ta nhớ lại rằng ở thời kỳ đó, cuộc xâm lăng của nhà Tống đã bị đánh tan trên sông NHƯ NGUYỆT và tướng HẦU NHÂN BẢO cũng đã bị chém đầu trên ải CHI LĂNG. Việc xưng thần với Đế Quốc Trung Hoa — và chịu sắc phong — của các vua Việt Nam, trong các điều kiện ấy, phải được hiểu là một chính sách ngoại giao mềm dẻo hay là một dấu hiệu của sự mất chủ quyền?

B. — Xét QUỐC SƯ VẠN HẠNH như là một truyện đối thoại có lẽ là một việc làm phiền lòng nhà văn. Nhưng nếu xét QUỐC SƯ VẠN HẠNH như là KỊCH (không phải TRUYỆN KỊCH) có lẽ làm nhà văn — và chính chúng ta — đau lòng hơn nữa. Bởi QUỐC SƯ VẠN HẠNH chưa là một truyện hoàn chỉnh, nó càng không là kịch. Nói như thế dường như đã khơi lên vấn nạn. Thế nào là kịch? Và kịch khác truyện như thế nào?

Theo định nghĩa giáo khoa thì KỊCH LÀ MỘT TRUYỆN KÈ BẰNG ĐỘNG TÁC VÀ ĐỐI THOẠI. Không có thể loại kể truyện nào ngoài kịch lại thuần xây dựng trên sự phối hợp của đối thoại và động tác. Muốn hiểu rõ hơn, chúng ta hãy đọc lại những nghĩ ngợi về kịch (Some thoughts on Play Wri-

ting 1941) của kịch tác gia THORNTON WILDER (trong THE INTENT OF THE ARTIST, Princeton University Press 1941, các trang 83-98) THORNTON WILDER đưa ra bốn nhận định lớn về kịch, trong đó các nhận định số II và số IV có đề cập đến sự khác biệt của kịch và truyện.

NHẬN ĐỊNH II: SÂN KHẤU LÀ MỘT NGHỆ THUẬT NÓI VỚI TÌNH THẦN ĐÁM ĐÔNG (The theater is an art adressed to a group mind)

Hội họa, điêu khắc, và văn chương trong sách chắc chắn là những trải trải cô đơn; và dường như là đa số cũng tán thành rằng những khán giả ngồi kề vai sát cánh trong một buổi đường hòa tấu không là yếu tố thiết yếu cho thú vui âm nhạc.

Nhưng một vở kịch thì không thể quan niệm ở ngoại đám đông... Lý do là (1) sự làm giả (như đời sống), sự giả tưởng, trên sân khấu sẽ rơi vụn và thành phi lý nếu không có đám đông thưởng ngoạn, và (2) sự làm giả như một mảnh đời sống đang diễn ra gây kích thích mạnh mẽ, cho chính các diễn viên và đòi hỏi được chia sẻ.

..... (và) vì sân khấu được hướng về một tình thần đám đông, một số hậu quả sẽ kèm theo:

1 — ... Các nghệ thuật khác có thể chỉ chờ đợi sự thưởng ngoạn của những người am hiểu và biết quan tâm đến một số bình diện hiếm thấy của đời sống, kịch tác gia thì không được trưng bày, chẳng hạn, những MIÊU TẢ chi tiết về những thời kỳ nào đó của lịch sử đòi hỏi kiến thức đặc biệt của khán giả hoặc là những tâm trạng (của nhân vật) không gây được thích thú chung, không gọi được đa số nhận thấy quen thuộc với chính họ....

2 — Sự hiện diện của tình thần đám đông đặt ra một yêu cầu khác nữa đối với sân khấu — là vận động tiến tới. Kịch sân khấu không thể tách lìa khỏi vận động tiến tới (forward

movement) không thể tách lìa khỏi *động tác* (action).

Nhiều người đã thử trình diễn những cuộc đối thoại của Platon, của Gobineau và của Landor; nhưng không thành công. Một động tác thì hơn là một diễn trình lý sự và tranh luận....
NHẬN ĐỊNH IV: ĐỘNG TÁC TRÊN SÂN KHẤU DIỄN RA TRONG HIỆN TẠI LUÔN LUÔN (The action on the stage takes place in a perpetual present time.)

Truyện được viết bằng (động từ) ở thời quá khứ. Các nhân vật truyện thật sự được miêu tả như là đang sống từng khoảnh khắc trong *thời hiện tại của họ*, nhưng sự góp mặt để hướng dẫn từ đầu đến cuối của nhà văn (thí dụ: « Tess chầm chậm đi xuống thung lũng », « Nàng Anna Karenina cười ») tự nhiên làm cho độc giả thấy rằng các biến cố đã xảy ra lâu rồi và đã xong hẳn.

Truyện là quá khứ được kể lại trong hiện tại. Trên sân khấu thì bao giờ cũng là *bây giờ*. Hiện tại tính này làm cho động tác tăng cường sức sống — cái sức sống mà người viết truyện ước ao đưa được vào tác phẩm của mình nhưng không bao giờ thành toại.

Điều kiện (hiện tại tính) của sân khấu đem tới một yếu tố quan trọng khác. Trong kịch chúng ta không thấy người kể truyện can thiệp. Lời nói được các nhân vật nói như là ứng khẩu.

Một vở kịch là cái đang diễn ra:

Một truyện là cái người ta kể rằng đang diễn ra.

Kịch miêu tả hiện hữu thuần túy. Truyện là cái người ta quan tâm đến, tự cho là mình biết hết mọi sự, bảo rằng đã hiện hữu ..

III CÁC YẾU-TỐ KỊCH.

Xét như là một sáng tạo văn nghệ, các yếu tố xây dựng

một vở kịch không khác các yếu tố xây dựng truyện. Tuy nhiên, sự khác biệt về thể loại (như Thornton Wilder đã tóm lược) khiến cho các yếu tố kịch có phần chuyên biệt nằm trong:

- Các yếu tố đó là
- (1) những sự việc hay biến cố xảy ra,
 - (2) những người tham dự,
 - (3) cảnh diễn ra động tác,
 - (4) đối thoại,
 - (5) ý nghĩa của kịch.

Các yếu tố đó, trong ngôn ngữ chuyên môn được gọi là

- (1) động tác,
- (2) nhân vật,
- (3) dàn cảnh,
- (4) đối thoại,
- (5) chủ đề.

Chúng ta hãy lần lượt xét từng yếu tố lý thuyết đó, đối chiếu với các yếu tố trong kịch QUỐC SỰ VẠN HẠNH của LÊ VĂN SIÊU.

★ ĐỘNG TÁC.

Trong bất cứ kịch nào, cái mà chúng ta quan tâm đến trước nhất là NHÂN VẬT LÀM GÌ. Vì lý do này, động tác là yếu tố quan trọng nhất của kịch.

Động tác có nghĩa là HÀNG LOẠT BIẾN CỐ HAY SỰ VIỆC LIÊN QUAN LÀM NÊN CÂU TRUYỆN. Những loạt sự việc phải quy vào động tác, không riêng vào con người. Chẳng hạn một tá sự việc về Sự Vạn Hạnh không làm thành kịch cũng không tạo nên động tác. Nhưng khi Faust bán linh hồn cho Quỷ để đổi lấy quyền phép siêu nhiên, Faust đã làm một động tác. Tất cả những cái đưa dẫn đến sự mua bán đó và tất cả hậu quả xảy ra do việc mua bán đó làm thành một chuỗi những sự việc liên quan hợp thành câu truyện. Chuỗi sự việc phải

liền, khép kín, đầy đủ, nghĩa là phải có động tác nguyên nhân đưa tới những động tác khác, theo một liên tục hợp lý, và sẽ đạt tới một kết thúc — bao hàm sự thay đổi số phận hay điều kiện của các nhân vật chính đã tham dự vào động tác. Sự thay đổi có thể từ tốt đến xấu, từ xấu đến tốt. Và nó đạt được qua **SỰ XUNG ĐỘT CỦA CÁC SỨC MẠNH ĐỐI CHỐI**, sự xung đột lời cuốn thân phận của các nhân vật chính vào cuộc. Sự xung đột có thể xảy ra khi một người muốn hành động ngược lại ý muốn của những người khác. Trong kịch *«kẻ thù của nhân dân»* của Ibsen, Bác sĩ Stockmann đã chống lại đám đông những nhân vật uy quyền trong thị xã về vấn đề nước trong hồ tắm. Một người đơn độc cũng có thể hành động đối chọi với ý chí của nhà nước hay thần thánh. Antigone thách đố nhà nước và Creon thách đố luật đạo đức trong việc hành tội Antigone — vì lòng kiêu ngạo. Nơi nào có xung đột ý chí, chắc chắn nơi ấy có yếu tố *ngộ thở*. Ngay cả khi mà ta biết trước nhân vật sẽ thế nào, yếu tố *ngộ thở* vẫn không cần vắng mặt. Trong *Agamemnon*, bi kịch của Aeschylus (hoặc Eschyle) khán giả gần như biết từ đầu rằng sự nguy khốn chờ đợi hấn ngay khi hấn rời thành Troy. Đám đồng thanh (Chorus) đã tiết lộ; và Clytemnestra, vợ hấn, đã tâm sự, đã biểu lộ ý định giết hấn để báo thù cuộc lễ hy sinh Iphigenia, con gái bà. Tuy vậy, khán giả vẫn thấy *ngộ thở*, trong khi theo dõi Agamemnon, hơn hờ rời thành Troy, đi như nhắm mắt vào cánh tay Định Mệnh. Mỗi bước của hấn về gần nhà lại làm sự *ngộ thở* tăng thêm. Trong kịch *Romeo and Juliet* của Shakespeare, mặc dầu chúng ta biết chắc rằng Friar Lawrence sẽ đến nhà mồ không kịp để cứu Romeo chúng ta vẫn *ngộ thở* vì cái hy vọng mong manh rằng may ra thì kịp...

Động tác kịch QUỐC SƯ VẠN HẠNH không phải là động tác kịch vì nó không có những xung đột quyết liệt đưa đến biến đổi số phận của các nhân vật chính. Khán giả không phải chờ

đợi gì hết, không phải ngạc nhiên gì hết. Không có xung đột cho nên không có cao điểm *làm ngộp thở*. Người ta có thể không biết trước sư Vạn Hạnh sẽ làm gì nhưng chẳng ai quan tâm. Bởi vì sự thử thách của số phận con người không được đặt ra. Ngay từ đầu vở kịch người ta đã biết rằng không có vấn đề đó, không có gì nguy hiểm cả. Khán giả không cảm thấy gần được ông, không có lý do gì để xúc động, bàng hoàng.

★ NHÂN VẬT.

Sự thể hiện tính cách đặc thù của các nhân vật khác nhau trên sân khấu có thể làm theo nhiều cách khác nhau. Hoặc miêu tả bề ngoài của nhân vật (y phục, cử chỉ, các tật nhỏ, mặt mũi, hình dung), hoặc trình bày tính cảm, xúc động, các ý tưởng của nhân vật, hoặc phát hiện cá tính hẳn qua việc hành động hay không hành động; qua mối quan hệ của hấn với người chung quanh, xa và gần, cách hấn xét đoán người khác và người khác xét đoán hấn. Tuy nhiên, cách thể hiện nhân vật thích hợp với sự sống động của sân khấu nhất là **THỂ HIỆN NHÂN VẬT QUA NGÔN NGỮ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA HẮN**.

Nhân vật thiền sư Vạn Hạnh đã nói và hành động như thế nào trong kịch của Lê văn Siêu? **THIỀN SƯ VẠN HẠNH KHÔNG NÓI GÌ CẢ, KHÔNG HÀNH ĐỘNG GÌ CẢ**. Những lời nói, những hoạt động mà người khác kể lại là lời nói, là hoạt động của ông **KHÔNG ĐƯỢC THỊ HIỆN** như sự việc trên sân khấu, và do đó, **KHÔNG CÓ SỰ SỐNG, KHÔNG LÀ ĐỘNG TÁC**. Về các nhân vật khác thì Lê văn Siêu chú trọng miêu tả bề ngoài rất nhiều (mặt mũi, râu, hình dung, y phục) nhưng không diễn tả được tính cách đặc thù của họ qua hành động và ngôn ngữ. Họ sinh hoạt như những hình nộm được tiêm sẵn những ý tưởng nhất định, những phản ứng nhất định mà tác giả tưởng là có lợi cho tác phẩm của mình.

★ DÀN CẢNH.

Sân khấu của Shakespeare được dàn cảnh một cách thật đơn giản nhưng vẫn thành công lớn. Điều này có nghĩa là sự dàn cảnh không quyết định thành công hay thất bại của kịch. Tuy nhiên, ngay ở thời đại Shakespeare, các nghệ sĩ Ý vẫn có khuynh hướng nâng cao sự quan trọng của bối cảnh. Cố gắng của họ được hoan nghênh và sang thế kỷ thứ 17, những sân khấu riêng của các ông hoàng, bà chúa ở TÂY ÂU đều được trang trí một cách lớn kém không tưởng tượng nổi. Sự nâng cao tầm quan trọng của dàn cảnh đó nhằm mục đích làm cho động tác kịch có vẻ hiện thực hơn.

Trong giới nghệ sĩ và phê bình sân khấu hiện đại thì khuynh hướng rất khác biệt. Có người muốn trở về sự giản dị tuyệt đối của sân khấu Hy Lạp, có người muốn thực hiện đúng từng chi tiết như cảnh trí ở ngoài đời. Nói chung thì chưa có bao giờ kỹ thuật dàn cảnh được quan tâm như hiện nay. Mỗi loại dàn cảnh hợp với một loại kịch. Loại kịch có những cảnh hành động chẳng hạn, hợp với lối dàn cảnh hiện thực. Nhưng ngay cả trong trường hợp này, sự đi quá xa vào các chi tiết được nhìn nhận chung là không tốt vì nó làm khán giả kém chú ý đến động tác.

QUỐC SƯ VẠN HẠNH của Lê Văn Siêu được dự liệu một dàn cảnh chi tiết — qua những lời hướng dẫn sân khấu (Stage directions) tỉ mỉ chưa từng thấy. Nó đòi hỏi thực hiện trên một sân khấu lớn — theo kiểu Broadway, mặc dầu không cần thiết và cũng không hợp với tình trạng kịch trường Việt Nam hiện đại. Chúng ta tự hỏi rằng tất cả sự to lớn, sự tỉ mỉ của dàn cảnh, như trong MÀN I, MÀN II, dùng để làm gì, ngoại trừ tác dụng làm nổi bật sự trống rỗng động tác?

★ ĐỐI THOẠI.

Đối thoại trong QUỐC SƯ VẠN HẠNH cũng không là đối thoại của kịch. Đây là khuyết điểm chung của bầu hết mọi người thiếu kinh nghiệm sân khấu.

Ngôn ngữ sân khấu và ngôn ngữ trong truyện không phải là một.

Ngôn ngữ trong truyện được viết cho từng người đọc.

Ngôn ngữ sân khấu được viết để nói với đám đông.

Sự khác biệt này đòi đối thoại kịch phải ngắn (hay ngắt ra từng đoạn ngắn) và nói cách nào cho khán giả lãnh hội kịp. Ngoài ra, nếu phân tích ngôn ngữ, ta thấy các từ ngữ có thể được chia làm hai loại: loại gợi hình ảnh và loại không gợi hình ảnh. Những từ ngữ gợi hình ảnh có tác dụng gây xúc động và tình cảm dễ dàng hơn là những từ ngữ không gợi hình ảnh. Tâm lý học chia các hình ảnh ra làm sáu loại: thị, thính, xúc, vị, khứu và cơ (Kinesthetic, như cảm giác rợn da gà, giết gân hay thoải mái).

Câu nói: «mặt mày đỏ kék» chẳng hạn là một câu nói gây hình ảnh (thị giác). Câu nói «đăng nào việc cũng dĩ lỡ ra rồi, cụ về thì nguy hiểm lắm» (của Lê Văn Siêu) không gây hình ảnh chi cả. Hầu hết các lời đối thoại trong QUỐC SƯ VẠN HẠNH đều không gây hình ảnh. Đó lại là những câu nói lê thê, kéo hết chuyện này qua chuyện khác, làm như là ngôn ngữ có khả năng thay thế hẳn động tác.

★ Sau hết là CHỦ ĐỀ.

Chúng ta đều hiểu rằng CHỦ ĐỀ của vở kịch chính là ý nghĩa của vở kịch đó. Có khi ta có thể tóm tắt chủ đề vào một câu — thường có sẵn trong vở kịch, có khi không tóm tắt được (như trường hợp kịch O'NEILL.)

Vở kịch của Lê Văn Siêu có thể tóm tắt được, như sau : Trong cuộc tranh đoạt ngai vàng (có thể hiểu rộng là mọi loại ngai vàng) tài đức bao giờ cũng thắng vô tài, bất đức. Nhưng buồn thay, tác giả lại không nghĩ đó là chủ đề của Quốc Sư Vạn Hạnh.

IV. KẾT TỪ.

Tình trạng mất máu, hấp hối hiện nay của sân khấu kịch khiến chúng ta thường hốt hoảng trong khi sáng tác và đồng thời cũng mừng rỡ quá đáng khi có một vở kịch mới được đặt vào tay. Có phải đây là lý do khiến chúng tôi đã đọc và nghĩ về QUỐC SƯ VẠN HẠNH một cách quá đổi hăng hái? Mong rằng tác giả LÊ VĂN SIÊU cùng cảm thông cho nỗi khổ của chúng tôi khi phải xác định rằng truyện kịch QUỐC SƯ VẠN HẠNH chưa thành truyện, càng không là kịch.

LÝ PHẬT SƠN

Đã phát hành

CÁT LẦY

THANH - TÂM - TUYỀN

GIAO ĐIỀM xuất bản

VŨ KHẮC KHOAN

Ngộ nhận

LỘNG NGÔN

(tiếp theo)

Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái.

DỊCH: HỆ TỪ THUẬN

Thái cực bời vậy mà khổ quá
CHỈ QUA KHẮC KHOAN

Người khán giả dứt lời, Trùm Quạ ra hiệu : nhạc lại trời lên. Đàn Quạ tay nắm tay bước xuống khán trường, quần quít quanh người khán giả. Rồi tất cả từ từ bước lên sân khấu. Vừa tới nơi tiền trường sân khấu, thì đàn Quạ rẽ ra hai bên, Cuội từ bên trong xuất hiện. Đàn Quạ vào. Cuội tiến ra tiền trường.

CUỘI

(với người khán giả)

Chắc ông đã rõ tôi là ai rồi.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Cuội. Vua nói dối. Biết.

CUỘI

Như vậy... thiết tưởng cũng không cần tự giới thiệu.
Còn ông...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tôi không phải là Nguru lang. Cũng không phải là con
cháu Nguru lang.

CUỘI

(ngơ ngác)

Thế ông lên đây làm gì ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Thì tôi cũng định hỏi ông câu đó.

CUỘI

Khô quá. Thế thì làm to rồi. Chung quy chỉ tại bố Qua
nhà tôi. (Chỉ xuống khán trường.) Thế còn các vị kia ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Họ cũng như tôi,

CUỘI

Thế ra là...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Ngộ nhận. Mà chính các ông ngộ nhận. Chứ không phải

chúng tôi. Các ông ngộ nhận rằng chúng tôi ngộ nhận.

CUỘI

Như vậy nghĩa là... không có ngộ nhận.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đúng.

CUỘI

Như vậy, nghĩa là hằng năm làm mưa làm gió cũng là vô
ch cả. (Một lát.) À... còn cái lão Đường Minh Hoàng...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đường Minh Hoàng đi tìm một người đẹp. Đường Minh
Hoàng đâu có muốn vượt cầu Ô thước để khóc than với
nức nữ ?

CUỘI

Ờ nhỉ. Thành ra là ngộ nhận, ngộ nhận tất cả.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Thành ra là không có ngộ nhận. Nói thế đúng hơn.

CUỘI

Đằng nào cũng vậy. (Một lát.) Còn ông...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Còn tôi.

CUỘI

Thôi để tôi gọi anh Quạ bắc cầu tiếp ông xuống vậy.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

À thế ra tôi chỉ là một con cò, lên xuống tùy các ông xử dụng...

CUỘI

Đâu có ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Thì đây.

CUỘI

Tôi vẫn không hiểu.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Ông ngây thơ quá. Tôi xin hỏi ông : thế tiền tôi xuống rồi các ông làm gì ?

CUỘI

Rồi... hết, chứ còn làm gì nữa ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Rồi hết, nghĩa là câu chuyện của các ông sẽ được chấm dứt ổn thỏa. (Một lát.) Thế giả thử lúc này tôi không lên, tôi nhất định ngồi lý ở dưới kia, thì các ông sẽ xoay xở ra sao ?

CUỘI

À... đó lại là vấn đề khác.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đó chỉ là một giả thuyết. Nhưng... nếu giả thuyết đó thực sự xảy ra thì, ông Cuội ơi, tôi đổ các ông đóng màn được đấy.

CUỘI

Ông nói tức bỏ mẹ đi. Thế ông có lên đây không đã nào ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Có lên và đã làm tròn nhiệm vụ. Quả cam đã vắt hết nước, bã cam vứt vào sọt rác. Bây giờ các ông nhất định đuổi tôi xuống, có phải không ?

CUỘI

Sao ông cứ hay quá lời...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

(tiếp)

Các ông đuổi tôi xuống, để chấm hết cho câu chuyện ngộ

nhận. Đề giải quyết dứt khoát một tình trạng mập mờ. Đề rồi được xoa tay yên trí nghỉ ngơi. Và cũng có thể là đề pháp phòng chờ đợi một vài tiếng vỗ tay. Có phải không ?

Yên lặng.

Thế nào, có đúng tim đen các ông không, ông Cuội ?

CUỘI

Vâng, đề chấm hết. Có thể thôi.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đó, tôi đoán có sai đâu ? Nhưng... ông Cuội ơi, đâu có dễ như vậy ?

CUỘI

Có gì mà chẳng dễ ? Anh Quạ sẽ lại bắc cầu...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

(nhại)

Và... lẻo đẻo hư về nẻo thực.

CUỘI

(cười cười)

Sau khi... bụi hồng lất phất thiên thai. Đùng. Đùng. Sẽ lại có nhạc, có múa, có ca...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Nhưng, không có tôi.

CUỘI

Ông nói sao ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tôi nói rằng không có tôi. Nghĩa là tôi không xuống. Tôi ở lại.

CUỘI

Ở lại... ở lại thế nào được ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Sao lại không được ? Ai cấm ?

CUỘI

Không ai cấm cả. Nhưng ông định ở lại đây làm gì ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đây là đâu, ông Cuội ?

CUỘI

Trên trời.

*Người khán giả phá lên cười.
Dứt tiếng cười mới lên tiếng.*

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Trên trời ? (Chỉ xuống khán trường.) À... vì vậy mà dưới kia, ngõ ngang thân phận con người, dưới kia mặc nhiên trở thành hạ giới. Tôi hiểu tại sao các ông cấm chúng tôi lại vắng nơi đây. Tôi hiểu tại sao nhân danh nơi cấm địa này, các ông đã tác oai, tác quái. Bắt cười, phải cười. Bắt khóc, phải khóc. Bắt thương, phải thương. Bắt ghét, phải ghét. Chúng tôi hoàn toàn thụ động. Bắt lên, tôi phải lên. Bắt xuống... ông Cuội ơi, con cô bồng nổi loạn và tôi bèn nhất định không xuống. Lúc này, ông hỏi tôi ở lại đây làm gì, thì bây giờ tôi xin nói ông nghe: tôi ở lại để tham dự trực tiếp và tích cực vào một câu chuyện,

CUỘI

Nhưng còn chuyện gì nữa đâu mà ông đòi tham dự ?
Thôi... xuống đi, ông bạn. Hết ngộ nhận rồi mà.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Hết sao được ? Bây giờ mới thực sự bắt đầu ngộ nhận.

CUỘI

Lại còn ngộ nhận nào nữa ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Ngộ nhận giữa các ông và tôi.

CUỘI

Rắc rối. Rắc rối quá.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Rắc rối lắm. Nhưng không giống như lần trước. Cam đoan với ông rằng tấn kịch ngộ nhận này sẽ giải quyết mau lẹ và dễ dàng. Chỉ cần một cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật. Hai nhân vật chính.

CUỘI

Ai vậy ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tôi và người...

CUỘI

(như chợt nhớ ra, reo lên)

A, Người Đàn Bà. Đúng rồi. Đúng trường hợp lão Đường Minh Hoàng. Thế mà không nghĩ ra. Một người nữ thăng hoa. Một người đàn bà đàn bà nhất. Tất cả đêm, tất cả nước và tất cả đời. Được. Được. Cái gì chứ cái đó thì được. Khổ quá, thế mà ông bạn cứ úp úp mở mở mãi. Nhưng, ông bạn ơi, ông bạn phải cảm lạnh mà chiêm ngưỡng, nín thính mà cầu nguyện. Có như thế, mới may gặp được...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Hằng Nga ?

CUỘI

Hằng Nga. Đúng. Đêm nay tạnh ngắt mù khơi, gió Đông Nam thổi nhẹ thuận chiều, biển mây chuyển từ động mạnh đến

lặng yên, không cả mưa ngâu lẻ tẻ, tâm thành của ông chắc sẽ bình yên cập bờ đảo mộng, lời cầu nguyện của ông chắc sẽ dễ dàng vượt miền thực tại ba chiều. Và biết đâu, tình yêu sẽ đến với ông.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

(cười)

Ông Cuội làm thơ.

CUỘI

Tôi vừa nói đến tình yêu.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tình yêu là thơ là ảo ảnh. Nơi tôi sinh trưởng, ngay từ buổi khởi hành lịch sử, tình yêu đã phải trú ẩn trong thơ, để trở thành ảo ảnh, khi người nữ Âu cơ già từ người nam Sùng Lãm. Tự đó, chúng tôi sống bằng lúa ngoài đồng và cam chịu cô đơn. Ông Cuội ơi, tôi đâu muốn gặp Hằng Nga, ?

CUỘI

Vậy ông muốn gặp ai ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tôi muốn gặp đích thân cái người sáng tạo ra tất cả các ông, cái người bày ra tất cả cái trò này, cái trò mà vì ngộ nhận, các ông mệnh danh là trò ngộ nhận...

CUỘI

Ấy chết. Không được. Không được.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Sao lại không được ?

CUỘI

(lúng túng)

Người đó hiện giờ vắng mặt.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Như vậy thì làm sao mà kết liễu được tấn kịch này ? Tôi đã nói là phải có một cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật chính.

CUỘI

Ông và...

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Đúng. Tôi và người đó.

CUỘI

Tôi có thể thay mặt được không ?

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Không. Vì ông chỉ là, xin lỗi ông, một thứ âm binh. Tôi muốn nói chuyện với chính tên phù thủy.

CUỘI

Ấy chết, ông đừng dùng những lời lẽ như vậy.

NGƯỜI KHÁN GIẢ

Tôi có thể kém lịch sự hơn nữa, nếu cần

*Cuội lúng lúng. Giữa lúc đó
có tiếng dặng hắng. Cả Cuội
lăn người khán giả ngoảnh
lại : Trời xuất hiện.*

(còn nữa)
VŨ KHẮC KHOAN

ĐÓN ĐỌC

TRẦN - NHỰT - TÂN
Dạ - khúc mê - cung

SẼ CÓ MẶT TRONG TRUNG TUẦN XI-67
NHÂN VĂN XUẤT BẢN

THỀ VŨ

NHỮNG NGÀY THÁNG MƯỜI MỘT

Tập ghi

HỒI mới vào đầu tháng, một thằng bạn thân gục chết trong lúc đi hành quân với tôi ở một vùng mất an ninh nhất trong khu vực trách nhiệm của tiểu đoàn. Nó chết ngay sau tiếng nổ của một quả lựu đạn gài trên đường tiến chiếm một khu làng. Hai phút trước, nó còn la hét bọn lính vượt qua bãi cát nhỏ để bám vào làng. Hai phút sau, miệng nó phun tràn đầy máu đỏ như một con lợn bị chọc tiết. Năm phút sau đó, xác nó đã được gói lại vội vàng trong poncho và chờ trực thăng tải thương tới.

Đó là những ngày mưa. Trở về trại, xuống căn hầm nhìn nước đọng bị bơm dưới chân. Nóc hầm bông. Chúng tôi phải căng từng tấm poncho trên nóc hầm vừa sửa soạn những chỗ trú ướt át như loài chuột cống. Cản hầm tác xạ khẩu 81 ly bị sập. Bọn lính đào một cái hầm mới dưới mưa và chúng tìm ra được một ít xương mục. Đây ngày xưa là một nghĩa địa hoang. Sau bữa ăn tối, tôi thắp đèn cầy và tìm một quyển sách để đọc. Những quyển sách mua mỗi lần về thành phố còn lại dưới đáy ba lô đã bị ướt nước nỏ. Tôi nhìn những nét chữ đen nhòe lên nhau trong trang sách, và đọc hoài đọc mãi một đoạn ngắn về

VĂN ĐỀ 9

một cái chết của một nhà văn nào đó mà không sao hiểu được gì bởi những vật và một ngày dài, với cái ám ảnh còn con của thằng bạn vừa chết và những giọng nói ở cuối căn hầm như sóng vỗ ở một ghềnh đá Phi châu.

Những ngày sau đó thì tôi nghe tin chiến trường Dakto diễn ra. Một vài thằng bạn cũ lưu lạc ở mọi chiến trường trên giải đất khô cằn đá sỏi này, trong một lúc vô tình nào đó viết thư cho tôi. Một đứa ra khỏi quân y viện, trình diện hội đồng giám định y khoa và được lãnh mẫu số 8. Tôi chưa mang một vết thương nào nên tôi chưa kịp hiểu mẫu số 8 là gì. Tuy vậy sau đó nó cho biết sắp được giải ngũ. Đó là cách hay nhất để đứng lên ngoài tầm đạn địch. Một ngày nào đó cuộc chiến này kết liễu, tôi chắc những người trẻ bạn tôi không ai còn được một tấm thân nguyên vẹn. Chiến tranh đang được tổng kết từng ngày, từng tuần lễ, và bao giờ cũng thế, cả bên này lẫn bên kia đều muốn số tổn thất phải cao hơn. Những bản phúc trình được nhật tu bằng ngày và được báo cáo kỹ lưỡng về tận Washington và Moscou. Chiến tranh làm cho con người khởi phát thất nghiệp. Chiến tranh còn có công nắn con người thành những hình thù khác hơn ngày trước.

Tôi được tin một thằng bạn gục chết ở chiến trường Dakto khi hành quân chiếm ngọn đồi 1418. Hẳn cùng học một lớp với tôi ngày trước. Hẳn ôm nhiều ước mơ, và những ước mơ của hẳn tôi cũng thêm muốn theo. Bây giờ người chết không còn được khéc than như ngày trước, đó cũng là một hình thức tiến bộ hơn. Tôi được tin nó chết cùng lúc với tin quê tôi bị đốt cháy vì bom napalm. Những ngày tháng mười một này, trời mưa nhiều, có thể có bão rút và nước lũ từ rừng trôi về. Quê tôi tan ra tro và chắc trôi theo những giòng nước lũ mùa đông đổ ra biển cả. Ôi những ngày tháng mười một thật buồn. Tôi có ý nghĩ một ngày nào hết chiến tranh, cả

quê hương này sẽ là một viện bảo tàng khổng lồ, và mỗi làng quê, mỗi người còn lại sau chiến tranh là những vật trưng bày trong viện. Người chết bây giờ nhiều khi không phải hạ huyết như xưa. Người chết bây giờ được chụp thành ảnh và đem đi triển lãm. Triển lãm một nghệ thuật chụp ảnh, triển lãm một nghệ thuật xử dụng vũ khí, hay triển lãm những xác chết vô nghĩa?

Những ngày sau đó mưa tầm tã. Tôi dẫn mấy chục người lính lên làm tiền đồn ở ngọn đồi 166. Mỗi buổi tối nằm dưới những giao thông hào, nước mưa đọng đầy hơn nửa, lắng tai nghe những tên du kích bắt loa từ dưới chân đồi gọi lên. Các bạn đang chiến đấu trong hàng ngũ cộng hòa hãy buông súng đầu hàng, lực lượng cách mạng sẽ khoan hồng cho các bạn. Các bạn hãy gỡ những mìn bẫy chung quanh đồi để chúng tôi gặp các bạn... Chúng tôi nhìn nhau cười trong đêm tối cuối mùa trăng hạ tuần, những người lính chung quanh tôi còn là những cái bóng đen lui tới trên một khoảng đất hẹp trên chóp ngọn đồi này, để nhớ nhà và buồn. Tiền đồn chúng tôi nằm yên như một con ma khổng lồ trong đêm, nhìn xa ra biển ở phía đông nhà cả một dãy núi ngút ngàn ở hướng tây.

Sau đó, tôi rời tiền đồn 166 trở về căn cứ cũ, trại Nguyễn Hữu Nghĩa và nhận giấy phép đặc biệt 24 tiếng đồng hồ để về thành phố. Tôi về Qui Nhơn tìm một vài người bạn, đi la cà miệt mài trong những con phố ở đây, tìm những người bạn gái cũ xin từng miếng ái tình trong một ngày một đêm, và hôm sau trở lại đơn vị. Tôi còn nhớ hôm đi, tôi gặp lại gã điên trong thành phố đó, trông hẳn hiền từ hơn những lần trước, và hẳn nhìn tôi cười. Tôi mang cái cười đó, rõ ràng cái cười của hẳn làm đổi mỗi kéo dài ra, lộ hai hàm răng sún vàng, cái cười còn mãi mãi cho đến khi nào không biết, tôi leo lên xe buýt, hút thuốc lá. Xe chạy qua các con phố nhỏ, ra ngoại ô, len qua các làng quê, qua nhiều thị trấn nhỏ thưa thớt, đậu lại ở một quận lỵ cuối đường. Tôi đã hút mấy điếu thuốc lá

trên xe, nhắm mắt lại nhiều lần nhưng không ngủ. Gã diên vẫn còn cười nhẹ răng vàng sùn trước mặt. Tôi khập khễnh bước trên đường phố đá sỏi lổm chổm dưới chân, đoàn xe nhà binh chạy qua mặt mờ bụi mù buồn bã. Một thằng bạn cũ ra khỏi quân trường tháng trước, theo hành quân ở Dakto với thiết giáp vừa viết thư về tôi. Tôi cười với gã diên một lần chót rồi leo lên trực thăng ra đơn vị.

Bây giờ thì tâm hồn tôi cũng rã rời như những ý nghĩ trên đây. Sẽ trở lên tiền đồn 166 để nghe tháng mười một buồn bã đi qua, hay tôi sẽ còn làm gì nữa đây? Hồi còi dài từ miệng gã thượng sĩ già sẽ ré lên tập họp quân để đi hoạt động. Tiếng nổ lớn nhỏ và người bỏ lê dưới ruộng hoang lúc đặng địch, thằng diên cười nhứt bước tim óc, một đứa nào đó gục ngã, tiếng hò hét tràn lên chiếm mục tiêu, hỏa châu, giọng ngọng nghịu của một tên du kích nào đó la hét ở cuối hàng rào phòng thủ giữa đêm khuya. Một tên lính lê chuyện ngày về phép Tam Quan, gặp một người bạn đồng ngũ ngày trước, kéo nhau vào quán nhậu, đến lúc chia tay mới hay hẳn đã đào ngũ theo địch từ lúc nào. Giọng hẳn cười méo mó, chiến tranh là một chuyện, bạn bè là một chuyện, mày yên chí, tao không tuyên truyền mày đâu.

Những ảo tưởng của người thành phố nghĩ về lính quá nhiều và quá khốn nạn. Nhiều người đã vào lính thì tưởng mình đã trở thành anh hùng. Có những quá khứ cần quên như những cánh chim trời bay mất. Bây giờ thì tôi biết tôi không phải anh hùng, nhưng cũng khác với cái ý niệm của ngày thứ nhất mặc bộ quân trang. Tôi buồn cho những người lính bất hạnh đã chết, đồng thời tôi cũng mừng cho họ không phải còn tiếp tục cái trò chơi khốn nạn này.

Lúc này thì tôi đã đến đơn vị. Tôi không phải leo ngược lên tiền đồn 166. Ngay lúc này, tôi phải dừng lại những giọng chữ rời rã này, những giọng chữ xám này, để sẵn sàng lãnh 10 ngày lương khô. Mai nay, trực thăng sẽ đưa tôi và một số bạn bè tôi đến một ngọn đồi mà nhìn vào bản đồ, tôi đọc được con số 439 của độ cao tính từ mặt biển. Tôi sẽ tiêu phí 10 ngày trên đó để khi trở về, những ngày tháng mười một này sẽ không còn. Những ngày tháng mười một sẽ không còn nữa.

THẾ VŨ

NHỮNG TRANG CỦA BẠN ĐỌC

NGÀY BỎ CUỘC

Đó là lúc chào nhau bằng con mắt
Mẹ ôm con và nước mắt thật nhiều
Tay con mất lấy gì ôm được Mẹ
Mẹ dỗ dành bằng tất cả thương yêu

Đó là lúc tay không còn cầm súng
Miệng không còn la to chiến đấu tới cùng
Đó là lúc bàn chân không còn di động
Nghe rất nhiều vết đạn trên lưng

Đó là lúc không còn chào cờ buổi sáng
Hát bài ca buồn suốt mấy mươi năm
Bao nhiêu vòng hoa bao nhiêu lần tưởng niệm
Và bao nhiêu thẳng sẽ được tuyên dương

Đó là lúc người ta nhìn xa lạ
 Tôi bơ vơ đứng ngó mặt trời
 Tôi chong chênh đứng chào thành phố
 Lăn hy sinh tôi thành kẻ ăn mày

Đó là lúc hai cánh tay chợt rụng
 Máu thành dòng ra khỏi buồng tim
 Đó là lúc Tự Do sắp đến
 Mang hòa bình về tận cõi bình yên

Đó là lúc không thể cầm biều ngử
 Cùng anh em bè bạn xuống đường
 Thôi bọn này đừng bắt tao tham dự
 Đả đảo hoan hô hay lật đổ bạo quyền

Đó là lúc không còn tay ve vuốt
 Xin trả lại em trọn vẹn ân tình
 Đừng hỏi tại sao vòng tay anh mất
 Có nghĩa gì giữa thời buổi chiến tranh

Đó là lúc tôi hoàn toàn bỏ cuộc
 Đó là lúc tôi không thể giết người
 Xin quê hương cho tôi yên phận
 Xin mọi người cho tôi được rong chơi.

TÔ-NHƯỢC-CHÂU
 (Vĩnh Bình)

BUỔI TỐI Ở HỘI AN

Buổi tối phủ vây bằng ánh sáng hỏa châu.
 Buổi tối bắt đầu tiếng thét đại bác 105
 Buổi tối bắt đầu bằng mortier 81
 Buổi tối mở mắt những ngọn đèn vàng.
 Buổi tối bắt đầu những phố chông đèn.
 Buổi tối đi ngủ sớm.
 Buổi tối không dạo chơi vì những sợi kẽm gai
 dăng ngang đường về 8 giờ.
 Buổi tối ngăn cách ngoại ô thành phố bằng
 thời gian.
 Buổi tối phân chia thành khu vực giới nghiêm
 và buổi tối bao vây bằng súng đạn.
 Nên anh không còn lang thang làm một người
 du mục trong thành phố chúng mình về đêm.
 Nên anh không còn bạn bè buổi tối!
 Nên anh không còn có em trên những con đường
 11 giờ khuya.
 Nên chúng mình không thể đi chơi dù 1 giờ
 2 giờ.
 Dù rất ngắn.
 Anh làm thế nào được khi giờ giấc trong thành
 phố bỗng cách biệt như hai đầu quê hương.
 Chúng mình ở trong khu vực 9 giờ
 9 giờ treo đèn ngoài ngõ.
 9 giờ kín cửa
 và 9 giờ để không được nhìn nhau thật lâu
 và Hội an đêm chấm dứt 9 giờ.

PHÙ VÂN

DẤU CHÂN THỜI LOẠN

vòng thân rách áo sao trời
lời ru tuổi mẹ tóc thời trái sương
du tôi con nước xót thương
ôi đêm nhược tiều — chân thường ngủ hoang.

THÀNH PHỐ VÀ CƠN MƯA

tiếng khóc nhọc nhằn chảy dài tuổi trẻ
thành phố bỏ hoang ngày buồn
ngàn bước chân chắt mòn hòn sỏi
hỏi đôn đau vô cùng
bởi tôi làm con người nhược tiều
và cơn mưa cháy phá tim phổi
như em
như tôi
kêu gọi thành phố rộng lớn
cho tất cả đoàn người nhảy múa làm mùa xuân
cho con ngựa già làm quê hương cỏ mới
cho em khởi hành
cho tôi là đứa trẻ mười lăm
và trên hai mươi năm thời hận thù đất mẹ
ôi lịch sử
của em của tôi hỏi đôn đau vô cùng.

ngọn núi trường sơn dấu mặt thái bình
như tóc em rối sóng biển cả
như mặt anh chết cháy đêm mặt trời
như chúng ta khô cằn tương lai
như thành phố và cơn mưa bom đạn
trôi dưới giòng sông bần thiêu
giòng sông những máu những sắt
hỏi đôn đau vô cùng
giữa tên em tên tôi làm mỗi khối thuốc
phá vỡ tình yêu qua vết sẹo mặt trắng
và thành phố đỏ
và cơn mưa như nước mắt trong em
và cơn mưa như gió bão đổ hồn tôi.

con ngựa già cười chết mùa xuân
tuổi tôi tuổi em phá vỡ tương lai
ôi hai mươi năm đau nhói
hai mươi năm còn tiếp nổi màu đen.

CHẾ VĂN
(K.B.C. 3489)

GIÁC NGỦ TÌNH NHÂN

Tôi yêu thương người, người ơi hay chẳng?
 Tôi tương tư người nên người xa xăm
 Con gió chuyển mình đêm đen mờ mịt
 Nhật ký đông đầy di niệm ngày xanh

Đời tôi cô đơn lòng tôi hoài nghi
 Vòng môi người tròn nên tin được gì
 Cầm phong thư người tay tôi run rẩy
 Người ru tôi hay xưa tôi đi?

Người ru tôi vào ân tình keo sơn
 Lời ca ngân dài lời — ca không tên
 Chim mỗi cánh bay mong cánh trú ẩn
 Tôi si tình — tôi thềm môi người hôn

Người ru tôi theo mây trôi lưng chừng
 Tôi đam mê nhìn bầu sao sau lưng
 Xin người còn là chàng Ngưu để tôi còn là
 Nàng Chức
 Hạnh phúc đầy như dòng Sông Ngân chưa một
 lần vơi

Người ru tôi trong cơn mưa đêm nay
 Con phố trời trần con phố dạn dày
 Tôi đếm giọt mưa sa mù tiềm-thức
 Người đó tôi đây định mệnh sắp bày

Người ru tôi bằng lời ca Đông Phương
 Hồn tôi bay cao trải mộng thiên đường
 Người dịu tình nhân ngủ say tiếng hát
 Tôi uống giọng người như giọt sữa thơm

Người ru tôi nên người xưa tôi
 Chân lý tình yêu không rọi sáng cuộc đời
 Chân lý cuộc đời trăn tôi nhẩn nha

LÊ THỊ PHƯƠNG CHÂU

PHÂN VÂN

nửa đường người bỏ tôi chơi
 xe đi — tôi đứng — nổi vờ bằng khoảng
 chiều im đông bóng chân nằm
 ngổ lui kín cổng buồn tắm đồ đồ
 nổi chờ con khói bay cao
 phân vân bước một gương deo rợn người

NGUYỄN VĂN PHỤNG

NGOÀI LỀ

BỘ MẶT BIÊN ĐỔI CỦA HOÀN CẢNH QUỐC GIA QUA NHỮNG DIỄN TIẾN CỦA THỜI CUỘC QUỐC TẾ.

TRONG một số gần đây, tuần báo Pháp « Le Nouvel Observateur » có đưa ra hai tài liệu: một là bản tuyên ngôn của nhà văn cộng sản Tiệp Khắc Ladislav Mnacko đề biện minh tại sao ông ta chống đối thái độ của chính phủ Prague trong cuộc tranh chấp Do Thái-Á Rập; một của bình luận gia Anh gốc Do Thái Bernard Levin, của nhật báo Luân Đôn « The Daily Mail », trả lời một số người đồng chủng về lập trường chống Quốc gia Do Thái trong vụ tranh

chấp nói trên.

Đề cập tới hai tài liệu đó — mà tuần báo Pháp đưa ra như hai chứng trạng — mục đích của bài này không nhằm khơi lại vấn đề Do Thái - Á Rập, cũng không phải đề nhắc lại trường hợp nhà văn cộng sản Tiệp Khắc và thái độ của ông ta trong cảnh các chính quyền cộng sản Đông Âu lung lay trước cơn bão chống đối của làn sóng đòi hỏi tự do tinh thần trong dân gian dưới chế độ vô sản chuyên chế. Đọc hai tài liệu đó ta nhận thấy — đối với trường hợp Do Thái —

và liên tưởng tới nhiều trường hợp khác (trong số có Việt Nam) cùng bị ảnh hưởng do những diễn tiến của thời cuộc quốc tế làm biến đổi bộ mặt của hoàn cảnh quốc gia. Tình trạng này dễ dàng đưa tới ngộ nhận, nếu người đứng ra quan sát định ninh là mình khách quan nhưng thật ra con mắt và tâm tư đã bị lệch lạc vì những dồn ép của thời cuộc quốc tế biến đổi theo thời gian.

Ladislav Mnacko là một nhà văn mác xít, văn nghiệp của ông minh chứng là tổ chức và chính quyền cộng sản đã nhiều phen đãi ngộ. Ông được giải thưởng văn chương Klement Gottwald, một phần thưởng dành cho những ngòi bút có tài nhưng cũng có công với chế độ. Tuy được đãi ngộ, Mnacko cũng biết thành thật nói lên, và cương quyết nói lên mãi ý chí chống đối của những người làm văn học, nghệ thuật trước thói chuyên chế

của chế độ, khi thời cơ đến, tức là sau những cơ hội cởi mở tinh thần do phong trào hạ bộ Staline tại Nga. Hành động chống đối chính quyền cuối cùng của Mnacko trên đất Tiệp là chạy qua Do Thái, hồi tháng sáu vừa qua, khi Tiệp Khắc khuôn rập theo chính sách của Nga lên án Do Thái và chính thức binh vực các quốc gia Á rập.

Đề hiểu thái độ binh vực Do Thái của Mnacko — thái độ tiềm tàng trong số đông tri thức Tiệp Khắc — cần nhắc lại vụ án Rudolf Slansky, một lãnh tụ cộng sản Tiệp gốc Do Thái bị một phe chức sắc cộng sản khác, hiện đang tại quyền, hạ bệ và thủ tiêu cùng một lúc với số khá đông cán bộ gốc Do Thái và Slovaque, cách đây mười lăm năm. Nguyên ủy của vụ án không ngoài sự tranh chấp trong nội bộ cộng đảng Tiệp giữa hai phe chủ trương tuyệt đối theo Nga hay noi gương Tito đi tìm một đường lối quốc gia

tiến tới xã hội chủ nghĩa. Phe thứ hai bị bại và kéo theo một cuộc thanh trừng mà nạn nhân phần lớn là những người Tiệp gốc Do Thái. Cuộc thanh trừng để lại trong tim óc nhân dân Tiệp một ấn tượng đen tối. Thái độ thiên trọng Do Thái của trí thức Tiệp nhân vụ chiến tranh Trung Đông, hiểu rộng ra chỉ là một hình thái nói lên nỗi ám ức đối với chính quyền tại vị. Phản ứng mạnh bạo của Mnacko có thể giải thích được bằng dã tâm của phe chính quyền khi muốn gây phong trào chống Do Thái đã khơi dậy tâm lý kỳ thị Do Thái tạo ra hồi mười lăm năm trước.

Trong bài tuyên ngôn, Mnacko không đưa ra một luận cứ gì mới lạ ngoài việc nhắc lại chính sách nâng đỡ tân quốc gia Do Thái của chính phủ Tiệp Khắc, khi cách đây ngót hai mươi năm, cả Nga lẫn Mỹ đồng tình tạo một đất sống cho những người Do Thái lưu lạc khắp bốn phương. Trong khi —

theo Mnacko — dân tộc Do Thái chỉ biết tận lực tài bồi và bảo vệ mảnh đất mới của họ, tại sao chính phủ Tiệp Khắc có thể đổi thái độ, chống đối Do Thái, viện lẽ mơ hồ một dân tộc với hai triệu rưỡi người đang toan tính tiêu diệt cả một thế giới Á rập rộng và đông.

Có một điểm đáng lưu ý trong luận cứ của Mnacko là ông ta đem so sánh khí thế của Ai Cập trong trận giặc Trung Đông với khí thế của chính quyền Việt nam trong trận giặc Việt Nam. Trong ý nghĩ của Mnacko, Ai Cập với sự hậu thuẫn hùng hậu của Nga, so sánh được với Cộng hòa Việt Nam (1) với sự hậu thuẫn hùng hậu của Mỹ. Đây là điểm ta ghi lại để lát nữa sẽ bàn tới.

Về phần nhà bình bút của nhật báo Anh «The Daily Mail», ông ta đứng trên một

1. Tuyên ngôn của Ladislav Mnacko được công bố cách đây khoảng hơn bốn tháng.

lập trường ngược hẳn lại nhà văn Tiệp Khắc. Trong khi Mnacko không viện tinh thần chủng tộc (ông ta không phải người gốc Do Thái) nhưng đòi hỏi Tiệp Khắc có lý với chính mình đừng bỏ rơi một dân tộc mà mình đã từng ủng hộ, Bernard Levin, trong bài trả lời dư luận đã kích ông ta, vẫn nhìn nhận gốc gác của mình, nhưng tuyên bố không ủng hộ Do Thái trong trận giặc Trung Đông 1967 nhân danh một công dân Anh. Theo Bernard Levin, Do Thái ngày nay đã là một quốc gia với thể đứng riêng biệt của mình. Ông ta nhìn vào chiến tranh Trung Đông 1967 bằng con mắt khách quan chứ không chịu sự chi phối của tình cảm do tinh thần đồng chủng thúc dục. Trong con mắt của tác giả, Do Thái của những thế kỷ lưu lạc trước ngày lập quốc khác hẳn Do Thái ngày nay với tất cả những đặc tính của một quốc gia biệt lập. Từ

ngày dựng nên Quốc gia Do Thái là bắt đầu có sự phân tách giữa những thế hệ Do Thái đang bắt đầu mọc rễ (tạm dịch danh từ secularisation) tại Palestine và những người gốc Do Thái nhưng đã chọn làm công dân của những quốc gia nơi họ trú ngụ. Nếu chủ trương rằng hết thảy những người gốc Do Thái phải tuyệt đối trung thủy với dân tộc gốc gác của họ tức là đẩy họ tới một tình trạng phi lý không phân biệt được giữa một tình cảm và một bổn phận: những người gốc Do Thái có quyền có cảm tình với Quốc gia Do Thái nhưng không thể bắt họ quá trớn có bổn phận như một công dân Do Thái.

Cũng cần nói thêm là thái độ dè dặt của Bernard Levin đối với Do Thái đã dựa trên những căn bản gần như tuyệt đối, cho nên ta cũng cần dè dặt không thể coi trường hợp Bernard Levin là tiêu biểu cho đám đông

những người gốc Do Thái hiện còn tản mác bốn phương, vì lẽ này hay lẽ nọ không về tập hợp trên mảnh đất Palestine. Bernard Levin viết: « Nếu ta không còn đức tin nơi tôn giáo của ông cha nữa (như trường hợp của tôi); nếu ta bác bỏ, vì không đủ căn bản nhân loại học, ý niệm « chủng tộc Do Thái » (như trường hợp của tôi); nếu ta có thể hiểu được rằng tại Trung Đông hết thảy mọi làm lỗi không chỉ ở một bên (như trường hợp của tôi), vì lý do gì ta không quan tâm mật thiết tới Thụy Sĩ hơn là với Do Thái nếu Thụy Sĩ cũng gặp một hoàn cảnh tương tự? » Căn cứ trên lập luận như vậy ta có thể coi Bernard Levin như một người Anh thường vì ông ta không theo Do Thái giáo, không chủ trương rằng người Do Thái là một dân tộc riêng biệt, và cũng nghĩ như một số người khác rằng vụ thiết lập quốc gia Do Thái có tạo nên những bất công ở Palestine.

Đó là một thái độ hết sức duy lý.

Nhưng ta tự hỏi tại sao cùng một trường hợp mà một người đáng lẽ phải đứng về phía Á rập lại đứng ra bình vực Do Thái, còn một người rất nhiều xu hướng tự nhiên về phía Do Thái lại chủ trương giữ thái độ duy lý không thiên vị Do Thái.

Một bên Ladislav Mnacko tiêu biểu cho những người chủ trương Do Thái là nạn nhân (một dân tộc hai triệu rưỡi người phải đương cự với sức tràn lấn của cả một thế giới Á rập liên kết) một bên Bernard Levin cũng chủ trương quốc gia Do Thái hiện đã mất hẳn Do Thái tính (judaïté) trở nên một quốc gia hùng mạnh đang toan tính mở rộng bờ cõi. Rõ rệt là hai chủ trương đã hóa giải lẫn nhau, còn đâu là sự thật khi cả hai bên cùng cho rằng nắm chớp được sự thật!

Bước rộng ra ngoài vấn đề Do Thái — Á Rập, biết

bao vấn đề khác trên thế giới ngày nay cũng đụng nhằm cảnh khó xử, sự thật ở cả hai bên đối nghịch. Chẳng hạn như Ladislav Mnacko đã chẳng ví von Á Rập với Việt Nam cộng hòa là gì. Tưởng như Việt cộng độc lực chiến đấu không có chút hậu thuẫn nào của Trung cộng, của Nga cộng, của cả thế giới cộng sản!

Tại sao cùng đứng một vấn đề những người ít nhất cũng có đảm bảo là hiểu biết hơn số đông lại có thái độ mâu thuẫn lẫn nhau khăng khăng giữ quan điểm của mình, trong khi sự thật không tuyệt đối đứng ở một bên? Lý do đơn giản là những người trí thức thường quá tin tưởng nơi thói quen suy lý của mình để định ninh rằng mình khách quan, nhưng thật ra hoàn cảnh chung quanh biến đổi đã đem lại những dữ kiện mới tác động trực tiếp tới óc suy luận và đưa tới kết quả thay đổi hẳn quan điểm của mỗi người.

Nguy cơ lớn là sự suy lý tưởng rằng khách quan đã tác hại tới công việc tra hỏi sự thật.

Để tiện thảo luận, ta cứ lấy ngay một ví dụ gần gũi là vấn đề Việt Nam. Chắc hẳn không ai chối cãi rằng khởi thủy của vấn đề Việt Nam là cố gắng dứt bỏ ách thống trị ngoại bang trên đất nước. Cùng nhắm một mục đích, những người đi tìm tự do cho dân tộc đã vờ được những phương tiện khác nhau, gặp những hoàn cảnh khác nhau và chủ quan khác nhau. Do đó đã gây thành hai trận tuyến lâu dần trở thành đối nghịch chỉ bởi ảnh hưởng tác động của những hoàn cảnh và phương tiện khác nhau đó. Kết quả là cùng đề ra một mục đích mà trên thật tế những người đối nghịch trên lập trường đã sẵn sàng giết nhau. Đặt hai người quốc gia và cộng sản trước mặt nhau cuộc thảo luận sẽ không bao giờ đưa tới điểm tương

đồng chí vì ngoại cảnh đã xô đẩy cả hai bên lên tận ngọn hai đỉnh đối lập.

Điều đáng đau đớn là ngoại cảnh ngày một mênh mông, ngày một tách rời những thiện chí. Ladislav Mnacko rất có lý nếu chỉ nghĩ rằng những người Do Thái bằng bao nhiêu thế kỷ lưu lạc có quyền có một tổ quốc thật sự. Nasser rất có lý nếu chỉ nghĩ rằng những người Á rập bằng thế kỷ sinh sống tại Palestine bỗng phải chịu sự bất công phải nhường đất sống của họ cho người khác mà không được đền bù xứng đáng. Bernard Levin cũng rất có lý nếu chỉ nghĩ rằng từ việc tạo cho những người Do Thái một tổ quốc lại đưa tới việc ủng hộ những tham vọng phát triển quá mức của quốc gia Do Thái là

một thái độ phản lại lẽ phải. Dự luận thế giới chống chiến tranh Việt Nam rất có lý nếu chiến tranh tàn khốc hiện nay mà dân tộc chúng ta phải gánh chịu có ẩn hậu ý đem lại thắng lợi cho một ý thức hệ này hay một ý thức hệ khác hoàn toàn sai lệch với ý nguyện tự do và hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Cho nên ta có thể nói là trong hết thảy những vấn đề đang chia rẽ nhân loại giải pháp thỏa đáng nhất chỉ tìm được khi nào những phe liên hệ rũ bỏ được áp lực của những hoàn cảnh gây ra do diễn tiến của thời cuộc quốc tế làm biến đổi mất thực trạng của vấn đề thật ra vẫn nguyên vẹn từ khởi thủy.

MẶC ĐỒ

KỊCH TÁC GIA VÀ KỊCH

DƯỚI MỤC NÀY, CÁC KỊCH TÁC-GIA IONESCO, O'NEILL, WILDER PHÁT-BIỂU QUAN-ĐIỂM CỦA HỌ VỀ CÁC VẤN-ĐỀ SÂN-KHẤU

★ IONESCO

Tất cả các kịch phẩm của tôi đều bắt nguồn từ hai trạng thái ý thức: có khi cái này vượt thắng, có khi cái kia, và đôi lần chúng pha trộn với nhau. Những trạng thái ý thức căn bản đó là nhận thức về tiêu tan và vững chắc, sự trống rỗng và sự hiện diện quá nhiều, sự trong suốt hư ảo của thế giới và sự mờ đục của nó, về ánh sáng và bóng tối dày đặc. Mỗi người chúng ta chắc chắn đã có những lúc cảm thấy rằng thực chất của thế giới giống như mộng ảo, chúng ta cảm thấy những bức tường không còn chắc chắn và hình như ta có thể nhìn qua, suốt vào một vũ trụ thuần ánh sáng và màu sắc; vào lúc ấy toàn bộ đời sống, toàn bộ lịch sử thế giới, trở nên vô ích, vô

tri giác và không thể chấp nhận nổi. Khi ta không vượt qua nổi giai đoạn thứ nhất của sự lạc lõng đó — bởi thật sự ta có ấn tượng rằng ta thức tỉnh trước một thế giới xa lạ — thì cái cảm giác tiêu tan (sensation of evanescence) gây cho ta một tình cảm thống khổ, một hình thức choáng váng. Nhưng tất cả cái đó cũng có thể đưa tới sự khoan khoái: nỗi thống khổ biến thành thoải mái; không còn gì đáng kể nữa trừ sự lạ lùng của hiện hữu, cái ý thức mới mẻ và sống sót về đời sống, dưới ánh sáng chói hồng của một bình minh mới, khi chúng ta đã tìm lại được tự do; việc hiện hữu làm cho ta kinh ngạc, trong một thế giới bây giờ dường như chỉ thuần là ảo ảnh và làm bộ, ở đó sự đời trở nên phi lý và tất cả lịch sử là trò vô ích hoàn

toàn; tất cả thực tại và tất cả ngôn ngữ đều hiện ra sai khớp, tan rã và đồ sụm, và như thế ta còn có cách phản ứng nào khác nữa, khi mọi sự đều chẳng còn nghĩa lý gì, (ta còn có cách phản ứng nào khác nữa) nếu không là cười vào tất cả? Chính tôi, vào lúc như thế, tôi cảm thấy mình hoàn toàn tự do và thoải mái, đến nỗi tôi có ấn tượng rằng tôi có thể làm bất cứ cái gì tôi muốn với ngôn ngữ và con người, trong cái thế giới chẳng còn là gì nữa đối với tôi, cái thế giới giả bộ vô căn cứ và lỗ bịch.

Hiền nhiên cái trạng thái ý thức này rất hiếm; sự khoái trá và kinh ngạc về sự sống, trong một vũ trụ không còn gây phiền lụy và còn hiện hữu nữa, chỉ có thể thoáng gặp. Thường thấy hơn là cái tịch cảm ngược lại: cái gì nhẹ thì trở nên nặng trĩu, cái trong suốt trở thành dày-đặc, thế-giới kim-kệp và vũ-trụ nghiêng nát mình. Một tấm màn, một bức-tường không thể lọt qua đứng chắn giữa mình và thế-giới, giữa tôi

và chính tôi; vật-chất tràn đầy mọi góc-ngách, lấp kín mọi không-gian và sức nặng của nó hu-vô hóa mọi tự-do; Chân trời khép lại và thế-giới trở thành cái nhà-pha ngộp thở. Ngôn-ngữ gây đồ một cách khác và những từ-ngữ rơi xuống như đá hoặc như xác chết; tôi cảm thấy bị tràn ngập bởi những sức mạnh nặng-chiu mà tôi cố chống lại trong một cuộc chiến-đấu thất-bại.

Đây rõ-rệt là khởi điểm của những vở kịch được xem là kịch nhất của tôi: *Amédée* và *Nạn nhân của bổn phận*. (Victims of Duty). Với trạng thái tinh-thần như thế, các từ ngữ, đã mất hết ma-lực, đương nhiên được thay bằng đồ-vật, bằng đồ sở-hữu: vô-số nắm móc lên trong căn nhà của Amédée và Madeleine; một xác chết ở đây mắc bệnh «*tiến triển kỷ-hà*» (geometrical progression) làm cho những người cư-ngụ phải vọt ra ngoài; trong kịch «*Nạn nhân của bổn-phận*» thì khi chỉ cần

rót cò-phê cho ba nhân-vật lại có một chông chênh-nghệ hàng trăm cái tách; đồ-đặc trong kịch *NGƯỜI THUÊ NHÀ MỚI* (The new tenant) ban đầu chấn hết mọi thang gác rồi bừa khắp sân khấu, và cuối cùng chôn-vùi luôn nhân vật đến mười một gian phòng trong ngôi nhà; trong kịch *GHẾ* (The Chairs) sân-khẩu chất đầy hàng tá ghế giành cho những người khách vô-hình; và trong kịch *Jacques* năm-bảy cái mũi mọc lên trên mặt một cô gái. Khi các từ ngữ mất hết ý-nghĩa, đầu óc con người cũng kiệt-quệ. Vũ-trụ, rối loạn vật-chất, trở nên trống-rỗng sự hiện diện: «*thái quạ*» dính liền với «*bất cập*» và đồ vật là vật-thể-hóa của cô-đơn, của sự chiến thắng của những sức mạnh phản tinh-thần, của mọi thứ mà chúng ta chống lại. Tuy nhiên trong cái cảnh-ngộ lo phiền đó tôi không hoàn-toàn bỏ cuộc đấu-tranh, và nếu — như tôi hy-vọng — tôi tìm cách lồng sự hài-hước vào

trong thống-khổ — sự hài-hước là dấu-hiệu đáng mừng của một hiện-diện khác — thì đối với tôi đó chính là một lối thoát, một phóng-thích, một cứu-rỗi...

Trích Eugene Ionesco, Foreword, PLAYS, bản Anh ngữ của Donald Watson (London: John Calder 1959). Chương I trang 7-9.

Cái «*xã hội*» mà tôi cố gắng miêu tả trong kịch *NGƯỜI CA-SĨ SOPRANO SÓI ĐẤU* là một cái xã-hội toàn-hào, tôi muốn nói mọi vấn-đề xã-hội ở đó đều đã được giải-quyết. Bất-hạnh thay, điều này không có tác-dụng gì đối với cuộc đời chúng ta đang sống. Tấn kịch diễn ra trong một thế giới mà những lo lắng về kinh tế đã trở thành chuyện xa xưa, một vũ trụ không còn bí mật, ở đó mọi việc đều chạy êm ru, ít ra cũng đối với một phần nhân loại. Tôi tin chắc đó là thế giới của ngày mai. Ở Mỹ, ở Nga, ở Tàu, ở Châu Phi, và

vấn vân, bước tiến của khoa học và kỹ nghệ hóa cuối cùng phải đi tới vững chãi và yên vui xã hội.

Trong kịch *Ca sĩ sói đầu*, một vở kịch hoàn toàn không nghiêm trang, tôi chỉ quan tâm nhất đến việc giải quyết những vấn đề thuần túy sân khấu, thế mà có người cho là tôi chằm biếm xã hội trưởng giả, chỉ trích đời sống ở Anh quốc, và có trời biết là còn gì nữa. Thật sự, nếu vở kịch là chỉ trích một cái gì thì nó phải là chỉ trích mọi xã hội, chỉ trích ngôn ngữ, khuôn sáo — nó nhại lối sống của con người và do đó, nó nhại cả kịch nghệ. Tôi nghĩ đến cả kịch thương mại và kịch của Brecht. Thật ra, tôi tin rằng đúng vào lúc mà chúng ta nhìn thấy những vấn đề kinh-tế cuối cùng, cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng, chúng ta cũng sẽ nhìn thấy rằng nó không giải quyết gì cả, và thật sự những vấn đề của chúng ta chỉ mới bắt đầu. Chúng ta không thể trốn tránh được nữa việc tra hỏi mình

rằng ta đang làm gì đây trên mặt đất, và làm sao không ý thức sâu sắc được thân phận mình mà chúng ta lại chịu đựng nỗi sức nặng vùi dập của thế giới hữu thể.

Đây là vấn đề muôn thuở, nếu có một vấn đề muôn thuở; bởi sống nghĩa là vong thân (alienation). Những vấn đề khác, ngay cả những vấn đề của kịch Brecht, chỉ làm rắc rối sự giải quyết vong thân — vốn là chủ đề của Brecht. Khi không còn cái đề là xấu ác và mọi người đều tốt cả thì cái tốt của ta, cái không xấu ác của ta, cái không tham lam, cái vô kỷ tối hậu (ultimate neutrality) của ta sẽ dùng vào việc gì? Con người trong kịch *CA SĨ SÓI ĐẦU* không còn đòi khát và những thèm muốn ý thức, họ chán ngắc. Nhưng con người vong thân một cách không ý thức không biết rằng họ chán. Họ chỉ cảm thấy nó một cách mơ hồ, chính từ đây phát ra tiếng nổ kết cuộc — cái này cũng vô ích, vì các nhân vật và cảnh ngộ

đều tĩnh và có thể thay đổi lẫn nhau, và mọi sự kết liễu ở chỗ nó bắt đầu.

Trong các vở kịch của tôi, tôi đề cập vấn đề ấy một cách khôi hài vì tấn kịch người cũng phi lý không kém gì thống khổ. Phần thứ hai của *Người thuê nhà mới* có lẽ kém thôi hài — hoặc có lẽ không, tùy theo người điều khiển. Dù sao kết quả cũng vẫn thế: hài hước và bi đát chỉ là hai mặt của một cảnh ngộ và như tôi hiện giờ, tôi thấy thật khó lòng phân biệt... Trích THE WORLD OF EUGENE IONESCO, New York.

Times, July 1-1958.

THORNTON WILDER

...Truyện được viết bằng động tự ở thời quá khứ. Các nhân vật truyện thật sự được diễn tả như là đang sống từng khoảnh khắc cái thời hiện tại của họ nhưng sự bình luận có tính cách hướng dẫn bất biến của nhà

văn (*«Tess chậm chậm đi xuống thung lũng»*; *«Anna Karenina cười»*) làm cho người đọc không thể không nhớ rằng các biến cố đã qua rồi và qua hẳn.

Truyện là một quá khứ được thuật trong hiện tại. Trên sân khấu thì luôn luôn là *bây giờ*. Điều này làm cho động tác tăng thêm sức sống mà người viết truyện không thể nào đạt tới trong tác phẩm của mình.

Điều kiện này của sân khấu đem đến một yếu tố quan trọng:

Trên sân khấu chúng ta không biết đến sự can thiệp của người kể truyện. Ngôn ngữ do các nhân vật nói lên có vẻ như là ứng khẩu.

Kịch là cái đang diễn ra.

Truyện là cái mà người ta kể với chúng ta rằng đang diễn ra.

Kịch rõ ràng biểu hiện hiện hữu thuần túy. Truyện là cái mà người ta chú ý, tự cho là mình hiểu biết hết, quả quyết rằng đã hiện hữu.

Nhiều kịch tác gia đã tiếc sự vắng mặt của người kể chuyện trên sân khấu, với quan điểm của hẳn, khả năng phân tích hành vi các nhân vật của hẳn, tài xen vào truyện và cung cấp những sự kiện soi sáng quá khứ, trình bày những động tác diễn ra cùng một lúc mà khán giả không nhìn thấy được. Và quan trọng hơn cả, việc hẳn hướng dẫn đạo đức và nhấn mạnh ý nghĩa của động tác. Trong một vài thời kỳ của sân khấu, người kể chuyện đó đã có mặt dưới hình thức TIẾNG NÓI ĐỒNG THANH (Chorus), khai từ (prologue), kết từ (epilogue) hay là một *raisonneur*. Nhưng chắc chắn rằng sự vắng mặt của hẳn tạo thêm sức mạnh cho hình thức và cũng là một thứ thuế phụ trội đánh trên tài nghệ của nhà văn. Nhiệm vụ của kịch tác gia là phối hiệp tấn kịch, qua sự truyền lựa các giai đoạn và ngôn ngữ, để cho quan điểm của mình,

ý định chỉ đạo của mình tự chúng làm cho khán trường lưu ý — mặc dầu kịch tác gia không hề lộ diện...

THORNTON WILDER, «Some Thoughts on Playwriting», THE INTENT OF THE ARTIST, Princeton University Press 1941, p. 97.

O'NEILL (1888 — 1953)

Tôi yêu cầu đeo mặt nạ cho các «đám đông» trên sân khấu khi cần miêu tả cái tâm lý tập thể, phi cá nhân của đám đông. Đây là một lý-do khiến cho mặt nạ được sử dụng một cách rộng rãi trong kịch LAZARUS LAUGHED. Đeo mặt nạ cho các đám đông trong vở kịch đó, tôi muốn thị hiện cái tác dụng gây cho khán trường ý thức rằng ĐÁM ĐÔNG không phải là một tập hợp những cá nhân mà là một khối tập đoàn, một thực thể. Tác dụng này được tăng cường bằng ánh sáng sân khấu.

Khi đám đông nói, tôi muốn khán giả nghe thấy

tiếng nói của tinh thần ĐÁM ĐÔNG, niềm xúc động của ĐÁM ĐÔNG, như là tiếng nói của một cơ thể được cấu tạo bởi — nhưng hoàn toàn phân biệt với — những phần của nó.

Và, vì những lý do thực tế hơn nữa, tôi muốn giữ cho những đám đông khác nhau ở một thời đại và xứ sở khác khỏi bị khán giả nhận ra như là các vai figurants (supers) trên sân khấu...

Thật là hứng thú khi nhìn thấy, trong những buổi diễn tập cuối cùng vở kịch ĐẠI THƯỢNG ĐẾ BROWN (The Great God Brown), các diễn viên sau một thời gian

đeo mặt nạ đã phản ứng với đòi hỏi của mặt nạ bằng sự sống động và diễn tả của thân thể họ. Thường thường thì chính vẻ mặt của diễn viên tham dự tấn kịch. Thân thể họ có vẻ như bàng quan và đã bị kéo lên sân khấu trong khi chúng khoải ngồi nhà, trong một tấm ghế bọc nệm, nhìn buổi chiều êm ả.

Điều này không tỏ sự thiếu kính trọng các diễn viên...

Eugene O'Neill, A DRAMATISTS NOTEBOOK, The American Spectator, January, 1933, p. 2.

TRẦN KỲ HÙNG
sưu tầm và dịch.

NGÀY ĐÓ CÓ EM

thuật-kỹ ĐÌNH HÙNG

NGÀY LẠ MẶT

truyện DƯƠNG NGHIỆM MẠU

Giao Điểm xuất bản

MỘT VÀI NÉT SINH HOẠT VĂN HÓA

★ Đại học Vạn Hạnh phát hành số đầu tập san Tư Tưởng. Về lượng cũng như về phẩm, hình thức cũng như nội dung, người đọc nhận thấy sự cố gắng đáng ghi của một nhóm trí thức muốn thực tâm xây dựng cho văn hóa xứ sở. Điều đáng mến ở đây là tính vô tư, phóng khoáng của những người viết, và chính điểm này đã nêu rõ được tinh thần nhân bản phảng phất trên ngoài hai trăm trang Tư Tưởng Người đọc mong đợi những số kế tiếp.

★ Một cố gắng nữa là tập san Nghiên cứu Văn học do L.M. Thanh Lăng làm chủ nhiệm, Như tên tập san đã minh định, Nghiên cứu Văn học thiên về mặt khảo luận và giới thiệu những tác giả, những trào lưu tư tưởng, những nền văn học, cổ cũng như kim của Việt Nam. Trong số ra mắt, điều

đáng chú ý là ý kiến của nhà báo Phạm Việt Tuyên về thơ tự do, đặc biệt là thơ của Thanh Tâm Tuyên.

★ Một trường hợp đáng kể là trường hợp Nguyễn văn Trung. Đáng kể là bởi Nguyễn văn Trung cũng tập hợp một số anh em đề xuất bản một tạp chí mang tên là Đất Nước—sau khi đã phát biểu ý kiến của mình về việc xuất bản tạp chí, nhân một cuộc phỏng vấn của Nguyệt san Văn Đề trong số ra mắt, cách đây đã 9 số. Lúc đó, ý kiến của Nguyễn văn Trung như sau:

Nhìn vào thực trạng tạp chí, tôi thấy có thể phân làm ba loại:

1. Loại tạp chí không đường lối, hay đường lối là không có đường lối, vì chỉ cần một người chủ nhiệm kiêm chủ bút chịu khó chạy xin bài đủ mọi hạng người và nhân nại thúc dục, chờ đợi với một chút tài ngoại giao...

2. Loại tạp chí có đường

lối, nhưng đề « làm dáng trí thức » mà thôi. Những người chủ trương thực ra không coi là quan trọng những điều mình viết: ăn, ngủ, ngồi tán dóc, rồi viết, xây dựng bằng tưởng tượng một mẫu người, một quan niệm riêng, một lý thuyết văn nghệ, coi văn học nghệ thuật như một vũ trụ riêng biệt mà mình là chúa tể, bắt xét những thực tại liên hệ như chính trị, xã hội, giáo dục...

3—Loại tạp chí có đường lối « dẫn thân » coi là quan trọng những điều mình viết: muốn đặt những vấn đề với một niềm âu lo, một tinh thần trách nhiệm, nhưng chưa nhận ra những ảo tưởng trí thức của mình.

Những vấn đề đặt ra là vấn đề của ai, cho ai? Có liên quan gì đến đa số không? Một đảng là tầng lớp trưởng giả không thêm đề ý tới cái gọi là văn hóa dân tộc, văn chương Giao Chỉ, do đó họ có đọc là đọc sách báo ngoại quốc, một đảng là đông đảo

các lớp bình dân ở nông thôn và thành thị không thể đề ý tới vì không có phương tiện điều kiện hoặc không biết gì cả, tuy những vấn đề đặt ra, chúng ta tưởng là đặt ra cho họ, như vấn đề cách mạng xã hội, dân chủ hóa học chính, văn nghệ đại chúng...

Do đó, những vấn đề đặt ra phải chăng chỉ phản ánh những ray rứt lương tâm của những người đặt ra và nhằm gửi tới một số người cũng mang tâm tư ray rứt như họ. Thiết thực chẳng giải quyết được gì, cho những người là đối tượng của vấn đề và có lẽ chỉ tạo cho những người đặt vấn đề một ảo tưởng « đã đặt được vấn đề ».

Tôi chưa thể đề nghị một cái gì xây dựng, cụ thể bao lâu chưa thấy hết được những giải đáp cho những thắc mắc tôi vừa nêu lên. Nói cách khác, chúng ta không thể tiếp tục thái độ cần viết thì viết; muốn ra một tạp chí, thì xoay sở cho ra bằng được, thế thôi, mà phải xét lại dự định viết,

hoàn cảnh xã hội, chánh trị của thời đại mình, để khỏi rơi vào những ảo tưởng tri thức. Chính tri thức là một khả năng lột mặt nạ những ảo tưởng, khai phá sự thật, nhưng khôn thay, chính tri thức cũng là khả năng tạo ảo tưởng và sự sáng suốt và sự mệnh đi tìm chân lý, vì đôi khi sự sáng suốt chỉ che đậy một thái độ làm dáng tri thức hay một bất lực trước một thực tại chúng ta **tưởng** là mình thấu hiểu và nhất là chẳng thay đổi được gì... Tôi ước mong những nhận xét cảm nghĩ bày tỏ trên trở thành lời mời gọi những độc giả của tạp chí « Văn Đề » suy nghĩ về những vấn đề văn hóa nói chung và vấn đề « tạp chí Văn Đề » nói riêng : tạp chí Văn Đề sẽ sống được bao lâu ?

(Trích Vấn Đề số 1)

Đề chào mừng và giới thiệu Đất Nước và cũng là đề đưa người chủ nhiệm họ Nguyễn một chút, ban biên tập Nguyệt San Văn Đề xin

hỏi nhỏ họ Nguyễn ba câu :

— Họ Nguyễn xếp tạp chí Đất Nước vào loại nào ? Loại không đường lối, loại « những-người - chủ - trương thực-ra-không - coi - là - quan trọng-những-điều-minh-viết » hay là loại thứ ba, loại « chưa-nhận-ra-những-ảo-tưởng - tri-thức-của-minh » ?

— Họ Nguyễn đã « thấy hết được những giải đáp cho những thắc mắc vừa nêu lên » chưa ?

— Tạp chí Đất Nước sẽ sống được bao lâu ?

★ Và một buổi nói chuyện tay ba về « ý thức hệ văn hóa dân tộc » trên màn ảnh ti vi. Đối thoại giữa ba người : ông Hoàng Xuân Việt và hai giáo sư : ông Nguyễn Đăng Thục và ông Nghiêm Thâm. Thời hạn : 15 phút. Đề tài : Ý thức hệ văn hóa dân tộc (L.T.S. : *Tại sao lại ý thức hệ văn hóa dân tộc ?*) Vấn đề giải quyết trên hai tiết mục (L.T.S. : *ngón ngừ ti vi.*) : định nghĩa ý thức hệ văn hóa dân

tộc do ông Nghiêm Thâm phụ trách và khuyến cáo chính quyền về việc áp dụng ý thức hệ văn hóa dân tộc vào đời sống kinh tế, giáo dục, y tế, chính trị v.v... do cả hai ông Nguyễn đăng Thục và Nghiêm Thâm phụ trách.

Ông Hoàng Xuân Việt vấn :

— Giáo sư Nghiêm Thâm, cho tôi biết định nghĩa của ý thức hệ văn hóa dân tộc.

Ông Nghiêm Thâm đáp :

— Đó là một con đường... một con đường đề cho người đi đường khỏi lạc đường (L.T.S. : *như vậy ông Bùi Xuân Bào, Thứ trưởng Văn hóa có sợ dẫm lên chân ông Tổng trưởng Công chính và nhất là ông Giám đốc Nha Cảnh sát công lộ không ?*)

Sang tiết mục hai, ông Hoàng Xuân Việt lại vấn :

— Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, cho tôi biết cách áp dụng ý thức hệ văn hóa dân tộc vào đời sống kinh tế, giáo dục, chính trị công chính vân vân...

Ông Nguyễn Đăng Thục đáp :

— Từ hồi di cư vào đây tôi chẳng thấy người nào áp dụng ý thức hệ văn hóa dân tộc cả. Bằng chứng là không có quốc

học. Bằng chứng là người có bằng cấp của Tây lại dạy tiếng ta. Còn người ta thì không có bằng cấp. Ông Hoàng Xuân Việt quay sang ông Nghiêm Thâm, lại vấn : — Còn giáo sư Nghiêm Thâm ? Ông Nghiêm Thâm nổi tiếng là khôn, đáp liền :

— Khó gì ? cái gì của mình hay thì giữ chặt lấy. Cái gì của mình dở thì vứt bỏ cho người. Rồi lấy ngay cái hay của người làm của mình.

Cả ba nhìn nhau, nhìn tôi — nghĩa là khán giả ti vi — cười cười.

Rồi ông Hoàng Xuân Việt đồng dục, nghiêm trang, kết luận :

— Thưa quý vị khán giả, vấn đề « Ý thức hệ văn hóa dân tộc », một vấn đề quan trọng vào bậc nhất mà sự giải quyết sẽ là một yếu tố căn bản quyết định sự toàn thắng của dân tộc Việt nam trong công cuộc cứu nước và dựng nước, vấn đề « Ý thức hệ văn hóa dân tộc » như vậy là đã được giải quyết. Xin kính chào quý vị khán giả,

Man ảnh ti vi mờ dần với nụ cười của ông Hoàng Xuân Việt.

(Cam đoan ghi gần đúng nguyên văn).

KHẮC THIÊN

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Anh LÊ NGỌC CHẤN : Luân Đôn — Đã nhận được thư anh. Mong được đọc anh luôn, nhất là những ý nghĩ của anh về mình về người. Vũ.

Anh LÊ VĂN PHONG : Tokyo — Đã nhận được thư và tập giải phẩm. Cảm tạ. Mong nhận được bài cho Vấn đề. Vũ.

Anh NGUYỄN TRẦN HUÂN : Ba-Lê — Đợi bài của bác. Sẽ gửi bác cuốn sách bác cần, đang tìm. Vũ.

DUẬN : Huế — Đã nhận được thư của Duận. Cảm động. Vũ.

Anh PHẠM NGUYỄN VŨ : Southampton — Mong tin. Vũ.

Thưý Đông. Câu thơ trích dẫn mà ông hỏi, trích trong nguyên bản do Tiếng Đông phương xuất bản tại Hà nội, năm 1954, tr. 52.

Đã nhận được bài của các bạn : NGÔ NGUYỄN NGHIÊM, TRẦN THỂ THỦY TRIỀU, BÀN MỸ LONG, NGUYỄN NGUYỄN LÊ NGÃ LỄ, THỤY ĐÔNG, VIỆT QUỐC HÙNG. HUYỀN THƯ SẮC, NGUYỄN BẠCH DƯƠNG, TRẦN KHA, SƯƠNG BIÊN THỤY, CHẾ VU YÊN, LÊ VĂN NGÂN, DU-Y, DƯƠNG LẬP ĐÔNG, MUỜNG MÁN, TỪ HOÀI TẤN, NGUYỄN PHÚ YÊN, NGUYỄN HÀ, NGUYỄN MẠCH, ĐOÀN CÔNG AN, TRƯƠNG VĂN DŨNG, KỶ VĂN LÊ, VÕ CAO TRÚC, HOÀNG NHẬT QUANG, TRẦN CAO BẰNG, VŨ PHAN TRẦN, LŨ THỊ CỎ ĐƠN, THỂ VŨ, TRẦN KHA DI.

Thành thực cảm ơn các bạn.

HOÀNG LẠC CHUƠNG (Đà Nẵng) — Không đăng «những đường lối chính trị không tên».

THỂ VIÊN — Sẽ đăng «bài thơ này cho S».

TỪ KẾ TƯỜNG — Sẽ đăng.

CHU MINH THỤY — «Kẻ cắp ngựa» đang xem.

NGUYỄN VĂN PHỤNG — Sẽ đăng mấy bài lục bát.

LÊ BÁ LÃNG — không đăng — cảm ơn bạn nhiều.

Cô TRẦN THỊ ĐỒNG DI (Huế) Rất thông cảm về những nhận xét của cô, nhưng chúng tôi không thể làm khác hơn được.

XUÂN MẬU THÂN

Những bài của :

DƯƠNG NGHIÊM MẬU * DUY THANH *
HOÀI BẮC * KIỆT TÂN * LÊ HUY
OANH * LÊ QUANG LUẬT * LÝ HOÀNG
PHONG * LÝ PHẬT SƠN * MẶC ĐỖ *
MAI THẢO * NGHIÊM XUÂN HỒNG *
NGỌC DŨNG * NGUYỄN NGHIỆP
NHƯỢNG * NGUYỄN PHÚC BỬU SUM *
NGUYỄN SĨ TÊ * NGUYỄN THỊ HOÀNG *
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ * PHẠM CÔNG
THIỆN * PHAN LẠC PHÚC * THẠCH
CHƯƠNG * THÁI TUẦN * THANH
NAM * THANH TÂM TUYỀN * TÔ
THỤY YÊN * TRẦN LÊ NGUYỄN *
TRẦN NHỰT TÂN * TRẦN THANH HIỆP
TÚY HỒNG * VIÊN LINH * VŨ KHẮC
KHOAN *

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản :

★ NGÀY NÀO CÒN ĐÀN BÀ
DUY-LAM

★ TIẾNG ĐÔNG NỘI
TRẦN TUẦN KIỆT